THÍCH THANH TỪ

KINH KIM CANG

Giảng Giải



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Mục Lục:

LỜI ĐẦU SÁCH 1
LƯỢC KHẢO KINH 4
GIẢNG GIẢI TÊN KINH 11
GIẢNG GIẢI VĂN KINH 15
ĐOẠN 1 15
ĐOẠN 2 21
ĐOẠN 3 28
ĐOẠN 4 42
ĐOẠN 5 51
ĐOẠN 6 62
ĐOẠN 7 76
ĐOẠN 8 89
ĐOẠN 9 101
ĐOẠN 10 115
ĐOẠN 11 127
ĐOẠN 12 138

ĐOẠN 13..... 141
ĐOẠN 14..... 154
ĐOẠN 15..... 181
ĐOẠN 16..... 194
ĐOẠN 17..... 206
ĐOẠN 18..... 242
ĐOẠN 19..... 261
ĐOẠN 20..... 265
ĐOẠN 21..... 272
ĐOẠN 22..... 283
ĐOẠN 23..... 290
ĐOẠN 24..... 296
ĐOẠN 25..... 303
ĐOẠN 26..... 308
ĐOẠN 27..... 317
ĐOẠN 28..... 323
ĐOẠN 29..... 329

ĐOẠN 30..... 331
ĐOẠN 31..... 340
ĐOẠN 32..... 345
TÓM KẾT..... 356

LỜI ĐẦU SÁCH

Trí tuệ Bát-nhã thấy đúng lý trung đạo, không kẹt ở hai bên có và không v.v... Vì biết rõ vạn vật đều do nhân duyên sanh, nên không có chủ thể thì làm gì thật có được; đủ duyên vạn vật sanh thì làm sao nói thật không? Như kinh nói: "Chúng sanh không phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh... Thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới...". Không phải chúng sanh, vì duyên hợp không có chủ thể. Gọi là chúng sanh, vì giả tướng giả danh hiện tiền làm sao phủ nhận được. To như thế giới cũng là duyên hợp không chủ thể, nên nói khong phải thế giới; cụ thể chúng sanh đang sống nương nhờ trên thế giới thì giả tướng thế giới làm sao chối bỏ được, nên nói gọi là thế giới. Thế mà, có một số người học Phật nông nổi nói: "Bát-nhã chấp không". Quả thật họ là người rất đáng

thương, học Phật mà hoảng sợ trí tuệ thì bao giờ được giác ngộ.

Bát-nhã có công dụng, có khả năng phá sạch mọi kiến chấp. Người học Phật cần yếu phải nhờ nó để dẹp tan tất cả kiến chấp sai lầm cố hữu đã lôi kéo mình vào vòng trầm luân muôn vạn kiếp rồi. Nếu không tận dụng cây kiếm Bát-nhã chặt đứt mọi xiềng xích kiến chấp, chúng ta khó mong thoát khỏi luân hồi. Diệu dụng kinh Kim Cang là ở đây vậy.

Đọc toàn quyển kinh Kim Cang, chúng ta thấy Phật phá sạch không còn sót một kiến chấp nào. Đây là quả bom, là khối chất nổ mạnh làm nổ tung hai ngọn núi kiến chấp của chúng sanh. Có một số người bảo rằng "tụng kinh Kim Cang nóng". Họ sợ tụng kinh Kim Cang, vì không chịu nổi sức công phá khốc liệt của kinh này. Ngược lại, Ngũ tổ Hoằng Nhẫn

khuyên người tu thiền nên tụng kinh Kim Cang và chính ngài cũng đem kinh Kim Cang giảng cho Lục tổ Huệ Năng nghe, nhân đó Lục Tổ ngộ đạo.

Chúng tôi giảng kinh Kim Cang tại thiền viện Thường Chiếu và các thiền sinh ghi ra từ băng nhựa. Đọc qua bản ghi xong, chúng tôi đồng ý cho in ra để nhiều người được xem. Tuy nhiên, không sao tránh khỏi vài điều sơ sót, xin quý vị cảm thông cho.

Viết tại thiền viện Thường Chiếu

Mùa an cư năm 1992

THÍCH THANH TỪ

LƯỢC KHẢO KINH

Kinh Kim Cang cũng có người đọc là Kim Cương.

Kinh này do đức Phật nói, nguyên văn bằng chữ Phạn, sau truyền sang Trung Quốc được dịch ra chữ Hán.

A- Những nhà phiên dịch Phạn - Hán:

1. Ngài Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva 344-413 Tây lịch) ở chùa Thảo Đường tại Trường An. Vào niên hiệu Hoằng Thủy năm thứ tư, tức là năm 402, thuộc đời Diêu Tần, ngài dịch tên kinh là "Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật".

Đây là bản có giá trị nhất, được gọi là định bản, vì bản dịch này được mọi người dùng để trì tụng. Bản này nằm trong bộ

Tam Bảo tụng hằng ngày (Kinh nhật tụng).

2. Ngài Bồ-đề-lưu-chi (Bodhiruci) đời Bắc Ngụy (386-534) dịch tên kinh đồng với bản trên tức là "Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật" vào năm 509.

3. Ngài Ba-la-mật-đà (Paramartha 499-569), Trung Hoa dịch là Chân Đế, dịch năm 558 đời Trần (557-589), cũng để tên là "Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật".

4. Ngài Đạt-ma-cấp-đa (Dharmagupta) đời Tùy (581-618), khoảng đầu thế kỷ thứ VII dịch tên cũng đồng là "Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật".

5. Ngài Huyền Trang (600-664) đời Đường (618-907), dịch chung trong bộ Đại Bát-nhã, 600 quyển, gồm 16 hội, vào giữa thế kỷ thứ VII. "Kim Cang" là hội thứ 9, quyển 577 trong bộ Đại Bát-nhã.

6. Ngài Nghĩa Tịnh (635-713) đời Đường, dịch tên kinh là "Phật thuyết năng đoạn Bát-nhã ba-la-mật-đa kinh" năm 703. Ngài có đi Ấn Độ mang bản chữ Phạn về.

Sáu nhà dịch đồng một bản kinh, nhưng về sau được chú ý nhất là bản của các ngài Cưu-ma-la-thập, ngài Huyền Trang và ngài Nghĩa Tịnh.

B- Những nhà sớ giải:

Kinh Kim Cang rất được các thiền sư và giảng sư Trung Hoa chú ý sớ giải, có khoảng mười nhà.

1. Ngài Trí Khải đời Tùy để tên là "Kim Cang Bát-nhã kinh sớ" gồm một quyển.

2. Ngài Cát Tạng đời Tùy để tên là "Kim Cang Bát-nhã sớ" gồm bốn quyển.

3. Ngài Khuy Cơ đời Đường để tên là "Kim Cang Bát-nhã kinh tán thuật" gồm hai quyển.

4. Ngài Tông Mật tức ngài Khuê Phong cũng ở đời Đường, để tên là "Kim Cang Bát-nhã kinh sớ luận toát yếu" gồm hai quyển.

5. Ngài Trí Nghiêm cũng thuộc đời Đường, để tên là "Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật kinh lược sớ" gồm hai quyển.

6. Ngài Tử Tuyền đời Tống, để tên là "Kim Cang kinh toát yếu san định ký" gồm bảy quyển.

7. Ngài Tông Lặc và Như Khởi vào đời Minh, để tên là "Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật chú giải" gồm một quyển.

8. "Kim Cang chư gia" trích lời giảng của các thiền sư.

9. Gần đây có ngài Thái Hư, để tên là "Kim Cang giảng lục".

10.Gần đây nhất là cư sĩ Giang Vị Nông, để tên là "Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật kinh giảng nghĩa".

C- Những nhà phiên dịch Hán - Việt:

1. Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch trong bộ Tam Bảo tụng hằng ngày.

2. Hòa thượng Thích Thiện Hoa dịch trong bộ Phật Học Phổ Thông (tức là trong Mười hai nấc thang giáo lý).

3. Hòa thượng Thích Huệ Hưng dịch quyển "Kim Cang giảng lục" của ngài Thái Hư.

4. Cư sĩ Đồ Nam dịch bản của ông Giang Vị Nông.

Quyển "Kim Cang chư gia" cũng được dịch.

D- Sự liên hệ giữa kinh Kim Cang và Thiền tông.

Dĩ nhiên ai cũng biết Lục Tổ khi gánh củi vào khách điếm bán, thấy có người đang tụng kinh Kim Cang, Lục Tổ nghe qua tâm liền khai ngộ, mới hỏi thăm và được biết là Ngũ tổ Hoàng Mai dạy đồ đệ trì tụng Kim Cang, do đó ngài tìm đến học đạo.

Trong Thiền tông lúc tổ Bồ-đề-đạt-ma (Bodhidharma) truyền tâm ấn cho ngài Huệ Khả, Tổ trao bốn quyển kinh Lăng-già (Lanka) để làm tâm ấn. Đến đời Ngũ Tổ, thấy Kim Cang là quyển kinh tối yếu trong nhà Thiền, ngài dạy: "Chẳng những tăng ni mà cả cư sĩ đều nên trì tụng kinh Kim Cang."

Ngũ Tổ chủ trương dùng kinh Kim Cang để ấn tâm, thế nên khi Lục Tổ đến học, vào đêm được truyền y bát, ngài đem

kinh Kim Cang ra giảng. Khi giảng đến câu *Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,* Lục Tổ hoàn toàn liễu ngộ. Như vậy Lục Tổ ngộ đạo và được truyền y bát làm Tổ cũng nhân nơi kinh Kim Cang. Do đó chúng ta thấy rõ tầm quan trọng của kinh này đối với Thiền tông. Vì thế kinh Kim Cang được xem như tâm ấn trong nhà Thiền. Ngài Khuê Phong cũng bảo: Kim Cang là bộ kinh quý đáng để ấn tâm. Học kinh Kim Cang là học thẳng vào phương pháp tu Thiền.

GIẢNG GIẢI TÊN KINH

MỞ ĐẦU

Bản giảng này là y theo bản dịch của ngài Tam tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập, vì bản này được công nhận là văn chương lưu loát và sâu sắc hơn hết. Nếu xem lại bản của ngài Nghĩa Tịnh cũng như của ngài Huyền Trang, chúng ta thấy cả hai bản dịch đều nặng về văn nghĩa. Ngài La-thập không kẹt trong văn nghĩa, chỉ cốt làm sao cho ta nhận được lời Phật dạy, ý Phật nói, nên văn dịch của ngài thâm thúy và gãy gọn dễ hiểu.

Thái tử Chiêu Minh đời Lương, khi đọc Kim Cang, lãnh hội được ý chỉ nên chia quyển Kinh làm ba mươi hai phần để cho người đọc dễ nhận hiểu.

GIẢNG ĐỀ KINH

Kim Cang là một chất cứng hay phá các thứ khác mà các thứ khác không phá được nó. *Bát-nhã* là âm theo tiếng Phạn. *Ba-la-mật* là âm theo tiếng Phạn. *Kinh* là chữ Hán.

Đề kinh gồm cả chữ Hán lẫn chữ Phạn. Người Trung Hoa khi dịch kinh, chữ nào dịch được thì dịch, chữ nào không thể dịch hết nghĩa thì để nguyên âm tiếng Phạn.

Bát-nhã nghĩa chánh là trí tuệ. *Ba-la-mật* hoặc dịch là đến bờ kia hoặc dịch là cứu cánh viên mãn. Trí tuệ được cứu cánh viên mãn gọi là Bát-nhã ba-la-mật, vì nếu chỉ nói "trí tuệ" e có lầm lẫn. Ở thế gian người khôn ngoan lanh lợi cũng gọi là người có trí tuệ, thế nên từ ngữ "trí tuệ Bát-nhã" là để giản trạch cho đừng lầm với trí tuệ của người thế gian. Trí tuệ Bát-nhã là trí tuệ thấu được lý thật, thấy được

thể chân thật của các pháp, không còn kẹt trong các kiến chấp, trong những cái nhìn thiên lệch chưa thấu đáo. Do thấu được lẽ thật, nên trí tuệ này khi đến chỗ cứu cánh chẳng những phá được tất cả tà thuyết ngoại đạo, mà còn dẹp hết những mê lầm chấp trước của mọi người. Cho nên khả năng công phá đó vượt hơn tất cả, dụ như kim cương là chất cứng nhất có thể phá tan các kim loại khác, mà các thứ khác không phá hoại được nó. *Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật* là một trí tuệ vững chắc kiên cố phá dẹp tất cả tà thuyết ngoại đạo làm cho chúng ta sạch hết những chấp trước sai lầm, những mê mờ đen tối để đến bờ giải thoát, giác ngộ.

Kinh là những lời giảng dạy của đức Phật góp lại thành bộ. Kinh là khế kinh tức là khế lý và khế cơ. Tất cả những kinh Phật đều phải đủ hai nghĩa khế lý khế cơ,

nghĩa là vừa hợp chân lý, vừa hợp căn cơ người. Thiếu một trong hai điều kể trên thì chưa gọi là kinh được, vì chủ yếu của đạo Phật cốt giáo hóa chúng sanh giác ngộ, thấy được lẽ thật (đúng chân lý) và chúng sanh tin nhận được (hợp căn cơ). Khế cơ và khế lý còn có thể hiểu là tùy duyên và bất biến. Kinh Phật nói ngàn đời cũng không sai, đó là bất biến; nhưng vào mỗi thời theo căn cơ mà nói, hoặc thấp hoặc cao, đó là tùy duyên.

GIẢNG GIẢI VĂN KINH

ĐOẠN 1

Âm:

PHÁP HỘI NHÂN DO

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên dữ đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. Nhĩ thời Thế Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập Xá-vệ đại thành khất thực. Ư kỳ thành trung thứ đệ khất dĩ, hoàn chí bổn xứ. Phạn thực ngật, thu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa.

Dịch:

NGUYÊN DO CỦA PHÁP HỘI

Tôi nghe như vầy: Một hôm đức Phật ở nước Xá-vệ (Savati) tại rừng

Kỳ-đà (Jeta) trong vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng đại Tỳ-kheo là một ngàn hai trăm năm mươi vị. Khi ấy gần đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào đại thành Xá-vệ khất thực. Trong thành ấy, ngài theo thứ lớp khất thực xong, trở về nơi chúng ở. Thọ trai rồi, ngài dẹp y bát, rửa chân, trải tòa ngồi.

Giảng:

Đoạn này diễn tả pháp hội Phật nói kinh Kim Cang.

Phần đầu chỉ cho lục chủng chứng tín. Sáu điều này mở đầu kinh nào cũng như thế cả. Đây giống như một lối biên bản của ngài A-nan (Ananda) để cho thấy lời ngài nói có giá trị thật.

Như thị ngã văn là *Tôi nghe như vầy*, chỉ cho người nghe và pháp được nghe. *Tôi*

chỉ người nghe tức ngài A-nan. *Như vầy* là pháp được nghe tức là đề tài trong buổi thuyết pháp.

Nhất thời chỉ thời gian. Vì thuở xưa thời gian mỗi nước mỗi khác cho nên chỉ nói một hôm, chứ không xác định hôm đó là mấy giờ ngày mấy tháng mấy.

Phật là vị chủ tọa trong buổi nói pháp.

Xá-vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên là nơi Phật thuyết pháp.

Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên: Trưởng giả Cấp Cô Độc tên thật là Tu-đạt-đa (Sudatta), do ông hay bố thí, cứu giúp những người nghèo khổ cô độc nên được gọi là Cấp Cô Độc. Ông muốn mua vườn của thái tử Kỳ-đà để cất tinh xá thỉnh Phật đến thuyết pháp. Thái tử bảo ông đem vàng lót đầy vườn thì Thái tử sẽ bán vườn cho ông. Khi ông trải vàng gần xong, Thái tử vui vẻ bảo thôi đừng chở vàng

thêm nữa và Thái tử cũng xin cúng tất cả cây cối trong vườn cho đức Phật, do đó nên thành tên rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị là cử tọa. Thời gian, nơi chốn và số cử tọa cho thấy bài kinh này không phải tự ý ngài A-nan nói, mà do ngài nghe trong hội thuyết pháp gồm cả thảy một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

Sáu điều trên đây gọi là lục chủng chứng tín, nghĩa là sáu điều làm bằng chứng để cho chúng ta tin kinh này không phải tự ý ngài A-nan nói ra, mà chính là ngài thuật lại buổi thuyết pháp của đức Phật.

Đến phần thứ hai tả cảnh Phật sắp nói pháp.

Khi ấy là buổi sáng *gần đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực.*

Khất thực theo thứ lớp: Nếu hàng Phật tử thỉnh thọ trai thì không cần theo thứ lớp, cứ đi thẳng đến nhà thỉnh mình. Còn khất thực theo thứ lớp, là trong xóm có nhà nghèo, nhà giàu, cứ tuần tự đến nhà thứ nhất, nếu không được cúng dường thì đến nhà thứ hai, thứ ba v.v... không phân biệt giàu nghèo đến khi được cúng dường thì về.

Thọ trai xong, xếp y, dẹp bát, rửa chân rồi, trải tòa ngồi kiết-già. Đoạn này tả lại cuộc sống bình dị của đức Phật, sáng đi khất thực, về ăn xong rửa bát, xếp y, rửa chân, trải tòa ngồi kiết-già, sắp nói chuyện với chúng. Đó là ý thâm sâu muốn chỉ rằng chân lý không ngoài việc bình thường để đánh tan lòng hiếu kỳ, tưởng

chân lý là những gì mầu nhiệm ngoài việc bình thường. Thấy được chân lý trong việc bình thường là thấy đạo, nếu trái lại là lạc hướng.

Khi ngài Triệu Châu Tùng Thẩm hỏi ngài Nam Tuyền: "Thế nào là đạo?" Thì Nam Tuyền trả lời: "Bình thường tâm thị đạo", nghĩa là tâm bình thường là đạo.

Ông Lý Tường đến hỏi ngài Dược Sơn Duy Nghiễm: "Thế nào là đạo?" Ngài bảo: "Vân tại thanh thiên, thủy tại bình", nghĩa là mây trên trời xanh, nước trong bình.

Việc bình thường này hợp với tinh thần Đại thừa.

ĐOẠN 2

Âm:

THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH

Thời trưởng lão Tu-bồ-đề tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát. Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?

Phật ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Tu-bồ-đề, như nhữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư

Bồ-tát, nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm.

- "Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyện nhạo dục văn."

Dịch:

THIỆN HIỆN THƯA HỎI

Khi ấy trưởng lão Tu-bồ-đề (Subhuti) ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên mặt, gối mặt quỳ xuống đất, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Rất ít có, đức Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát. Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát

tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?

Đức Phật bảo:

- Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề, như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát, nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói. Người thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên như thế mà trụ, như thế mà hàng phục tâm kia.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con nguyện thích được nghe.

Giảng:

Đây là phần thưa hỏi của ngài Tu-bồ-đề. Tu-bồ-đề là dịch âm từ tiếng Phạn,

dịch nghĩa là Thiện Hiện, Không Sanh, Kiết Tường. Ngài là một vị trưởng lão A-la-hán thâm hiểu lý Bát-nhã, cũng là Giải Không đệ nhất.

Trước hết là phần nghi thức. Theo lễ nghi Ấn Độ, khi đệ tử muốn thưa hỏi Phật điều gì thì phải bày vai áo bên mặt, quỳ gối mặt xuống rồi chắp tay cung kính thưa hỏi. *Hộ niệm*, hộ là bảo hộ, niệm là nhớ nghĩ. *Phó chúc* là trao dặn lại.

Trước hết ngài Tu-bồ-đề tán thán Phật: Đức Thế Tôn là bậc ít có trong thế gian, ngài thường bảo hộ và nhớ nghĩ các vị Bồ-tát, khéo trao dặn lại các vị Bồ-tát.

- Tán thán Phật xong rồi, ngài Tu-bồ-đề bắt đầu thưa hỏi.

Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là phát tâm cầu thành Phật.

Ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: Giả sử có người thiện nam, thiện nữ muốn phát tâm cầu thành Phật thì phải làm sao để an trụ tâm đó và làm sao hàng phục được tâm đó? *Làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm kia?* Là hai câu hỏi then chốt của toàn bộ kinh, hai câu hỏi quan trọng cho sự tu hành. Tất cả chúng ta, ai đã phát tâm tu theo đạo Phật, đều nguyện tiến tới Phật quả, nhưng muốn tiến tới Phật quả phải làm sao? Tức là phải an trụ tâm và hàng phục tâm, vì nếu còn tâm điên đảo làm sao thành Phật được? Thế nên đó là chỗ chính yếu của người tu. Phát tâm vô thượng là đặt mục tiêu mình tiến, nhưng an trụ trong đó và hàng phục vọng tưởng không phải là chuyện dễ. Phát tâm cầu thành Phật là buổi đầu, nhưng còn nhiều chướng ngại phải vượt qua.

Phật thừa nhận lời tán thán của ngài Tu-bồ-đề là đúng nên đức Phật bảo rằng: Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói, Như Lai thường hộ niệm các vị Bồ-tát và khéo phó chúc các vị Bồ-tát.

Bởi vì đức Phật luôn luôn nhớ nghĩ làm sao cho các vị Bồ-tát được tiến lên Phật quả, và dặn dò các vị Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sanh để cùng tiến lên Phật quả. Đó là chủ đích mà đức Phật hằng mong mỏi và hằng giao hóa.

Tiếp đến Phật dạy: Bây giờ ông phải lắng tâm nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói. Những người thiện nam, thiện nữ nào phát tâm cầu thành Phật thì nên như lời tôi dạy ở sau mà an trụ tâm, nên như lời tôi dạy ở sau mà hàng phục tâm.

Đó là lời của Phật hứa sẽ dạy. Ngài Tu-bồ-đề thưa: Xin vâng, đức Thế Tôn!

Con nguyện thích được nghe những lời này.

Trong hội chúng đông đảo, khi đức Phật thọ trai xong, trải tọa cụ ngồi kiết-già rồi, ngài Tu-bồ-đề theo đúng nghi lễ quỳ gối chắp tay tán thán Phật trước, kế đến mới thưa hỏi những điểm quan trọng. Như vậy đức Phật thuyết pháp là do đệ tử có những thắc mắc nghi ngờ đem ra thưa hỏi, nhân đó đức Phật mới thuyết pháp. Hiện nay chúng ta đi chùa học đạo cũng vậy, khi nào có gì thắc mắc cũng đem ra hỏi, như thế chính mình có lợi và cũng lợi cho những người chung quanh.

Ai muốn hàng phục được tâm, an trụ được tâm, phải theo dõi lời Phật dạy ở sau.

ĐOẠN 3

Âm:

ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Chư Bồ-tát ma-ha-tát ưng như thị hàng phục kỳ tâm. Sở hữu nhất thiết chúng sanh chi loại, nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tưởng, nhược vô tưởng, nhược phi hữu tưởng phi vô tưởng, ngã giai linh nhập vô dư Niết-bàn nhi diệt độ chi. Như thị diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề, nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng

sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ-tát.

Dịch:

CHÁNH TÔNG CỦA ĐẠI THỪA

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Các vị Bồ-tát lớn nên như thế mà hàng phục tâm kia. Có tất cả các loài chúng sanh, hoặc loài sanh bằng trứng, hoặc loài sanh bằng thai, hoặc sanh chỗ ẩm ướt, hoặc hóa sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc chẳng có tưởng chẳng không tưởng, ta đều khiến vào vô dư Niết-bàn mà được diệt độ đó. Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề,

nếu Bồ-tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ-tát.

Giảng:

Chín loài chúng sanh chỉ trùm tất cả chúng sanh.

Niết-bàn nghĩa là vô sanh. Niết-bàn có hữu dư y Niết-bàn và vô dư y Niết-bàn. Những vị chứng quả A-la-hán, được vô sanh nhưng còn thân hình tướng thì gọi là hữu dư Niết-bàn; sau khi xả thân (Niết-bàn), nghĩa là được vô sanh sau khi không còn thân tướng thì gọi là vô dư Niết-bàn.

Bốn tướng:

Tướng ngã: thấy có mình thật.

Tướng nhân: thấy có người thật.

Tướng chúng sanh: thấy tất cả loài có thật.

Tướng thọ giả: thấy có mạng sống tiếp nối trong một thời gian.

Đây là đến phần Phật trả lời hai câu hỏi trước của ngài Tu-bồ-đề. Câu hỏi đầu là an trụ tâm, câu hỏi thứ hai là hàng phục tâm, nhưng khi trả lời đức Phật đổi lại trả lời câu hỏi hàng phục tâm trước và câu hỏi an trụ tâm sau. Trong đoạn này Phật dạy cách hàng phục tâm tức chỉ phương pháp tu hành. Đức Phật dạy: Đối với tất cả loài chúng sanh, ta đều đưa họ vào chỗ Niết-bàn không còn hình tướng để họ được diệt độ. Diệt độ như thế không biết bao nhiêu chúng sanh mà thật không có một chúng sanh nào được diệt độ. Đó là hàng phục được tâm. Phật lại bảo tiếp: Tại sao thế? Vì nếu Bồ-tát còn một tướng ngã hay tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì không phải là Bồ-tát.

Phật trả lời khó hiểu quá, thấy như lạc đề. Đây là chỗ chính yếu nhưng vừa mở đầu chúng ta thấy ngỡ ngàng, chúng ta mong Phật trả lời làm sao hàng phục tâm mà đức Phật trả lời như thế này thì làm sao hàng phục tâm được. Tôi không nói loài sanh bằng trứng, những loài sanh chỗ ẩm ướt, những loài sanh do biến hóa, những loài có sắc, không sắc v.v... mà chỉ nói những loài thai sanh, và trong loài sanh bằng thai, tôi hạn chế trong loài người thôi. Chừng nào chúng ta độ tất cả loài người vào vô dư Niết-bàn mà không thấy họ được diệt độ, chừng đó mới hàng phục được tâm. Vậy chừng nào chúng ta làm được việc đó? Nếu như không làm được việc đó thì hàng phục tâm không được.

Tại sao hỏi hàng phục tâm mà Phật dạy độ chúng sanh ở ngoài? Đó là điều khó.

Ngày xưa khi học đến chỗ này chúng tôi cũng lắc đầu. Điều Phật dạy rất khó áp dụng trong việc tu hành, nếu chúng ta hiểu theo lời theo chữ thì sẽ có hai điểm không thể thực hiện được:

Thứ nhất là chúng ta thấy Phật chưa thành Phật. Tại sao? Vì khi đức Phật thành Phật, thử hỏi tất cả người ở Ấn Độ, Phật đã độ được vào vô dư Niết-bàn hết chưa? Chúng ta thấy rõ rằng lúc đó còn ngoại đạo rất nhiều, ngài chỉ độ một số mấy ngàn vị thôi chứ đâu phải tất cả, vậy tại sao ngài được thành Phật? Nếu hàng phục tâm chưa được thì làm sao thành Phật?

Thứ hai là Phật dạy làm một việc mà không bao giờ chúng ta làm nổi. Thử hỏi trong chúng ta, ai đã được vô dư Niết-bàn, mà đưa tất cả chúng sanh vào vô dư Niết-bàn? Chỗ mình chưa đạt tới mà Phật bảo

độ người đạt được chỗ đó, làm sao chúng ta làm được? Cũng như mình còn dốt mà bảo dạy tất cả người đậu Tiến sĩ, chừng đó mình mới được làm quan thì thật là vô lý.

Thế nên nếu học kinh Phật, nhất là kinh Đại thừa, mà hiểu theo chữ theo lời thì không làm sao giải thích được. Điểm thứ nhất ta thấy mâu thuẫn với Phật, điểm thứ hai mâu thuẫn với chúng ta, như thế làm sao có thể áp dụng trong việc tu hành? Nhưng đến sau này khi tu thiền và đọc sách thiền rồi, chúng tôi mới giật mình, không ngờ mình không hiểu lời Phật nói. Kinh nói trong chúng ta có đủ cả thập pháp giới, đó là tứ thánh và lục phàm. Có khi chúng ta phát lòng từ bi giống như Phật, như Bồ-tát, có khi xấu xa như heo bò, có khi hung dữ như cọp sói... Trong chúng ta có đủ trăm thứ nghĩ, tốt xấu lẫn lộn. Thế nên mỗi dấy niệm về người đó là

một chúng sanh thai sanh, dấy niệm về chim chóc đó là chúng sanh noãn sanh, dấy niệm về con bướm, con ong đó là hóa sanh, dấy niệm về con đom đóm đó là thấp sanh, nghĩ đến hư không đó là chúng sanh vô sắc, dấy niệm về con người có tưởng là chúng sanh có tưởng, dấy niệm buông hết những tâm tưởng là chúng sanh vô tưởng...

Dấy niệm là sanh. Tại sao?

Bởi vì khi lặng thì không có niệm, mà niệm dấy lên là do duyên với cảnh hoặc người, hoặc vật. Vọng thức bên trong duyên theo bóng dáng của vọng trần, cả hai phối hợp nhau mà sanh nên gọi là chúng sanh. Mỗi một niệm dấy lên như vậy là một chúng sanh.

Những chúng sanh do niệm vừa dấy lên đó chúng ta liền độ vào vô dư Niết-bàn. Làm sao độ? Chúng sanh đó dấy lên, ta biết chúng sanh này giả tức nhiên nó lặng

xuống chỗ không sanh, và khi nó lặng xuống không còn thấy tăm dạng nên gọi là vô dư Niết-bàn. Như thế chúng ta thấy đức Phật độ hết chúng sanh, ngài hàng phục được tâm, ngài thành Phật. Như thế mới có lý, mới đúng sự thật.

Cũng thế nếu những vọng tưởng điên cuồng chạy ngược, chạy xuôi theo có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng... theo tất cả hình tướng bên ngoài, bây giờ chúng ta đưa nó vào vô dư Niết-bàn, vào chỗ lặng lẽ không sanh diệt, tâm chúng ta không còn loạn nữa, đó là hàng phục được tâm. Như thế mới thấy rõ đức Phật thành Phật trong khi tất cả chúng sanh vẫn còn. Hiểu như vậy chúng ta mới tu được.

Phật hàng phục được tâm nên mới đến được chỗ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bây giờ chúng ta phát tâm tu thì cũng hàng phục như vậy, lần lần tâm an

định mới tiến bộ được. Nếu cứ lo độ chúng sanh ở ngoài trong khi chính mình chưa độ được mình thì độ được ai?

Kinh Phật rất cao siêu, lời lẽ diễn tả những hình ảnh quy về mình mà chúng ta không hiểu, cứ tưởng là việc bên ngoài. Khi tưởng như thế chúng ta sẽ thối chí không biết làm sao thực hành. Ngày xưa chính tôi đã từng nói: Kinh Đại thừa chắc chỉ để trên gác thờ, không thể áp dụng trong việc tu hành. Nhưng nay hiểu rõ rồi, mới thấy chính đoạn này trả lời rất sát câu hỏi của ngài Tu-bồ-đề.

Ngài Tu-bồ-đề hỏi làm sao hàng phục được tâm? Phật dạy: Một niệm dấy lên là một chúng sanh, đưa niệm đó vào chỗ vô sanh là hàng phục tâm. Đây là tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ. Rõ ràng là Phật trả lời việc hàng phục tâm. Nếu nói độ tất cả chúng sanh thì ta thấy như là

người hỏi việc bên trong mà Phật trả lời việc bên ngoài, không dính dáng gì với nhau. Ở đây, chúng ta đã thấy rõ ý nghĩa độ tất cả chúng sanh, đó là đưa tất cả niệm vào chỗ không còn sanh diệt. Một niệm dấy lên, chúng ta biết nó giả dối không thật, không theo. Không theo thì nó lặng xuống, lặng xuống chỗ không còn thấy tướng mạo, đó là vô dư Niết-bàn. Không sanh là Niết-bàn, không còn tướng mạo là vô dư. Bao nhiêu niệm đều đưa vào đó nên nói độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh nào được diệt độ, nghĩa là không còn thấy có một người nào hay một niệm nào thật.

Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì không phải là Bồ-tát. Tại sao? Bởi vì một niệm dấy lên tức là có chấp ngã. Từ chấp thân tâm làm ngã,

đến niệm dấy lên chấp niệm đó là mình, cũng là chấp ngã. Dấy niệm là suy nghĩ về người, suy nghĩ về cảnh. Thử hỏi ai nghĩ về người, ai nghĩ về cảnh? Thô thì chấp thân này, tế thì chấp một niệm, còn thấy một niệm thật là còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Nếu đưa hết các niệm vào vô dư Niết-bàn rồi thì đâu còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Người làm được như vậy, đức Phật nói đó là Bồ-tát độ chúng sanh. Mỗi ngày chúng ta ngồi chơi ở tảng đá hoặc trước hành lang nhà hoặc trong vườn, nếu mỗi chúng sanh dấy lên liền đưa vào vô dư Niết-bàn, độ như vậy rồi cũng là Bồ-tát độ chúng sanh rồi. Bồ-tát là một chúng hữu tình giác ngộ và đem sở giác của mình giáo hóa kẻ khác, tức là tự giác và giác tha. Niệm dấy lên chúng ta biết nó là hư giả, đó là giác; giác rồi đưa nó vào chỗ vô sanh, đó là độ chúng

sanh. Như vậy giờ nào mà không độ chúng sanh, giờ nào không an trụ Niết-bàn?

Tóm lại đức Phật chủ yếu dạy chúng ta đối với tất cả niệm khởi về người về vật v.v... muôn ngàn hình tướng đều cho lặng xuống hết, lặng vào chỗ không còn sanh diệt, đó là hàng phục tâm. Tâm không còn loạn động nữa là chúng ta hàng phục tâm được thuần thục. Như thế câu trả lời rất xác đáng. Như vậy mới hết tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Hiện giờ có nhiều người không hiểu, cho thân này là ngã nên bảo: "Thôi, tôi xả thân, không nghĩ gì đến tôi hết, bố thí tất cả thức ăn, thức mặc, cái gì cũng không kể", nhưng niệm của họ vẫn còn khởi thì cái xả đó vẫn chưa sạch. Cứ nghĩ ta là người bố thí, ta là người nhẫn nhục tức là còn ngã chứ gì? Cho nên còn một niệm là còn ngã, cái ngã tế nhị như vậy.

Nhiều người làm việc coi như xả ngã mà chính là nuôi cái ngã thêm to, đó là cái ngã vọng tưởng ở tâm. Đức Phật bảo độ tất cả chúng sanh mà không thấy có một chúng sanh nào được diệt độ. Tại sao? Vì nếu Bồ-tát còn bốn tướng, đó không phải là Bồ-tát. Còn bốn tướng là còn dấy niệm thấy có mình tức có ngã, có nhân, có chúng sanh, có thọ giả... Có dấy niệm mới chấp, mới nghĩ ta phải người quấy, ta hay người dở v.v... Nếu không dấy niệm thì chấp cái gì? Đó là chỗ cứu cánh trong việc tu hành. Hiểu được rồi chúng ta thấy rõ ràng vừa bước vào đoạn thứ nhất là đã biết được phương pháp tu hành.

ĐOẠN 4

Âm:

DIỆU HẠNH VÔ TRỤ

Phục thứ Tu-bồ-đề, Bồ-tát ư pháp ưng vô sở trụ hành ư bố thí, sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh hương vị xúc pháp bố thí. Tu-bồ-đề, Bồ-tát ưng như thị bố thí, bất trụ ư tướng. Hà dĩ cố? Nhược Bồ-tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lương.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lương phủ?

- Phất dã Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề, nam tây bắc phương tứ duy thượng hạ hư không, khả tư lương phủ?

- Phất dã Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề, Bồ-tát vô trụ tướng bố thí, phước đức diệc phục như thị bất khả tư lương. Tu-bồ-đề, Bồ-tát đản ưng như sở giáo trụ.

Dịch:

DIỆU HẠNH KHÔNG CHỖ TRỤ

Lại nữa Tu-bồ-đề, Bồ-tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí, gọi là chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp để bố thí. Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên như thế mà bố thí, chẳng trụ nơi tướng. Vì cớ sao? Nếu Bồ-tát bố thí chẳng trụ tướng thì phước đức không thể nghĩ lường.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Hư không ở phương đông có thể nghĩ lường được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không vậy.

- Này Tu-bồ-đề, hư không phương nam, phương tây, phương bắc, bốn phía trên dưới có thể nghĩ lường được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không vậy.

- Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát không trụ tướng mà bố thí, phước đức cũng lại như thế, không thể nghĩ lường.

Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát chỉ nên như lời dạy mà trụ.

Giảng:

Đến phần trả lời câu hỏi thứ hai. Phật bảo: Những vị *Bồ-tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí.* Không chỗ trụ là sao? Không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí. Nếu Bồ-tát bố thí mà không trụ tướng thì

phước đức không thể nào nghĩ lường được. Ngài dùng thí dụ hỏi: Hư không ở phương đông có thể nghĩ lường được không? Hư không ở các phương nam, tây, bắc và trên dưới có thể nghĩ lường được không? Dĩ nhiên là không. Phật bảo: Cũng vậy, nếu Bồ-tát bố thí mà không trụ tướng thì phước đức cũng như hư không, khắp cả mười phương, không thể nghĩ lường được. Phật lại dạy tiếp: Các Bồ-tát chỉ nên như lời dạy trên mà trụ.

Làm sao an trụ đây? Phật dạy bố thí mà không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thì làm sao bố thí? Giả sử như thấy có người đói, mình muốn bố thí cho họ hết đói thì phải lấy cái gì bố thí? Lấy cơm hoặc là tiền. Cơm, tiền là sắc phải không? Nếu tay ta bưng cơm hay cầm tiền cho họ, tức là chúng ta có nghĩ về cơm, về tiền, đó là chúng ta trụ nơi sắc mà bố thí

rồi... Hoặc giả chúng ta dùng lời nói an ủi cho họ bớt đau khổ, đó cũng là thanh, hoặc dùng những thứ có hương vị ngọt ngào, đó là hương v.v... Như vậy thế nào cũng phải nghĩ đến một cái gì mới đem bố thí được, nếu không thì làm sao bố thí?

Không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí, đó là một câu hỏi mà chúng ta không biết làm sao giải đáp để áp dụng trong việc tu hành. Có người nói: Mình cho mà đừng chấp, đừng nghĩ gì hết, cứ cho rồi thôi. Thử hỏi thế nào là đừng chấp? Làm sao thôi được? Thế nên chính đây là chỗ mà đa số người đọc kinh Kim Cang đều lúng túng không biết làm sao thực hành. Phải hiểu rõ rằng bố thí là ban cho, là buông xả, trụ là dính mắc. Chúng ta phải buông xả đừng dính với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó là bố thí. Không trụ như vậy tâm mới trụ.

Sở dĩ tâm chúng ta loạn động là vì chạy theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Bởi dính với sáu trần nên tâm mới loạn, kẹt nơi sắc, kẹt nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do kẹt trong sáu trần nên tâm cứ loạn mãi, bây giờ chúng ta bố thí tức là buông xả không dính với sáu trần nữa thì tự nhiên tâm an trụ. Như vậy khi tâm an trụ là không dính với sáu trần, nếu còn dính với sáu trần là chưa trụ. Thí dụ trên bàn có nào ly, nào bao kính, khăn, đồng hồ v.v... nếu tay ta nắm một thứ là dính một cái. Dính một cái thì khi ấy tâm an trụ hay bất an? Dính một cái tức là đang cầm, đang chấp, là động chứ đâu có an được. Còn không dính thì không động. Thế nên nói không trụ mà chính là trụ. Không trụ nghĩa là không dính tất cả sáu trần, đó mới thật an trụ.

Đoạn trước, hàng phục tâm là vọng vừa khởi liền biết và đưa nó vào chỗ lặng lẽ vô sanh. Đoạn này tế nhị hơn, đức Phật dạy chúng ta: Đối với sáu trần đừng để tâm dính mắc, đó là an trụ tâm. Thế nên thiền sư khi nói đến chỗ giải thoát, ngài chỉ bảo: *Tâm cảnh không đến nhau là giải thoát*. Cảnh là sáu trần, tâm không đến với cảnh, không dính với cảnh đó là giải thoát, đó là an trụ. Thế nên chúng ta phải thấy rõ phương pháp tu hành, tu là buông xả đừng dính với sáu trần, đó là trụ tâm. Khi hàng phục được tâm, an trụ tâm là đi đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đi đến Phật quả.

Phật bảo nếu người nào bố thí không trụ tướng thì công đức không thể tính kể, thí dụ như hư không. Hư không không dính với bất cứ vật gì nên nó thênh thang vô cùng. Cũng vậy, nếu tâm chúng ta

không dính với sáu trần thì nó cũng thênh thang như hư không, do đó Phật mới bảo công đức không thể nghĩ lường. Nhiều khi chúng ta không hiểu cứ nghĩ bố thí mà không chấp tướng thì công đức lớn. Không chấp tướng như thế nào? Nghĩa là bố thí rồi thì thôi, đừng nhớ nghĩ gì nữa. Đó là chúng ta chỉ hiểu phần thô thiển bên ngoài. Đúng ra chữ bố thí phải hiểu là buông xả hết vọng niệm, tâm không dính với sáu trần, lúc đó tâm mới an trụ và tâm an trụ như vậy thì công đức đồng với hư không, không thể nghĩ lường. Tại sao? Bởi vì khi tâm không còn trụ nơi sáu trần thì trở về với tâm thể vô sanh, mà vô sanh thì không làm sao lường được. Thế nên nói công đức không thể nghĩ lường, không thể tính kể.

Phần cuối Phật bảo *Bồ-tát chỉ nên như lời dạy mà trụ*. Như vậy, muốn trụ

tâm chúng ta phải làm sao? Phải buông xả đừng dính với sáu trần. Muốn hàng phục tâm phải làm sao? Phải đưa vọng niệm vào chỗ vô sanh. Thật là rõ ràng không có gì nghi ngờ nữa. Trái lại, nếu hiểu theo chữ nghĩa hình tướng bên ngoài thì chúng ta không thể nào giải thích nổi và cũng không thể nào thực hành được. Bố thí mà không kẹt trong sáu trần thì làm sao bố thí? Thế nên hiểu rồi mới thấy chủ ý Phật dạy chúng ta an trụ tâm, hàng phục tâm ở trong, chứ không phải dạy làm việc bên ngoài. Vì không hiểu, chúng ta nghĩ độ chúng sanh là chỉ độ chúng sanh bên ngoài, và bố thí cũng là bố thí cho người bên ngoài. Nếu thế thì không liên quan gì đến việc an trụ và hàng phục tâm của chính mình.

Hai đoạn này Phật đã trả lời thỏa đáng cho ngài Tu-bồ-đề. Đây là hai câu

hỏi quan trọng nhất của quyển kinh Kim Cang, nếu người lợi căn thì tới đây đã đủ, còn căn cơ chậm lụt thì phải đọc hết bộ.

ĐOẠN 5

Âm:

NHƯ LÝ THẬT KIẾN

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng.

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai.

Dịch:

THẤY LẼ THẬT ĐÚNG LÝ

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do thân tướng mà thấy Như Lai chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không phải vậy. Không thể do thân tướng thấy được Như Lai. Vì cớ sao? Như Lai đã nói thân tướng tức không phải thân tướng.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.

Giảng:

Đoạn này Phật chỉ cho chúng ta thấy đúng lý và như thật. Hiện nay chúng ta chỉ thấy theo giả tướng, chứ không thấy

đúng lý, không thấy đúng như thật. Thấy Như Lai là Như Lai nào? Thấy Phật là Phật ở đâu? Phật ngồi trên bàn, trên tòa sen mà chúng ta đang thờ phải không?

Đức Phật hỏi: *Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, có thể do thân tướng mà thấy Như Lai không?* Nếu thấy Phật trên bàn là do thân tướng mà thấy Phật. Ngài Tu-bồ-đề thưa: *Không, không thể do thân tướng mà thấy Như Lai. Vì cớ sao? Vì Như Lai đã nói thân tướng tức không phải thân tướng*. Thân tướng tức không phải thân tướng nên đức Phật kết thúc: *Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai*.

Như vậy Như Lai là Phật nhưng không phải đức Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp ở Ấn Độ thuở xưa. Như Lai đây là chỉ cho Phật pháp thân, là thể chẳng sanh chẳng diệt sẵn có của tất

cả chúng ta. Nếu nhìn hình tướng tám mươi vẻ đẹp, ba mươi hai tướng tốt thì đức Phật đó hiện giờ còn không? Đã hoại rồi. Thế nên những gì có hình tướng đều vô thường, đều tan hoại. Đức Phật chúng ta thờ trên bàn có tướng hay không, còn mãi hay cũng phải hoại? Như vậy phàm có tướng đều hư vọng không thật.

Muốn thấy Phật pháp thân thì phải làm sao? *Nếu thấy các tướng không phải tướng thì thấy Như Lai*, thì thấy Phật. Như thế chúng ta phải thấy tất cả những gì có hình có tướng ở trần gian này đều là hư giả. Bởi vì những gì có tướng đều do nhân duyên hòa hợp, đã là nhân duyên hòa hợp thì khi nhân duyên đủ nó còn, nhân duyên thiếu nó mất. Có hợp phải có tan, mọi sự vật do duyên hợp rồi cũng do duyên tan, hợp tan không cố định, đó là

hư giả. Thế nên tất cả tướng thế gian đều hư giả, hư giả là bại hoại.

Theo quan niệm thông thường, bọt bóng sương tuyết điện chớp là giả, như vậy bọt bóng sương tuyết điện chớp có hay không? Nếu có, tại sao nói nó giả? Vì chợt có rồi mất, mới thấy đó chốc lát liền tan. Vậy y cứ trên cái gì mà nói nó giả? Đó là y cứ trên thân mấy mươi năm, nhìn sự vật có mặt trong tích tắc đồng hồ, cái có mặt chỉ trong phút giây rồi mất, đó là giả. Cho nên nói cái giả là cái tạm có rồi mất như sương đầu ngọn cỏ buổi sáng, trong vài mươi phút, nắng lên là tan. Con người thật là vì có mặt đến mấy mươi năm. Giả sử có cái gì tồn tại được đến mấy ngàn năm, nhìn lại con người thì sao?

Bây giờ chúng ta có mặt nơi đây mà nói là giả thì không ai tin hết. Người ta như thế này, biết đi đứng, biết hoạt động

v.v... mà nói giả thì ai mà chịu. Nhưng sở dĩ nói giả là vì cái đó có mặt trong thời gian quá ngắn ngủi. Đối với cái có mặt lâu dài hơn thì cái tạm bợ ngắn ngủi gọi là giả và cái có mặt lâu dài hơn gọi là thật.

Như nói giấc mộng là giả. Tại sao? Trong khi chúng ta ngủ mộng, có giấc mộng khoảng mười phút, có giấc mộng dài hai ba mươi phút hay đến một giờ chẳng hạn. Khi mộng cũng thấy đủ, thấy thật như lúc thức, đâu biết là giả. Chúng ta cũng thấy bạn bè, thấy ăn uống v.v... tất cả đều thật trăm phần, nhưng khi giật mình tỉnh giấc thì tất cả đều mất, tìm lại không được.

Giờ đây thử hỏi những vị khoảng sáu mươi tuổi nhớ lại tất cả bạn bè, anh em, những người mình quen biết thuở xưa, nay có còn đủ như thuở mình mười lăm, mười bảy tuổi không? Tìm lại thì mất đâu

hết. Kẻ xứ này, người xứ nọ, người thì mồ đã phủ cỏ xanh... Như vậy có giống giấc mộng hay không? Nhất là khi già yếu, ôn lại cuộc đời của mình thì thấy như một giấc mộng. Tất cả những gì mình tạo lập suốt cuộc đời, đến khi gần tắt thở, nhớ lại xem còn được cái gì, cuộc đời của mình là giả hay thật? Nhưng đợi đến lúc đó mới thấy nó giả thì muộn quá rồi, trở tay không kịp. Thế nên ngay bây giờ phải sớm thấy nó giả để có thì giờ chuẩn bị cho ngày cuối của cuộc đời mình được an ổn, được tự tại. Chúng ta phải dùng trí tuệ nhìn theo cái nhìn của đức Phật, phải làm sao hiện tại không lầm mê và ngày ra đi được tự tại, đó là chủ yếu của sự tu hành.

Làm sao biết thân này là giả? Nếu người sống được khoảng hai ngàn, ba ngàn tuổi thấy người sống vài mươi tuổi thì nói sao? Ôi! Mấy chú đó giả! Cũng như

chúng ta gọi mấy con phù du sớm còn chiều mất, đó là kiếp phù du! Giả sử có một cái chưa bao giờ chết, chưa bao giờ hoại, kiếp kiếp đời đời không hoại, đứng từ cái đó nhìn cái tuổi thọ vài mươi năm này thì nói thế nào? Cho nên nói như bọt, như bóng, như điện chớp, như sương mù, không có gì là thật. Chúng ta chỉ bám vào cái thân mấy chục năm này rồi hãnh diện là ta sống được mấy chục năm. Người bảy mươi tuổi hãnh diện là ta thọ hơn người sáu mươi tuổi, người tám mươi, chín mươi tuổi cho là ta thọ hơn người bảy mươi tuổi. Nhưng hơn chín, mười năm rồi cũng chết, chứ có người nào khỏi chết? Những cái hơn đó là hơn tạm bợ trong đối đãi chứ không phải thật. Chúng ta cần tìm cái hơn tuyệt đối, vượt ngoài đối đãi.

Phật dạy: *Nếu thấy các tướng không phải tướng là thấy Như Lai*. Như Lai này

là Như Lai bất sanh bất diệt nơi mọi người. Hiện giờ chúng ta thấy các tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là thật, bởi thật nên cứ dính với nó mãi. Một lời khen cho là thật nên nhớ mãi, một lời chê cho là thật nên trằn trọc ngủ không yên. Một hình tướng hoặc đẹp hoặc xấu hiện trước mắt, chúng ta cũng không quên, do đó tâm không bao giờ an. Không an là tâm nào? Tâm vọng tưởng điên đảo cứ trào lên dính cả với sáu trần.

Chúng ta biết sáu trần là hư giả không thật, những gì có tướng đều hư giả không thật, lúc đó chúng ta như thế nào? Biết là giả thì có gì quan trọng mà dính mắc. Thí dụ như đi qua một gian hàng, biết rõ những món hàng đó đều giả, dĩ nhiên là không thèm chú ý. Nếu thấy có món hàng nào thật thì để tâm nhớ nghĩ. Như vậy khi biết các pháp là duyên hợp

hư giả thì thấy tướng mà không phải tướng, do đó tâm mới không dính với sáu trần, do tâm không dính với sáu trần nên nói là an trụ, và an trụ là Như Lai. Thế nên Phật bảo: Nếu thấy các tướng không phải tướng là thấy Như Lai.

Tâm dấy động là tâm sanh diệt. Chấp tâm sanh diệt làm tâm mình, đó là tướng sanh diệt dẫn đi trong luân hồi. Trái lại, tất cả niệm sanh diệt lặng xuống, cái chưa từng sanh diệt hiện tiền, đó mới là Như Lai bất sanh bất diệt. Nếu người nào sống được với cái đó thì muôn đời muôn kiếp không bao giờ bị sanh diệt, nên đức Phật bảo *Công đức không thể nghĩ bàn*. Người tu phải tìm đến chỗ cứu cánh chân thật, chứ không phải chỉ tạo phước nho nhỏ rồi sau sanh diệt nữa. Muốn cho cái không sanh diệt hiện tiền thì đừng dính với sáu

trần, phải thấy sáu trần là tướng hư giả. Đó là thấy đúng lẽ thật.

Ở đây chúng ta nhìn đúng lý hay không? Những cái giả tạm mà cứ cho là thật, ngày mai tắt thở mà ngày nay cũng còn tranh giành hơn thua, cũng còn nói mình là thật, không bao giờ thấy mình giả, nên vọng tưởng cứ chạy cuồng loạn theo pháp trần không dừng. Nếu chúng ta thấy tất cả những gì có tướng đều do duyên hợp, bởi duyên hợp nên chúng không phải là tướng thật, khi duyên thiếu liền hoại ngay. Bản thân các tướng không thật thì chúng ta đắm nhiễm cái gì? Do không đắm nhiễm nên không dính mắc, đó là tâm an trụ, tâm an trụ thì pháp thân hiện tiền.

Tóm lại, đức Phật chỉ cho chúng ta thấy được cái chân thật, thấy như vậy là thấy đúng chân lý. Thấy Như Lai không phải là thấy đức Phật ở Ấn Độ mà chính

là thấy pháp thân Phật bất sanh bất diệt ngay nơi chúng ta. Kinh Đại thừa chỉ cho chúng ta đức Phật thật hằng có nơi mình, mà đức Phật đó chỉ hiển hiện khi nào chúng ta không còn vọng tưởng điên đảo chạy theo sáu trần. Vọng tưởng lặng rồi thì đức Phật đó hiện tiền. Đó là thấy thật, thấy đúng lý.

ĐOẠN 6

Âm:

CHÁNH TÍN HY HỮU

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, đắc văn như thị ngôn thuyết, chương cú, sanh thật tín phủ?

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, hữu trì giới tu

phước giả, ư thử chương cú năng sanh tín tâm, dĩ thử vi thật, đương tri thị nhân bất ư nhất Phật, nhị Phật, tam tứ ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở, chủng chư thiện căn. Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm sanh tịnh tín giả, Tu-bồ-đề, Như Lai tất tri, tất kiến thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng phước đức.

Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng diệc vô phi pháp tướng.

Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh, nhược tâm thủ tướng tắc vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nhược thủ pháp tướng tức trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược

thủ phi pháp tướng tức trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thị cố bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp.

Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết: Nhữ đẳng Tỳ-kheo tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp.

Dịch:

NGƯỜI CHÁNH TÍN ÍT CÓ

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, vả lại có chúng sanh được nghe những lời nói và chương cú như thế, sanh lòng tin chân thật chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Chớ nói như thế. Sau khi Như Lai diệt độ, sau khoảng năm trăm năm, có người giữ giới, tu phước, đối với

những chương cú này hay sanh lòng tin cho đây là thật, nên biết người ấy không phải ở nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật gieo trồng căn lành, mà đã ở chỗ vô lượng ngàn muôn đức Phật gieo trồng căn lành. Người nghe chương cú này cho đến một niệm sanh lòng tin thanh tịnh, này Tu-bồ-đề, Như Lai ắt biết, ắt thấy các chúng sanh ấy được vô lượng phước đức như thế.

Vì cớ sao? Vì các chúng sanh ấy không còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, không có tướng pháp cũng không tướng phi pháp.

Vì cớ sao? Vì nếu các chúng sanh ấy, tâm còn chấp tướng là còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu

còn chấp tướng pháp tức còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì cớ sao? Nếu còn chấp tướng phi pháp tức còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thế nên không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp.

Bởi do nghĩa ấy, Như Lai thường nói: Tỳ-kheo các ông nên biết, ta nói pháp thí dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.

Giảng:

Trong đoạn này đức Phật dạy thêm: Người nào nghe kinh này sanh niềm tin thì người đó đã có những duyên lành như thế nào. Trước tiên do ngài Tu-bồ-đề gợi ý, ngài hỏi Phật rằng: Có những chúng sanh nào được nghe chương cú này sanh lòng tin chân thật chăng? Những chúng sanh nghe Phật nói những lời như thế, họ

có tin chăng? Đức Phật xác nhận: Sau khi Phật nhập Niết-bàn khoảng năm trăm năm, có những người biết giữ giới, biết tu phước, ngay nơi kinh này, họ sanh niềm tin cho là thật, là đúng thì nên biết người đó không phải chỉ gieo trồng căn lành ở một, hai, ba, bốn, năm đức Phật mà đã gieo trồng căn lành ở chỗ ngàn muôn đức Phật rồi. Qua lời xác định của đức Phật, quý vị kiểm lại xem mình đã gieo trồng căn lành bao lâu? Nơi bao nhiêu đức Phật?

Đức Phật xác nhận là nếu ngay những lời Phật dạy mà người nào tin quả quyết đó là thật thì người đó đã gieo trồng căn lành ở chỗ vô lượng ngàn muôn đức Phật rồi! Như vậy chúng ta có tủi thân là mình mới phát tâm tu hay không? Hay là chúng ta đã gieo trồng căn lành nơi nhiều chư Phật, nhưng tại chúng ta tu hành lôi thôi nên bây giờ còn sót lại đây? Hiện nay nếu

chúng ta cố gắng tu nữa, dần dần sẽ có ngày mình đến, chứ không có căn lành thì nghe kinh này không tin nổi. Ngày nay chúng ta nghe mà tin được và quả quyết là Phật nói đúng chân lý, đủ niềm tin là đã có căn lành từ lâu rồi. Song đã gieo trồng căn lành ở nhiều đời chư Phật mà còn lang thang ở đây, thật đáng tủi hổ quá phải không? Tuy nhiên chúng ta cũng có chút hãnh diện là đã có căn lành chứ không phải mình là con số không, mà đã có căn lành rồi nếu quyết chí tu, chúng ta có thể tiến được chứ không đến nỗi phải lui sụt. Do tin như thế, chúng ta có thể cố gắng tiến tới.

Tiếp theo đức Phật hạ thấp xuống một tầng nữa. Ngài bảo: Giả sử như có những người nghe lời dạy đây, chỉ sanh một niệm, một niệm thôi, một niệm tin trong sạch thì người đó sẽ được Phật thấy biết chắc chắn

người đó được công đức vô lượng. Đó là cái thấy biết của Phật như thế chứ không phải ngài nói suông. Quý vị có được một niệm tin trong sạch chưa? Nghe lời dạy như vậy mà được một niệm tin trong sạch đã là công đức vô lượng rồi. *Vì cớ sao? Vì những chúng sanh đó không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.* Tại sao? Vì một niệm tin trong sạch là tin rằng nếu chúng ta còn một niệm tức là còn một chúng sanh chưa độ được. Vậy là còn ngã, còn nhân, còn chúng sanh, còn thọ giả. Trái lại, nếu tất cả chúng sanh được độ vào Vô dư Niết-bàn rồi thì tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả đâu còn, nên nói không còn những tướng đó.

Đức Phật lại bảo thêm: *Không còn tướng pháp và cũng không còn tướng phi pháp nữa.* Thường trong nhà Phật nói

pháp là đúng pháp, phi pháp là không đúng pháp, cũng như chúng ta nói pháp là phải, phi pháp là quấy, việc phi pháp là việc tà, việc sai quấy. Pháp và phi pháp, hai tướng đó không còn nữa. Vì cớ sao? *Nếu tâm còn chấp tướng thì còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu còn chấp tướng pháp thì cũng còn chấp tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.* Pháp là phải, nếu còn chấp phải thì cũng còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thí dụ việc đó là việc phải, tôi làm việc phải hay ai làm việc phải? Hoặc tôi làm hoặc người làm? Nếu có người làm việc phải thì người đối với mình tức có nhân là có ngã, trái lại có ngã là có nhân. Thế nên chấp cái phải là thật thì cũng có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả; chấp cái quấy là thật thì cũng có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

Vậy chẳng những chúng ta không chấp vào cái tướng của tâm niệm mình mà cũng không nên chấp pháp phải và quấy.

Có nhiều khi mình không chấp các tướng mà chấp điều phải điều quấy là thật. Các tướng là không thật còn điều phải quấy có thật hay không? Phải quấy cũng là cái giả định của một thời thôi. Tùy theo mỗi thời đặt việc này là phải thì chúng ta thấy nó phải, đặt việc kia là quấy thì chúng ta thấy nó quấy, chứ đâu có gì là cố định. Nếu chúng ta chấp có một cái cố định, đó cũng là chấp pháp, mà chấp pháp là cũng còn chấp ngã. Ngã và pháp không tách rời nhau được. Chấp pháp và phi pháp là chấp pháp; chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả là chấp ngã. Hai cái chấp này dứt sạch thì mới an lành giải thoát. Thế nên trong đoạn sau, đức Phật bảo: *Như ta thường nói Tỳ-kheo các ông nên*

biết, ta nói pháp thí dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ huống là phi pháp.

Thí dụ như chúng ta cho những câu chuyện tầm phào ở thế gian là những lời nói bậy, là phi pháp, còn những lời dạy trong kinh sách là lời vàng ngọc đúng pháp. Nhưng chấp phi pháp là thật cũng bệnh, chấp pháp là thật cũng bệnh! Do đó đức Phật dạy rằng: Lời Phật nói dụ như chiếc bè giúp người qua sông. Khi chưa qua khỏi bờ mê thì chiếc bè rất quý, khi nương chiếc bè qua đến bờ giác rồi, chiếc bè có còn giá trị gì nữa không? Trong kinh A-hàm, đức Phật thí dụ ở bên này bờ sông có giặc cướp đuổi hại người, có người chạy tránh giặc cướp, muốn qua bờ sông bên kia là chỗ an lành, không tai họa. Bấy giờ họ mới chặt tám cây kết thành bè (tám cây thí dụ cho bát chánh đạo) rồi nương chiếc bè qua được bên kia bờ sông. Khi qua đến

nơi, người đó bước lên bờ, dĩ nhiên chiếc bè phải bỏ lại. Như vậy bát chánh đạo là pháp của Phật nói mà khi đến bờ giác còn phải bỏ huống nữa là việc phi pháp, điều sai quấy bậy bạ. Song hiện giờ, phi pháp chúng ta bỏ được chưa? Như vậy nếu nói với chúng ta thì phải nói thế nào? Phi pháp còn chẳng bỏ huống là pháp! Phật thì bảo: Pháp còn phải bỏ huống là phi pháp. Chúng ta thì trái lại, phi pháp tức là những chuyện nói xằng nói bậy không có nghĩa gì, còn bỏ không được huống là pháp, là cái hay, làm sao bỏ nổi! Như vậy chúng ta ngược lại với Phật!

Tóm lại qua đoạn này, trước hết đức Phật nêu lên người tu hành mà tin được các lời Phật nói trong kinh Kim Cang là đã gieo trồng căn lành sâu dày rồi. Đoạn thứ hai đức Phật bảo rằng đúng ra người tin được kinh này thì phải thấy rõ tất cả

tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả đều không thật. Chẳng những bốn tướng không thật mà phải thấy tất cả tướng thế gian đều không thật và tất cả pháp phải và không phải cũng đều không thật. Thấy được như vậy người đó mới đúng là tin kinh này một cách chân chánh. Đây là phá chấp ngã và chấp pháp vì ngã là giả dối thì pháp cũng giả dối. Nếu chúng ta biết ngã giả dối nhưng còn cho pháp là thật, đó cũng là bệnh. Lời Phật nói chỉ có giá trị khi chúng ta còn mê, khi chúng ta thoát khỏi mê lầm rồi thì phải bỏ lời đó đi. Chỉ có Phật mới dám nói như vậy, chứ ở thế gian chưa ai dám nói như thế. Chúng ta thấy rõ giá trị Phật pháp là ở chỗ không để chúng ta kẹt trong một cái chấp nào.

Lời Phật dạy là phương thuốc trị bệnh, bệnh lành thì bỏ thuốc. Nghe ngôn ngữ phải biết ứng dụng để tu, chứ không nên

bám vào ngôn ngữ cho đó là cứu cánh, kiếp kiếp đời đời giữ hoài không bỏ thì vô tình chúng ta bị kẹt.

Đến bờ thì phải bỏ bè, nhưng nếu chưa đến bờ mà vội bỏ bè thì đó là điều hiểm nguy. Thế nên việc quan trọng là chúng ta phải nhận đúng lẽ thật, phải biết mình đang ở vị trí nào, mình là người đến bờ hay là người mới sửa soạn bước xuống bè. Nếu vừa sửa soạn bước xuống bè thì ráng kiếm dây ràng bè cho chắc để nhờ nó đưa mình qua sông, còn nếu mình đã đến bờ rồi thì chiếc bè trở thành vô nghĩa, bỏ nó không chút tiếc nuối. Người học đạo phải sáng suốt như thế, đừng lầm lẫn hai vị trí đó, chưa tới bờ mà đã vội bỏ bè, hay đến bờ rồi mà còn giữ chiếc bè; cả hai đều là bệnh, đều lầm lẫn, hiểu vậy là chúng ta hiểu đạo.

ĐOẠN 7

Âm:

VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề da? Như Lai hữu sở thuyết pháp da?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp, danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết. Hà dĩ cố?

Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt.

Dịch:

KHÔNG ĐƯỢC, KHÔNG NÓI

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Như Lai có nói pháp chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Như con hiểu qua nghĩa Phật nói, không có pháp nhất định tên là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định Như Lai có thể nói. Vì cớ sao? Vì pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì cớ sao? Vì tất cả bậc Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

Giảng:

Chúng ta thắc mắc tự hỏi tại sao Phật nói kinh mình học mà nói không nói, còn tu là cốt được đắc quả mà ở đây Phật nói không đắc là tu làm sao? Trong đoạn trước, đức Phật phá pháp và phi pháp. Phải và quấy đã phá rồi, đến đây cái chúng ta quý kính nhất là pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức pháp chứng quả thành Phật, pháp đó có thật hay không? Phải và quấy không thật chúng ta đồng ý rồi, còn pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Phật chứng có thật hay không? Nhiều khi những cái tầm thường thì thấy giả, nhưng đến cái cao quý hơn thì thấy thật. Thí dụ như chì, kẽm... chúng ta nói là giả, đến vàng lại thấy là thật. Nhưng nếu thấy vàng là thật thì cũng còn thấy thật, vì một cái thật thì những cái khác cũng thật luôn, cho nên pháp và phi pháp là giả rồi nhưng

đến pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nếu chúng ta thấy thật thì cũng là bệnh. Vì thế đức Phật mới hỏi: *Vậy Như Lai có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay không?* Và *Như Lai có nói pháp hay không?* Đó là hai câu hỏi Phật đặt ra để ngài Tu-bồ-đề trả lời.

Ngài Tu-bồ-đề thưa: Như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, đây là ngài Tu-bồ-đề dè dặt, những gì ngài biết thì nói biết, những gì học được nơi Phật thì nói con học của Phật. Thế nên ngài thưa: *Con biết theo nghĩa của Phật nói*, chứ không phải con biết theo ý riêng của con, *không có pháp nhất định tên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định Như Lai nói.* Ngài trả lời dứt khoát như vậy. Tiếp theo ngài mới giải thích lý do. *Vì cớ sao? Như Lai nói pháp đều không thể chấp, không thể nói, chẳng*

phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì cớ sao? Vì tất cả bậc Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

Câu này thật là khó! Khi chúng ta chấp pháp thấp thì đức Phật phá pháp thấp không thật, đến khi pháp thấp phá rồi, chúng ta lại chấp pháp cao nên ở đây đức Phật phá luôn cả pháp cao. Thường ai tu cũng mong chứng quả thành Phật. Thành Phật rồi mới nói pháp, cũng như Phật chứng quả rồi ngài nói pháp vậy. Như thế ngài có chứng đắc và có nói pháp hay không?

Trong đoạn trước Phật đã dạy: phàm có tướng đều là hư vọng, và nếu còn thấy có pháp thật là cũng còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vậy pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là pháp thành Phật có thật không? Nếu thấy pháp đó thật thì cũng còn tướng ngã, tướng

nhân... Tại sao? Vì nói thành Phật thì hỏi ai thành? Ta thành phải không? Thấy có pháp thành Phật thật thì phải có người thành Phật, đó là còn ngã, còn ngã thì còn nhân, còn chúng sanh, thọ giả. Nếu thế thì Phật là phàm phu mất rồi! Cho là Phật có nói pháp thật cũng không được, vì phàm những gì nói ra đều là tướng hư giả.

Như vậy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay nói gọn là Phật, là đối với chúng sanh. Chúng sanh là mê nên Phật là giác, giác đối với mê, hết mê rồi còn nói giác làm gì. Giác là đối đãi với mê, mê không thật thì giác cũng không thật; nếu mê giác đều không thật thì có thành Phật hay không? Nếu không còn thấy có mê thật, giác thật thì tâm không còn chấp hai bên, mà tâm không chấp hai bên đó là như như, là Phật pháp thân hiện, không thấy thành Phật mà đã thành Phật. Hiện giờ

chúng ta mơ ước thành Phật mà không thành Phật được, vì mơ ước là vọng tưởng, mà vọng tưởng còn thì Phật pháp thân đâu có hiện, thế nên cầu mà không được. Trái lại, không thấy có pháp để cầu thành Phật, nên tâm thể lặng lẽ không còn hai bên mê giác đối đãi, do đó tâm hoàn toàn thanh tịnh, tâm thể thanh tịnh tức là pháp thân Phật, là Như Lai. Không được mà được, đó là điều không thể nói cho thế gian hiểu, vì thế gian nói hoặc là được, hoặc là không, chứ không bao giờ nói không được mà được. Nhưng ở đây không đắc mà đắc, không chứng mà chứng, đó mới là khó khăn, bởi vì nếu thấy chứng đắc là còn có ngã tức là có pháp. Nếu phá được ngã pháp rồi thì đâu còn nói chứng nói đắc, mà không chứng đắc thì đó là Phật. Nhưng hễ nói Phật tức là có chứng có đắc rồi. Vì vậy Phật pháp vượt ngôn ngữ của thế gian. Ngôn ngữ thế gian luôn

rơi vào hai bên hoặc được, hoặc mất, hoặc có, hoặc không. Ở đây phá hết những chấp ngã và pháp, khi ngã và pháp hết rồi thì đó là Phật. Nếu còn thấy có pháp để đắc là còn pháp, còn thấy mình chứng là còn ngã thì đâu phải là Phật, ngã pháp còn làm sao gọi là Phật được. Dẹp hết ngã pháp đó là Phật mà không có chứng có đắc, đó mới thật là lạ. Cho nên không chứng mà chứng, không đắc mà đắc, chứ không phải một bề nói không đắc là không đắc. Như trong kinh Bát-nhã nói "vô đắc v.v..." đừng cho như vậy là không ngơ; Bát-nhã nói cái gì cũng không, tất cả đều không. Không phải thế, khi không còn những chấp ngã pháp thì pháp thân mới hiện tiền. Cũng như tôi đã nói không dính vào tất cả thì tâm mới an trụ, an trụ đó mới là an trụ thật.

Ở đây cũng vậy, nếu tâm niệm còn dính còn chấp thì tâm niệm đó là tâm niệm cuồng loạn, là tướng sanh diệt. Không còn dính chấp vào cái hư giả đó mới là vô sanh, mới là chân thật, cho nên thật tướng là vô tướng, cái chỗ không tướng là tướng chân thật. Thật rất lạ! Vì vậy người học Phật nếu không tu thì không bao giờ hiểu nổi, mình có tu rồi khi hết vọng tưởng thì thấy cái chân thật hiện tiền, còn nếu không tu thì nghe rất lạ, ngôn từ quá khó hiểu. Thế nên ngài Tu-bồ-đề mới nói rằng: Không có pháp cố định tên A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cũng không có pháp cố định để Phật nói. Vì cớ sao? Vì Như Lai nói pháp đều không nên chấp, cả pháp và phi pháp cũng không chấp, vì không chấp nên nói tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

Thế nào là Hiền Thánh? Thí dụ như trong tứ quả Thanh văn: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, thì ba quả vị đầu còn ở bậc Hiền. Tại sao? Vì ba quả vị này còn ở trong vòng sanh. Tu-đà-hoàn còn bảy phen sanh, Tư-đà-hàm còn một phen sanh, A-na-hàm thì sanh trong cõi Sắc. Đến A-la-hán mới hoàn toàn vô sanh, vô lậu nên gọi là Thánh. Đối với hàng Bồ-tát, từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng là bậc Hiền, từ Sơ địa trở lên đến Thập địa mới gọi là Thánh. Như vậy các bậc Hiền Thánh sai biệt nhau tại điểm nào? Chính tại pháp vô vi, tức là do cái pháp thân bất sanh bất diệt đó. Người sống được với nó viên mãn là Thánh, người sống được một phần nhỏ là Hiền bậc thấp, người sống được một phần lớn hơn, là bậc Hiền cao hơn. Như thế chúng ta thấy do pháp vô vi, bất sanh bất diệt mà

có chư Hiền Thánh sai biệt, chứ không phải căn cứ trên quyền lực gì ở bên ngoài.

Cũng như hiện giờ có người mới tu ngồi trong một giờ đồng hồ, có thể có một trăm lần vọng tưởng, có người tu khá hơn, ngồi trong một giờ chỉ còn tám mươi lần vọng tưởng, đối với phàm phu người đó khá hơn, nếu người nào ngồi trong một giờ mà chỉ có hai mươi lần vọng tưởng thì đó là khá lắm. Đến khi trong một giờ mà không có một vọng tưởng nào, đó là đã bước vào địa vị Hiền rồi. Song suốt một ngày một đêm đến hai mươi bốn giờ mà chỉ được một giờ không vọng tưởng, đó mới được một phần nhỏ xíu trong thời gian một ngày một đêm. Nếu chúng ta thêm hai giờ rồi đến bốn giờ không vọng tưởng... thì chỗ không vọng tưởng đó là pháp vô vi bất sanh bất diệt. Nếu chúng ta được một ngày không vọng tưởng, sánh với người

được mười ngày không vọng tưởng thì người được mười ngày đó tiến bộ hơn mình, mình được một năm không vọng tưởng mà người được mười năm không vọng tưởng thì người đó cao hơn mình. Vì vậy khi nói cao thấp là căn cứ trên pháp vô vi mình sống được trọn vẹn hay được từng phần.

Thập tín là mới tin được mình có cái bất sanh bất diệt thôi; Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng là mới được lóe thấy; đến Thập địa mới được từng phần rõ ràng. Thế nên nói sai biệt nhau là căn cứ trên pháp vô vi, chứ không phải căn cứ trên cái gì bên ngoài, không phải vị thầy thọ ký cho người này chứng cái gì, người kia chứng cái gì v.v... mà chính trên pháp vô vi bất sanh bất diệt, ai sống được với cái đó nhiều là cao, ai sống được với cái đó ít là thấp, còn chưa sống được với cái đó là phàm phu. Hiểu như vậy, chúng ta thấy

người tu sở dĩ khác hơn người thế gian là ở chỗ đó. Chúng ta thử kiểm lại nếu mình biết tu chút ít thì có khác hơn người thế gian không? Người thế gian cứ tha hồ nghĩ, cả đến khi ngủ, nằm xuống cũng chưa chịu ngủ, vẫn nghĩ hết chuyện này đến việc kia, chừng nào ngủ quên mới thôi. Còn chúng ta vừa khởi nghĩ là đã rầy nó rồi. Đấy là chỗ khác nhau. Mình rầy lần lần nó cũng giảm bớt, đến bao giờ mình vừa nhìn nó liền mất như trâu thuần thục, rồi từ từ cho đến hết nghĩ, lúc đó mình mới sống với cái chân thật. Nếu cái nghĩ là mình thì hết nghĩ mình mất phải không? Sự thật cái nghĩ không phải là mình. Khi không nghĩ mình vẫn hiện tiền, mình vẫn sờ sờ, tai vẫn nghe, mắt vẫn thấy, chứ không có mất. Thế nên khi nào hết nghĩ thì lúc đó pháp vô vi hiện tiền. Pháp vô vi còn gọi là pháp thân hay là chân tâm. Sở dĩ chúng ta sai biệt nhau trên phương

diện tu hành là sai biệt ở điểm đó, chứ đừng tính năm tu, như tôi tu mười năm, người kia tu bảy năm, vậy người đó thua tôi ba năm hay là người khác mới tu hai năm, thua tôi đến tám năm v.v... Ngay nơi pháp vô vi đó, chúng ta được sâu hoặc được cạn mới là khác nhau.

ĐOẠN 8

Âm:

Y PHÁP XUẤT SANH

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhân sở đắc phước đức, ninh vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thị phước đức tức phi phước đức tánh, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa.

- Nhược phục hữu nhân ư thử kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thắng bỉ. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề, nhất thiết chư Phật cập chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề pháp, giai tùng thử kinh xuất. Tu-bồ-đề, sở vị Phật pháp giả tức phi Phật pháp.

Dịch:

Y NƠI CHÁNH PHÁP MÀ SANH RA TẤT CẢ QUẢ VỊ

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Nếu có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, người ấy được phước đức thật nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì cớ sao? Vì phước đức ấy tức chẳng phải là tánh phước đức, thế nên Như Lai nói phước đức nhiều.

- Nếu lại có người ở trong kinh này thọ trì cho đến bốn câu kệ v.v... vì người khác giảng nói thì phước đức này còn hơn phước đức của người kia. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề, tất cả chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều từ nơi kinh này ra. Này Tu-bồ-đề, nói là Phật pháp đó tức chẳng phải Phật pháp.

Giảng:

Đức Phật nói rằng: Giả sử có người đem bảy báu (vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não) đầy cả tam thiên đại thiên thế giới ra bố thí, tam thiên đại

thiên thế giới quá rộng đối với chúng ta, giả sử đem bảy báu đầy dẫy cả thế giới của chúng ta ra bố thí thì phước nhiều ít? Thật tình là phước rất nhiều. Cho nên ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn phước rất nhiều. Nhưng khi nói phước rất nhiều, ngài Tu-bồ-đề sợ chúng ta hiểu lầm ngài thấy phước đức là một việc có thật cho nên ngài nói: *Phước đức ấy không phải tánh phước đức thế nên nói là phước đức nhiều.* Theo tinh thần kinh Kim Cang lúc nào đức Phật cũng chỉ cho chúng ta thấy rằng tất cả pháp ở thế gian, từ những hình tướng đến tâm tưởng danh ngôn đều là pháp nhân duyên, mà nhân duyên hòa hợp thì không có tự tánh, tức là không có tánh thật.

Phàm những gì do nhân duyên hòa hợp thì bản tánh không thật, phải do cái này cái kia hợp lại thành, nếu thật thì

không đợi duyên hợp. Ngài Tu-bồ-đề sợ chúng ta hiểu lầm là phước đức có tự tánh thật nên nói: Phước đức ấy tức không phải tánh phước đức nên nói phước đức nhiều. Nói nhiều là một lối nói tùy theo tâm niệm, tùy theo sở chấp của chúng sanh, chứ không phải nó có tánh thật. Đức Phật đưa thí dụ trước, tiếp theo ngài mới so sánh với pháp. Nếu có người đem bảy báu, chúng ta chỉ nói một thứ báu tầm thường là vàng thôi, giả sử có người đem vàng đầy chùa này ra bố thí, thì phước đức nhiều ít? Mấy mươi kiếp mình làm chưa đủ vàng chứa đầy chùa này, nếu đem bao nhiêu đó ra bố thí thì phước cũng quá nhiều rồi, huống nữa là đầy dẫy cả quả địa cầu. Song thử hỏi chừng bao nhiêu kiếp chúng ta làm được số vàng đầy dẫy cả quả địa cầu? Một đời mình, nếu may mắn lắm đâu được đó thì cũng chỉ có thể làm được chừng vài trăm lượng, tức khoảng chừng một giỏ

xách. Làm đâu được đó trong một đời mà chỉ được chừng một giỏ xách thì bao nhiêu đời mới được một làng, rồi bao nhiêu đời mới đầy cả một nước, bao nhiêu đời mới đầy được cả thế giới? Nếu tính số vàng đầy cả tam thiên đại thiên thế giới thì ít ra phải cả triệu triệu kiếp mới có thể có được. Cả triệu triệu kiếp khổ công nhọc nhằn mà gom lại đem bố thí hết thì chúng ta tưởng tượng phước đức nhiều ít? Không thể tính nổi.

Bấy giờ đức Phật mới so sánh: Nếu có người thọ trì dù chỉ bốn câu kệ trong kinh này, vì người khác nói thì phước của người này còn hơn phước của người bố thí bảy báu kia. Chúng ta tin nổi không? Đó là điều thật hy hữu, thật khó tin mà tin được là chuyện phi thường. Vậy mà tôi tin, chuyện khó tin mà tin được mới là lạ. Thí dụ mỗi sáng khi mặt trời lên, những hạt

sương đọng ở đuôi lá cây lóng lánh giống như những hạt kim cương. Nếu người có viên kim cương bằng ngón tay cái, người khác thấy nói: Viên kim cương của chị lóng lánh như những hạt sương trên lá cây, chúng tôi xin đổi viên kim cương này bằng một triệu hạt sương lóng lánh đó, chị có chịu không? Không chịu. Mười triệu hạt sương, một tỷ triệu hạt sương được không? Vẫn không đồng ý. Khắp cả thế giới có bao nhiêu hạt sương đều đem đổi viên kim cương, chị đồng ý không? Dĩ nhiên là không. Tại sao? Bởi kim cương là thật, hạt sương là giả, vì giả cho nên bao nhiêu cũng không đổi được cái thật.

Trên nhân gian này, khi người ta quan niệm vàng là quý thì vàng là quý, nếu người ta cho rằng vàng không quý thì vàng hết quý. Như vậy cái quý đó chỉ là do quan niệm của con người, chứ không phải

nó thật quý. Nó là cái giả tạm do con người đặt ra.

Đừng hiểu thọ trì là đọc suông. Thí dụ như cứ đọc *phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai*, đọc mãi như vậy có phải là thọ trì chưa? Chưa. Thọ là nhận, trì là giữ. Chúng ta nhận hiểu được kinh Kim Cang và sống được với nó gọi là trì. Thọ trì là sống được với trí tuệ Bát-nhã, mà trí tuệ Bát-nhã là cái chân thật muôn đời muôn kiếp không bao giờ hoại. Song đối với đức Phật, ngài thấy nó thật, còn đối với chúng ta, vì chưa thấy nên khó hiểu, khó tin. Trí tuệ Bát-nhã là cái thật, tất cả vàng bạc của báu thế gian là cái giả, vậy phải đem bao nhiêu cái giả để đổi một cái thật? Cũng như phải đem bao nhiêu hạt sương lóng lánh để đổi một viên kim cương? Chắc chắn không bao giờ chúng ta đồng ý.

Cái giả dù nhiều thế mấy cũng không bì được một cái thật. Cho nên khi nào ngộ được thể Kim cang Bát-nhã, chúng ta mới thấy tất cả thế gian không có gì bì được với nó. Vì thế đức Phật bảo dù đem bao nhiêu của báu thế gian bố thí, công đức cũng không bằng trì bốn câu Kim Cang. Thọ trì nghĩa là sống được với cái chân thật thì muôn triệu cái giả cũng không bì kịp. Lại vì người khác nói, chỉ cho người biết và sống được thì đó là phước đức không có gì sánh bằng.

Kế đến, đức Phật bảo: *Này Tu-bồ-đề, tất cả chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều từ kinh này mà ra.* Phật nói kinh Kim Cang mà tại sao lại nói rằng chư Phật đều từ kinh này ra? Vậy kinh này sanh ra Phật hay Phật sanh ra kinh này? Do đó có một nghi vấn là: Kinh có trước hay Phật có

trước? Nếu kinh này sanh ra chư Phật thì kinh có trước. Nhưng mà ai nói kinh? Phật nói kinh là Phật có trước. Tại sao nói chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều từ kinh này ra? Như thế tức là kinh này có trước. Nếu chúng ta hiểu kinh này theo nghĩa văn tự thì không bao giờ hiểu nổi. Có người hỏi một thiền sư: Pháp có trước hay Phật có trước? Thiền sư trả lời: Nói thì Phật trước pháp sau, nghe thì pháp trước Phật sau. Tại sao? Bởi vì nói thì đức Phật ngộ đạo rồi mới nói kinh, tức là Phật trước pháp sau. Còn nghe thì pháp trước Phật sau, chúng ta chưa ngộ nên nghe kinh rồi mới ngộ, sau mới thành Phật, vậy là pháp trước Phật sau.

Ở đây nói kinh này là mẹ tất cả chư Phật và cả pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trí tuệ Kim cang Bát-nhã là

trí tuệ bất sanh bất diệt, ai cũng sẵn có, nếu quên là chúng sanh, ngộ thì thành Phật. Nhân ngộ mà thành Phật thì chính trí tuệ đó sanh ra Phật, nhân trí tuệ đó diễn đạt cho người ta hiểu là pháp. Như vậy từ trí tuệ đó sanh ra pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên nói kinh này không có nghĩa đơn giản là bao nhiêu chữ, bao nhiêu tờ mà là chỉ thẳng trí tuệ Bát-nhã chân thật. Vì kinh này nói về trí tuệ Bát-nhã chân thật nên trí tuệ đó tức là kinh này. Hiểu như thế mới gọi là hiểu. Trì bốn câu kệ của kinh này là trì ngay tinh thần của kinh chứ không phải trì văn tự của kinh. Có nhiều người nói kinh này phước lớn quá, nên ngày nào cũng đọc bốn câu kệ rồi tự hào rằng tôi có phước đức vô lượng vô biên, như vậy đúng chưa? Đó là chấp tướng chứ chưa đúng tinh thần công đức. Thế nên ở đây nói kinh này chỉ cho trí tuệ Bát-nhã bất sanh

bất diệt, là mẹ của chư Phật, là mẹ của tất cả kinh.

Đức Phật lại bảo ngài Tu-bồ-đề: *Nói Phật pháp tức không phải Phật pháp*. Vì chúng ta nghe nói Phật pháp rồi chấp thật Phật pháp, nên Phật liền bác không phải Phật pháp. Tại sao? Vừa có ngôn từ Phật pháp thì ngôn từ đó cũng là tướng duyên hợp. Thể của danh từ Phật pháp là không thật, nhưng tùy theo chúng sanh mê, gọi đó là Phật pháp để cảnh tỉnh họ. Bản chất của Phật pháp không thật nên nói không phải Phật pháp, vì tùy chúng sanh nên gọi là Phật pháp.

ĐOẠN 9

Âm:

NHẤT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tu-đà-hoàn năng tác thị niệm ngã đắc Tu-đà-hoàn quả phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Phất dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tu-đà-hoàn danh vi Nhập lưu nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu-đà-hoàn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tư-đà-hàm năng tác thị niệm ngã đắc Tư-đà-hàm quả phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Phất dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tư-đà-hàm danh Nhất vãng lai nhi thật vô vãng lai, thị danh Tư-đà-hàm.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? A-na-hàm năng tác thị niệm ngã đắc A-na-hàm quả phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Phất dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? A-na-hàm danh vi Bất lai, nhi thật vô bất lai, thị cố danh A-na-hàm.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? A-la-hán năng tác thị niệm ngã đắc A-la-hán đạo phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Phất dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thật vô hữu pháp danh A-la-hán. Thế Tôn! Nhược A-la-hán tác thị niệm: ngã đắc A-la-hán đạo, tức vi trước ngã, nhân,

chúng sanh, thọ giả. Thế Tôn! Phật thuyết ngã đắc Vô tránh tam-muội, nhân trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã bất tác thị niệm ngã thị ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã nhược tác thị niệm: ngã đắc A-la-hán đạo, Thế Tôn tắc bất thuyết Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-na hạnh giả. Dĩ Tu-bồ-đề thật vô sở hành, nhi danh Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-na hạnh.

Dịch:

MỘT TƯỚNG KHÔNG TƯỚNG

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tu-đà-hoàn hay khởi nghĩ thế này: "ta được quả Tu-đà-hoàn" chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Tu-đà-hoàn gọi là Nhập lưu mà

không có chỗ nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu-đà-hoàn.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tư-đà-hàm hay khởi nghĩ thế này: "ta được quả Tư-đà-hàm" chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Vì Tư-đà-hàm tên là Nhất vãng lai mà thật không có vãng lai, ấy gọi là Tư-đà-hàm.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? A-na-hàm hay khởi nghĩ thế này: "ta được quả A-na-hàm" chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? A-na-hàm tên là Bất lai mà thật

không có bất lai, thế nên tên A-na-hàm.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? A-la-hán hay khởi nghĩ thế này: "ta được đạo A-la-hán" chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Thật không có pháp tên là A-la-hán. Bạch Thế Tôn, nếu A-la-hán khởi nghĩ thế này: "ta được đạo A-la-hán," tức là còn chấp ngã nhân chúng sanh thọ giả. Bạch Thế Tôn! Phật nói con được Vô tránh tam-muội là bậc đệ nhất trong số người đó, là A-la-hán ly dục đệ nhất. Bạch Thế Tôn! Con không khởi nghĩ con là ly dục A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu con khởi nghĩ con được đạo A-la-hán, Thế Tôn ắt chẳng nói Tu-bồ-đề là người ưa

hạnh A-lan-na. Do Tu-bồ-đề thật không có sở hành nên gọi là Tu-bồ-đề ưa hạnh A-lan-na.

Giảng:

Người tu theo Thanh văn thừa thì chứng bốn quả: quả thứ nhất là Tu-đà-hoàn, quả thứ hai là Tư-đà-hàm, quả thứ ba là A-na-hàm, quả thứ tư là A-la-hán.

Quả thứ nhất là *Tu-đà-hoàn*, Trung Hoa dịch ra hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là Thất lai. Thất là bảy, lai là trở lại. Những vị chứng quả này vẫn còn trở lại trần gian bảy phen nữa mới chứng A-la-hán, không còn sanh tử. Nghĩa thứ hai là Nhập lưu, nhập là vào, lưu là dòng, nghĩa là vào được dòng thánh. Người tu chứng quả Tu-đà-hoàn, tuy còn sanh tử song nhất định không lui sụt, từ đó tiến vào dòng thánh đến trọn vẹn thành A-la-hán. Thế nên cố

định là bảy phen trở lại rồi chứng A-la-hán.

Quả thứ hai là *Tư-đà-hàm*, Trung Hoa dịch là Nhất lai. Nhất là một, lai là lại. Những vị này chỉ còn một phen trở lại nhân gian rồi chứng quả A-la-hán nên gọi là Nhất lai.

Quả thứ ba là *A-na-hàm*, Trung Hoa dịch là Bất lai. Bất là chẳng, lai là lại. Những vị chứng A-na-hàm chỉ còn một phen sanh lên cõi Ngũ A-na-hàm thiên, lên cõi trời đó rồi chứng A-la-hán, nhập Niết-bàn chứ không trở lại trần gian nữa nên gọi là Bất lai.

Quả thứ tư là A-la-hán. A-la-hán dịch nghĩa là Vô sanh. Vị này không còn sanh tử nữa, đó là viên mãn trong bốn quả Thanh văn.

Đây là kinh Đại thừa, vậy tại sao đức Phật lại lấy bốn quả Thanh văn để đối

chiếu? Đó là ý nói rằng dù cho trong bốn quả Thanh văn nhưng tinh thần Đại thừa vẫn hợp, vẫn không khác. Tu-đà-hoàn không khởi nghĩ: "ta được quả Tu-đà-hoàn," nếu khởi nghĩ có quả Tu-đà-hoàn thì không gọi là Tu-đà-hoàn nữa. Tại sao *Tu-đà-hoàn gọi là Nhập lưu mà thật không có chỗ nhập?* Vì không kẹt vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Như Lục Tổ không dính vào sáu trần nên ngài thấy được chỗ *ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*. Ngài ngộ đạo tức là ngài nhập lưu rồi, vì vậy nên ngài thốt lên: À, mình có một cái mà từ trước đến nay chưa từng thấy, đầy đủ, thanh tịnh, chưa từng sanh diệt v.v... Đó là Nhập lưu mà thật không có chỗ nào để nhập, thấy rõ không dính với sáu trần mà hiện có cái chân thật, đó gọi là Tu-đà-hoàn, là bước vào dòng thánh.

Đến quả Tư-đà-hàm, cũng gọi là Nhất lai. *Nhất lai mà thật không có vãng lai.* Đến quả này là còn một phen qua lại, nghĩa là còn sanh ra trên thế gian một lần nữa. Như vậy tức có đến, có đi, nhưng sự thật ở đây không có đến có đi mới gọi là Tư-đà-hàm. Tại sao? Vì chỗ chân thật bất sanh bất diệt không có đến có đi, còn thấy có đến có đi là chưa nhập được trong đó. Thế nên nói rằng nếu còn thấy có đến có đi thì chưa phải là Tư-đà-hàm. Thật không có đến đi tức là an trụ, không còn qua lại nữa, đó mới là Tư-đà-hàm.

A-na-hàm tức là Bất lai, những vị này cũng không khởi nghĩ: "ta được quả A-na-hàm." Tại sao? A-na-hàm là chẳng lại, song thật không có cái chẳng lại. Có đi mới có lại, mà Như Lai không từ đâu đến cũng không đi đâu *(vô sở tùng lai diệc vô sở khứ cố danh Như Lai).*

Ở đây tuy nói bốn quả Thanh văn nhưng sự thật đều nhằm chỉ thể chân thật Như Lai. Người nào còn khởi niệm chấp thì không thể đạt được thể chân thật Như Lai đó. Thế nên Tu-đà-hoàn do buông xả sáu trần mới nhập được thể Như Lai, đến Tư-đà-hàm do an trụ được trong đó, không vãng lai, đến đây đã an trụ rồi thì đâu còn qua lại, nếu còn qua lại thì chưa phải an trụ; đến quả A-na-hàm nói là Bất lai mà sự thật không phải Bất lai, ấy mới gọi là A-na-hàm.

Quả cuối cùng là A-la-hán. A-la-hán có khởi nghĩ mình chứng A-la-hán không? Ngài Tu-bồ-đề nói không. Vì cớ sao? Vì thật không có pháp tên A-la-hán... Tại sao? Trong kinh thường nói đến A-la-hán mà ở đây nói không có pháp tên A-la-hán? Chúng ta mượn việc thế gian để hiểu qua nghĩa Phật pháp. Như hiện giờ mỗi người

được mang một cái tên, song người biết tên của mình là thật biết đến mình chưa? Thí dụ có người tên Bạch Mai nghĩa là mai trắng, người khác nghe tên thì cho rằng cô ấy chắc trắng lắm, không ngờ người tên Bạch Mai lại đen. Vậy tên chưa hẳn thật là người, chẳng qua là giả danh do cha mẹ hoặc thầy tổ đặt cho. Tên chỉ là giả danh bên ngoài, đâu phải là bản chất của người đó.

Trong Phật pháp cũng vậy, A-la-hán là chỉ cho cái bất sanh bất diệt, ngộ được hay sống được với cái bất sanh bất diệt đó gọi là A-la-hán. Tên A-la-hán chỉ là giả danh, chưa phải bản chất bất sanh bất diệt, vì vậy nói thật không có pháp tên A-la-hán. Vì thế ngài Tu-bồ-đề mới nói: *Bạch Thế Tôn, nếu A-la-hán khởi nghĩ "ta được đạo A-la-hán" tức là chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*. Câu này làm sáng

nghĩa trên vô cùng, bởi vì A-la-hán nếu khởi nghĩ "ta được đạo A-la-hán" là còn có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Tại sao? Ta được đạo thì đạo A-la-hán là cái bị được và ta là người hay được, như vậy tức nhiên là có ngã, mà có ngã thì có nhân, có chúng sanh, có thọ giả không nghi ngờ gì nữa. Thế nên đến chỗ đó Phật không thấy mình là người hay được, không thấy mình là người hay được mới là cái được chân thật. Đến chỗ đó, nhập vào đó mà không có niệm, không niệm thì nói gì mình được.

Quý vị thử ngồi thiền, bao giờ được yên tịnh chừng năm phút thôi, trong năm phút yên tịnh đó có cái ngã nào dấy lên không? Có nghĩ mình được không? Vừa dấy niệm được là đã mất cái an tịnh vô sanh rồi. Vừa dấy niệm được là mất liền, đó là chỗ không dấy niệm, nếu nói mình được là đã dấy niệm tức mất quả A-la-hán.

Chỗ đó thật là tế nhị. Vì vậy đến đây ngài Tu-bồ-đề nói thêm: *Bạch Thế Tôn, Phật nói con được Vô tránh tam-muội bậc nhất.* Vô tránh tam-muội là chánh định không còn tranh luận. Chúng ta hiện nay, ngồi lại thì luôn luôn tranh luận, tranh luận với người này, người kia... Thí dụ buổi tối quý vị ngồi niệm Phật hoặc tọa thiền, lúc đó có nói chuyện với ai không? Ngồi xuống là chúng ta bắt đầu lý luận với người này, tranh luận với người kia, sắp đặt việc nọ... Ngồi thiền là định mà sự thật cứ tranh luận mãi. Khi nào ngồi mà không còn tranh luận nữa gọi là *Vô tránh tam-muội*, nghĩa là được chánh định không còn tranh luận. Không còn tranh luận tức là thanh tịnh lặng lẽ.

Ngài Tu-bồ-đề muốn chỉ rằng A-la-hán không khởi nghĩ mình được đạo A-la-hán. Ngài lấy mình làm bằng chứng, ngài

nói: Thế Tôn khen con ở trong số người tu về chánh định không còn dấy động đó, con là bậc nhất. *Nếu con khởi nghĩ con là người lìa dục được A-la-hán, ắt Thế Tôn không nói con là người ưa hạnh A-lan-na.* A-lan-na cũng gọi là A-lan-nhã, tức là hạnh tịch tĩnh. Tịch là yên, tĩnh là lặng, chỗ rất yên lặng tức là chỗ không còn dấy động, không còn sanh diệt. Tại sao? Vì vừa khởi nghĩ là đã động rồi, đã động thì đâu còn ưa hạnh tịch tĩnh nữa. Ngài Tu-bồ-đề nói tiếp: *Do Tu-bồ-đề thật không có sở hành nên gọi là Tu-bồ-đề ưa hạnh A-lan-na.* Không có sở hành tức là không có chỗ dấy động, nên mới thật là người ưa hạnh tịch tĩnh.

Như vậy rõ ràng trong đoạn này đức Phật chỉ một tướng là không tướng. Một tướng tức là một tướng chân thật vô sanh, nó không có tướng mạo. Vừa có tướng mạo

hoặc là thấy mình Nhập lưu cũng chưa phải là Tu-đà-hoàn, thấy mình Vãng lai cũng chưa phải là Tư-đà-hàm, còn thấy mình Bất lai cũng chưa phải là A-na-hàm, còn thấy mình được đạo A-la-hán cũng chưa phải là A-la-hán. Chỗ chân thật đó không có tướng mạo, vừa dấy bất cứ một niệm nào về tướng mạo đều là sai, chưa vào được chỗ đó, dù cho A-la-hán là quả cứu cánh của Thanh văn nhưng thật ra cũng phải đến chỗ đó mới gọi là A-la-hán.

ĐOẠN 10

Âm:

TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Ư ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở ư pháp hữu sở đắc phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thật vô sở đắc.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Bồ-tát trang nghiêm Phật độ phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

- Thị cố Tu-bồ-đề, chư Bồ-tát ma-ha-tát ưng như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Tu-bồ-đề, thí như hữu nhân, thân như Tu-di sơn vương, ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thậm đại, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân.

Dịch:

TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

- Ý ông nghĩ sao? Như Lai thuở xưa ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, có sở đắc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai ở nơi đức Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, thật không có sở đắc.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.

- Thế nên Tu-bồ-đề, các Bồ-tát lớn nên như thế mà sanh tâm thanh tịnh, không nên trụ nơi sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia. Tu-bồ-đề, ví như có người thân to như núi chúa Tu-di (Sumeru), ý ông nghĩ sao? Thân ấy là lớn chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Rất lớn, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Phật nói chẳng phải thân, ấy gọi là thân lớn.

Giảng:

Trong đoạn này trước tiên đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: Thuở xưa, ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, đức Phật có pháp để được chăng? Nếu chúng ta đọc truyện tiền thân Phật thì thấy Phật kể thuở xưa khi

ngài còn tu Bồ-tát hạnh nơi đức Phật Nhiên Đăng (Dipamkara-Buddha), do ngài cúng dường, bố thí nên được đức Phật Nhiên Đăng thọ ký sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca-mâu-ni (Sakyamuni). Như vậy ở nơi đức Phật Nhiên Đăng, đức Phật Thích-ca đã được thọ ký thành Phật. Nhưng ngài Tu-bồ-đề thưa: Không, ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, đức Phật thật không có pháp để được. Chúng ta thấy như là phủ nhận việc đức Phật đã nói trước kia, phải không? Nhưng không phải. Như đoạn trước nói nếu A-la-hán thấy được đạo A-la-hán là còn tướng ngã, tướng nhân v.v... Như vậy nếu Phật còn thấy có pháp để được thì cũng còn tướng ngã, tướng nhân... mà còn tướng ngã, tướng nhân thì làm sao được thọ ký thành Phật? Thế nên ngài Tu-bồ-đề xác định rằng đức Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng thật không có pháp để được.

Tiếp theo đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: *Ý ông nghĩ sao, Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật không?* Ngài Tu-bồ-đề thưa: *Không. Vì cớ sao? Trang nghiêm cõi Phật, tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.* Tại sao không phải trang nghiêm ấy gọi là trang nghiêm? Thường trong các kinh Đại thừa hay nói rằng: Người tu Bồ-tát hạnh nên trang nghiêm cõi Phật hay là trang nghiêm tịnh độ. Muốn trang nghiêm tịnh độ thì cõi đó ở đâu và chúng ta làm sao trang nghiêm? Về công hạnh đó, trong kinh nói: Mỗi đức Phật đều có hạnh nguyện. Thí dụ đức Phật Di-đà (Amita) có hạnh nguyện Di-đà, đức Phật Thích-ca có hạnh nguyện Thích-ca, hạnh nguyện đó gọi là để trang nghiêm cõi Phật. Vị nào nguyện làm hạnh nhẫn nhục viên mãn thì khi tu hạnh nhẫn nhục trong thế gian này là tạo nhân trang nghiêm cõi Phật của vị ấy, hoặc tu hạnh bố thí ở cõi

này, cũng là nhân trang nghiêm cõi Phật của vị ấy về sau. Thế nên những hạnh đó được viên mãn thì cõi Phật trang nghiêm đẹp đẽ phi thường. Chúng ta tu nhân ở đây tốt đẹp bao nhiêu thì cõi Phật của mình cũng tốt đẹp bấy nhiêu. Vậy ngay hiện tại chúng ta hành những hạnh hợp đạo lý, đó là chúng ta trang nghiêm cõi Phật. Thí dụ trong thế gian có người dự trù năm năm nữa sẽ cất một cái nhà đẹp. Khi họ dự định như thế thì từ đó về sau họ phải tích lũy tiền, dự trữ sắt, đá v.v... Họ chuẩn bị những vật liệu tốt đầy đủ cho đến ngày xây nhà, đến lúc ấy họ mới thực hiện được một cái nhà đẹp. Như vậy khi chúng ta chuẩn bị những vật liệu hoặc tiền bạc tức là chúng ta trang nghiêm cho cái nhà mai sau phải không? Trái lại nếu hiện tại chúng ta không dự trữ cái gì hết, đến khi muốn cất nhà đẹp thì có cất được không?

Trong Phật pháp cũng vậy, khi chư Phật thành Phật rồi, cõi nước các ngài đầy đủ công đức vô lượng vô biên là vì khi tu Bồ-tát hạnh các ngài đã hành những công hạnh, những phước đức để trang nghiêm cõi nước của các ngài mai sau, đến khi thành Phật thì tất cả đều viên mãn. Như kinh Di-đà diễn tả cõi Cực lạc, cái gì cũng sung mãn, cái gì cũng tốt đẹp, đó là do khi tu hạnh Bồ-tát, đức Di-đà đã nguyện như thế; cho nên mỗi công hạnh của ngài đều hướng về cõi nước của ngài sau này, đến khi viên mãn công hạnh thì được cõi nước trang nghiêm. Đức Phật muốn khi thành Phật được cõi nước trang nghiêm thì hiện tại ngài cũng tập những công hạnh như thế. Vậy Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật không? Những công hạnh lục độ là trang nghiêm chứ gì? Song ở đây ngài Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không, vì cớ sao? Trang nghiêm cõi Phật tức không phải

trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm. Bởi vì tất cả công hạnh của mình đều là tướng hữu vi, mà tướng hữu vi là tướng duyên hợp, đã là tướng duyên hợp thì đâu phải cố định, chân thật nên không phải trang nghiêm, nhưng theo thế tục gọi đó là trang nghiêm. Trên bản chất không phải trang nghiêm vì là tướng duyên hợp, nhưng trên giả danh đó là trang nghiêm. Nếu thấy có trang nghiêm tức là chấp hành động đó thật, tức phi trí tuệ Bát-nhã. Không có trí tuệ Bát-nhã sao được gọi là Bồ-tát? Vì vậy chúng ta phải thấy rõ thâm ý của từng lời kinh, nói trang nghiêm tức không phải trang nghiêm, nếu chúng ta thấy thật có trang nghiêm tức là giả dối rồi!

Tiếp đến đức Phật liền nhắc lại một ý, tôi gọi là điệp khúc, tức là nhắc lại ý khi ngài giảng về nghĩa an trụ tâm ở đoạn

trước: an trụ tâm là không nên trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đức Phật bảo: *Các Bồ-tát lớn nên như thế mà sanh tâm thanh tịnh*. Như thế là sao? *Chẳng nên trụ nơi sắc, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia*, tức là đừng kẹt vào sáu trần, đó mới thật là trang nghiêm cõi Phật, mới thật là cứu cánh của hàng Bồ-tát. Nếu vừa khởi niệm mình làm việc này là trang nghiêm cõi Phật, mình làm việc kia để dành mai sau chẳng hạn, thì còn trụ vào sắc, thanh, hương v.v..., tức là chưa phải trang nghiêm cõi Phật, chưa phải là Bồ-tát. Thế nên câu *không nên trụ nơi sắc, không trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia*, tức là không có chỗ trụ mới đúng là tâm thanh tịnh chân thật, bất sanh bất diệt.

Phật dạy tiếp: Này *Tu-bồ-đề, như có người thân như núi chúa Tu-di, thân ấy lớn chăng?* Quý vị thấy chỉ cần nói về kích thước của một cây cột hay là của một vật gì tương đối hơi lớn như cái nhà chẳng hạn, thì thân mình có bằng cây cột không? Chưa bằng. Thân mình có bằng cái nhà không? Cũng không bằng. Thường trong kinh nói núi Tu-di là ngọn núi lớn nhất có bốn châu thiên hạ ở chung quanh như Nam Thiệm Bộ châu (Jambudvipa) là chỗ chúng ta ở, Bắc Câu Lô châu (Uttara-kuru) v.v... Vậy núi Tu-di khoảng bao lớn? Có người thân lớn bằng núi chúa Tu-di chứ không phải núi Tu-di thường. Giả sử có người thân bằng Núi Lớn - Vũng Tàu này thì quý vị tưởng tượng người đó như thế nào? Họ nặng nề, đi tới đâu thì chết thiên hạ tới đó, không có đường sá nào họ đi được phải không? Nếu bằng núi chúa Tu-di thì quá sức to không thể tưởng

tượng. Khi Phật hỏi *ý ông nghĩ sao, thân đó lớn chăng*? Ngài Tu-bồ-đề liền thưa: *Bạch Thế Tôn rất lớn!* Khi nói rất lớn rồi ngài liền chuyển trở lại: *Phật nói không phải thân, ấy mới gọi là thân lớn*. Tại sao? Bởi vì nói thân lớn thì e chúng ta tưởng lầm tướng lớn tướng nhỏ là thật, thế nên ngài liền nói: không phải thân, ấy gọi là thân lớn. Không phải thân nghĩa là thân đó là tướng duyên hợp không thật, do nhiều duyên, nhiều yếu tố hợp thành thì nói là lớn, chứ sự thật nó không thật có, nếu chúng ta thấy có thân thật thì nó không phải lớn. Điều đó để cho chúng ta thấy rằng tất cả những tướng ở thế gian dù tướng thân to lớn cũng là tướng duyên hợp hư giả, đã là duyên hợp thì không phải thật lớn, chẳng qua nói lớn nói nhỏ là tùy theo giả danh mà nói thôi.

ĐOẠN 11

Âm:

VÔ VI PHƯỚC THẮNG

- Tu-bồ-đề, như Hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẳng Hằng hà. Ư ý vân hà? Thị chư Hằng hà sa, ninh vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thậm đa, Thế Tôn! Đản chư Hằng hà, thượng đa vô số, hà huống kỳ sa.

- Tu-bồ-đề, ngã kim thật ngôn cáo nhữ, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở Hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới, dĩ dụng bố thí, đắc phước đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thậm đa, Thế Tôn!

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, nhi thử phước đức thắng tiền phước đức.

Dịch:

PHƯỚC VÔ VI LÀ HƠN HẾT

- Này Tu-bồ-đề, như trong sông Hằng có bao nhiêu số cát, số sông Hằng bằng số cát như thế, ý ông nghĩ sao? Số cát của những sông Hằng ấy thật là nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Chỉ những sông Hằng còn nhiều vô số, huống là số cát kia.

- Này Tu-bồ-đề, nay ta bảo thật với ông, nếu có người thiện nam, thiện nữ đem bảy báu đầy dẫy tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát những sông Hằng kia ra bố thí thì được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Nếu người thiện nam thiện nữ, đối trong kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v.v... vì người khác giảng nói, phước đức này nhiều hơn phước đức trước.

Giảng:

Sông Hằng số một có bao nhiêu cát, mỗi hạt cát đó là một sông Hằng thứ hai. Trong đợt thứ hai là bao nhiêu sông Hằng?

Nào ai biết trong sông Hằng có bao nhiêu cát, mà có bao nhiêu cát là có bấy nhiêu sông Hằng, vậy biết bao nhiêu sông Hằng mà kể! Chỉ nói số sông Hằng thứ hai là không thể tính rồi, huống là cát của những sông Hằng này thì không làm sao tưởng tượng nổi. Mỗi hạt cát là một tam thiên đại thiên thế giới và trong tam thiên đại thiên thế giới chứa đầy cả bảy báu. Thử tưởng tượng bảy báu đầy khoảng bao nhiêu? Quá sức tưởng tượng của chúng ta, không còn con số nào tính nổi!

Đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: Nếu có người đem bảy báu đầy dẫy cả tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát của những sông Hằng thứ hai ra bố thí thì phước nhiều chăng? Phước đó chúng ta không thể nào tưởng tượng nổi. Như thế mà Phật bảo phước đức đó không bằng phước đức của người trì bốn câu kinh Kim Cang v.v...

vì người nói. Chữ vân vân đó có thể hoặc là ba câu, hoặc là hai câu. Như vậy phước đức của người này là bao nhiêu? Đó là chỗ mà ai tụng kinh Kim Cang cũng không thể tin nổi.

Ngày xưa có một công chúa độ mười một, mười hai tuổi, vì con một nên nhà vua và hoàng hậu cưng chiều quá mực. Một buổi sáng mùa hạ, trời mưa, công chúa thức dậy nhìn mưa từng hạt rơi xuống, ánh nắng xuyên qua, hạt mưa lóng lánh. Công chúa thích quá muốn được một xâu chuỗi hạt nước mưa, nàng nằm im trên giường không thèm nói năng. Hoàng hậu gạn hỏi mãi nàng cũng không trả lời. Nhà vua được tin, tưởng công chúa đau, vội đến thăm, dỗ dành mãi, sau cùng nàng mới nói:

- Con thích được một xâu chuỗi bằng hạt nước lóng lánh đó, nếu không được con sẽ không ăn cơm.

Vua và hoàng hậu hoảng hốt không biết làm sao, e công chúa nhịn đói thật, đành phải hứa sẽ tìm người xâu chuỗi bằng hạt nước mưa cho nàng. Vào triều, nhà vua truyền lệnh ai có tài xâu được chuỗi hạt nước mưa cho công chúa đeo thì sẽ được phong quan chức. Một hôm có một ông già chống gậy đến nói:

- Tôi có thể xâu được chuỗi hạt nước cho công chúa.

Nhà vua mừng quá, vội sai quan đưa ông già đến trình diện với công chúa. Khi nghe ông già xác nhận có thể xâu được chuỗi bằng hạt nước cho mình đeo, công chúa vui mừng trỗi dậy hỏi:

- Bao giờ bắt đầu?

Ông già đáp:

- Tôi có tài xâu hạt chuỗi nước, nhưng rất tiếc tôi già rồi, con mắt nhìn không rõ, công chúa chịu khó lựa những hạt nước thật đẹp đưa cho tôi xâu.

Công chúa mừng quá, bằng lòng ngay, đích thân ra hiên lựa những hạt nước mưa. Nàng thấy một hạt nước mưa lóng lánh rơi liền đưa tay nắm, hạt nước theo kẽ tay rơi mất. Từ sáng đến trưa không giữ được một hạt nào, công chúa mệt mỏi, chán nản rồi giận dỗi, nàng nói với nhà vua:

- Thưa Phụ vương, con không muốn đeo chuỗi hạt nước nữa!

Khi ấy nhà vua bảo:

- Cha sẽ cho con xâu chuỗi kim cương.

Nhà vua liền bảo quan giữ kho mang xâu chuỗi kim cương ra, công chúa vui vẻ đeo vào cổ.

Qua câu chuyện trên chúng ta hiểu thế nào? Đó là để chỉ tất cả của báu thế gian đều đẹp, nhưng vừa nắm vào tay, liền qua kẽ tay rơi mất. Ở thế gian, người ta tưởng cái gì đẹp là hạnh phúc, nhưng có hạnh phúc nào lâu dài đâu, vừa nắm được nó lại qua kẽ tay rơi mất. Rốt cuộc rồi những điều mà thế gian cho là đẹp đẽ là hạnh phúc đều không còn, càng đeo đuổi nó chừng nào thì càng mệt mỏi chán chường chừng nấy, cuối cùng nhìn lại cũng tay không! Như nàng công chúa thấy vẻ đẹp lóng lánh của hạt nước, thích quá, nhưng nhìn xa thấy nó đẹp, đến khi lại gần nắm nó thì nó theo kẽ tay rơi mất. Như vậy cả buổi không giữ được một hạt nào, chừng đó mới chán nản không còn ham thích nữa, đến khi ấy nhà vua mới cho nàng xâu chuỗi kim cương. Nhà vua thí dụ cho đức Phật, nàng công chúa thí

dụ cho ai? Quý vị nhận biết là ai rồi phải không?

Những vị hiện giờ khoảng sáu mươi tuổi trở lên chắc là như nàng công chúa lúc buổi chiều, nắm mãi các hạt nước mà đến chiều vẫn tay không, chán quá! Còn những người khoảng mười lăm, mười bảy, hai mươi... thì còn hăng hái như nàng công chúa vào buổi sáng, còn lựa, còn nắm bắt các hạt nước mưa. Đến khoảng sáu mươi tuổi trở lên thì mới chán nản, bấy giờ cũng như nàng công chúa vào buổi chiều, lắc đầu không thích xâu chuỗi hạt nước nữa, khi đó nhà vua sẽ cho một xâu chuỗi kim cương thật đẹp và đời đời không hư hoại. Kim cương đó là kim cương Bát-nhã, chính cái đó mới không mất không hoại. Kinh này thí dụ là kim cương.

Như vậy bao nhiêu hạt nước lóng lánh đổi được xâu chuỗi kim cương? Khi được

xâu chuỗi kim cương rồi mới thấy giá trị xâu chuỗi kim cương là hơn. Giả sử có ai nói gạt: "tôi đem những xâu chuỗi hạt nước lóng lánh đổi chuỗi kim cương" thì quý vị nghĩ sao? Dù đem tất cả những hạt nước lóng lánh đầy bầu trời ra đổi, chúng ta cũng không bằng lòng phải không? Bởi vì nó là giả. Chỉ khi nào còn mê như nàng công chúa thì mới ham thích. Đến khi nó qua kẽ tay rơi mất thì lúc ấy hết thích, không còn thích nữa thì được xâu chuỗi thật. Cũng như thế, khi người ta chán cả hạnh phúc thế gian rồi, đức Phật chỉ cho chúng ta cái chân thật, chừng đó chúng ta được một xâu chuỗi đời đời không hoại. Cho nên cái chân thật có giá trị vô lượng vô biên không thể bì, dù đem bao nhiêu cái giả dối cũng không sánh được. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy đức Phật nhắc đi nhắc lại giá trị kinh Kim Cang, chỉ trì bốn câu kệ là phước đức hơn bao nhiêu của

báu thế gian. Chúng ta giống như mấy đứa trẻ độ mười hai, mười ba tuổi hay làm nũng, cứ chạy đuổi theo những hạt nước lóng lánh trên lá cây hay từ mái nhà rơi xuống hay những bong bóng nước mưa; cứ mải đuổi bắt những cái đó mà quên mệt. Nếu trở lại với đức Phật, chừng đó mới được cái chân thật.

Thế nên giá trị của người học đạo không thể tính được, không có gì so sánh được. Còn những điều thế gian ca ngợi chỉ là trong đối đãi, trong tạm bợ thôi, khi chưa được mình thấy nó quý, nắm được rồi thì nó lại qua kẽ tay rơi mất, không có gì tồn tại lâu dài, vậy mà người đời cứ mải mê chìm trong đó. Chúng ta thấy lời Phật dạy rất đúng, công đức trì kinh hơn tất cả của báu thế gian.

ĐOẠN 12

Âm:

TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO

Phục thứ Tu-bồ-đề! Tùy thuyết thị kinh nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ, nhất thiết thế gian thiên nhân a-tu-la giai ưng cúng dường như Phật tháp miếu, hà huống hữu nhân tận năng thọ trì, độc tụng. Tu-bồ-đề! Đương tri thị nhân thành tựu tối thượng đệ nhất hy hữu chi pháp. Nhược thị kinh điển sở tại chi xứ tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử.

Dịch:

TÔN TRỌNG KINH ĐIỂN CHÂN CHÁNH

Lại nữa này Tu-bồ-đề, tùy nơi nói kinh này cho đến bốn câu kệ v.v... nên

biết chỗ này, tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật, huống nữa có người trọn hay thọ trì đọc tụng. Này Tu-bồ-đề, nên biết người ấy thành tựu pháp tối thượng đệ nhất hy hữu. Nếu kinh này ở chỗ nào ắt là có Phật hoặc là những đệ tử lớn của Phật.

Giảng:

Đây nói về việc tôn trọng kinh. Như chúng ta đã biết trong phần trước, vì kinh này chỉ thẳng thể chân thật bất sanh bất diệt cho nên nó có giá trị vô lượng vô biên không gì sánh được. Thế nên người biết được giá trị của kinh này thì ở chỗ nào có nói kinh này, dù là cõi người hay cõi trời cũng phải quý kính như là tháp miếu của Phật. Vì sao? Vì biết kinh đó chỉ cho chúng

ta thấy được lẽ thật. Lẽ thật đó là cái cứu cánh ít có trên thế gian này, nên kinh nói ra những lẽ thật đó chúng ta phải quý kính. Như vậy chỗ nói kinh, lời dạy của kinh mình đã quý huống nữa là người thọ trì đọc tụng kinh. Thế nên đối với người thọ trì, đọc tụng kinh mình cũng phải quý kính, biết người ấy là người được pháp tối thượng đệ nhất ít có. Do đó nói kinh này ở chỗ nào tức chỗ đó có Phật hoặc là có đệ tử lớn của Phật.

Tuy nhiên chúng ta đừng hiểu lầm, cứ đóng cái khám đẹp, sơn son phết vàng rồi đem quyển kinh để trong đó thờ và nói chỗ đó có Phật. Như vậy Phật hiện được không? Kinh chẳng qua là giấy, là mực, là chữ mà thôi, chứ không có giá trị siêu thoát gì cả, siêu thoát chăng là nhân chúng ta đọc, hiểu, ứng dụng tu; nếu cứ để thờ, lạy hoài thì cũng trở thành mê tín thôi. Chúng ta

nhân nơi kinh mà hiểu đạo, hiểu đạo thì biết kinh này là quý. Vì vậy chúng ta hiểu ý nghĩa lời Phật dạy, giá trị của lời dạy cao siêu tuyệt đỉnh nên chúng ta rất quý trọng kinh này. Kinh đã quý thì người thọ trì đọc tụng lại càng quý hơn nữa. Thế nên kết luận là chúng ta phải trọng kinh và trọng người trì kinh.

ĐOẠN 13

Âm:

NHƯ PHÁP THỌ TRÌ

Nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đẳng vân hà phụng trì?

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Thị kinh danh vi Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, dĩ thị danh tự nhữ đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-

đề! Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật tức phi Bát-nhã ba-la-mật, thị danh Bát-nhã ba-la-mật. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ?

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu vi trần, thị vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thậm đa, Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần thị danh vi trần. Như Lai thuyết thế giới phi thế giới thị danh thế giới. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng.

- Tu-bồ-đề, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ Hằng hà sa đẳng thân mạng bố thí, nhược phục hữu nhân ư thử kinh trung nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thậm đa.

Dịch:

ĐÚNG PHÁP THỌ TRÌ

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, thế nào là tên của kinh này, chúng con làm sao phụng trì?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Kinh này tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, do danh tự ấy ông nên phụng trì. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề, Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức không phải Bát-nhã ba-la-mật, ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nói pháp chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, Như Lai không có nói pháp.

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu vi trần, ấy là nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

- Này Tu-bồ-đề, các vi trần Như Lai nói không phải vi trần, ấy gọi là

vi trần. Như Lai nói thế giới không phải thế giới ấy gọi là thế giới. Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Không thể do ba mươi hai tướng được thấy Như Lai. Vì cớ sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức không phải ba mươi hai tướng ấy gọi là ba mươi hai tướng.

- Này Tu-bồ-đề, nếu có người thiện nam, người thiện nữ đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí, hoặc lại có người ở trong kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v.v... vì người khác nói thì phước này rất là nhiều.

Giảng:

Kinh này tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Kim Cang hay kim cương là chất quý và cứng nhất hay phá hoại mọi kim loại khác mà các thứ khác không phá hoại được nó. Trí tuệ Bát-nhã là trí tuệ bất sanh bất diệt hay thấu suốt được tất cả các pháp sanh diệt của thế gian, nên thí dụ trí tuệ đó như là kim cương, do đó nói là Kim Cang Bát-nhã. Trí tuệ đó là trí tuệ cứu cánh viên mãn nên nói là ba-la-mật. Như vậy tên kinh này là trí tuệ thấu suốt tất cả pháp và trí tuệ đó được tròn đầy, được viên mãn. Vậy người phụng trì phải phụng trì như thế, tức là phải sống được với cái trí tuệ đó mới gọi là thọ trì kinh này. *Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề, Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức không phải Bát-nhã ba-la-mật ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật.* Khi nói đến Bát-nhã ba-la-mật

tức là trí tuệ cứu cánh thì không phải là trí tuệ cứu cánh, bởi vì còn có ngôn thuyết là còn có giả danh giả tướng không phải là thật thể, vì thế nên không phải là Bát-nhã ba-la-mật, nhưng tùy theo thế gian mà lập danh nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nói pháp chăng? Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Như Lai không có nói pháp. Chỗ này khó hiểu quá! Phật đang giảng kinh mà hỏi Như Lai có thuyết pháp không, ngài Tu-bồ-đề trả lời rằng Như Lai không có thuyết pháp. Tại sao? Vì còn thấy có sở đắc là còn có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Ở đây nếu còn thấy mình nói kinh thì còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, thế nên nói Phật không nói pháp.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu vi

trần, ấy là nhiều chăng? Nói tam thiên đại thiên thế giới e khó hiểu, chỉ hỏi quả địa cầu có bao nhiêu hạt bụi, thử trả lời xem? *Ngài Tu-bồ-đề thưa rằng: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! - Này Tu-bồ-đề, các vi trần Như Lai nói không phải vi trần, ấy gọi là vi trần.* Sao lạ vậy? Vi trần là những hạt bụi rất nhỏ. Trong đoạn trước đức Phật hỏi: Thân như núi Tu-di chúa có lớn chăng? Ngài Tu-bồ-đề thưa rất lớn, nhưng ngài nói thêm: Không phải thân, ấy gọi là thân lớn. Ở đây hạt bụi đức Phật cũng bảo không phải hạt bụi, ấy gọi là hạt bụi. Tại sao? Thường chúng ta cứ nghĩ rằng cái lớn là do duyên hợp còn cái nhỏ như hạt bụi đâu phải do duyên hợp. Chúng ta cứ tưởng những khối đất có là do những hạt bụi hợp lại, hạt bụi là đơn vị cuối cùng của một khối đất, nhưng không ngờ chính hạt bụi cũng chưa phải là cuối cùng. Hiện nay khoa học chứng minh cho chúng ta thấy

đơn vị nhỏ như hạt bụi vẫn là một hợp thể do các đơn vị khác họp lại. Ngay đến nguyên tử cũng chưa phải là đơn vị cuối cùng. Phật dạy: Phàm những gì có tướng dù nhỏ như hạt bụi cũng đều là tướng duyên hợp. Thế nên ở đây ngài nói: Vi trần không phải là vi trần ấy mới gọi là vi trần. Vi trần cũng là tướng duyên hợp cho nên chỉ giả danh mà gọi là vi trần, nhưng sự thật nó không phải là một nguyên thể, một đơn vị cuối cùng.

Như Lai nói thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới. Nói thế giới thì dễ hiểu rồi vì nó to quá, thế giới là tướng duyên hợp. Qua hai đoạn này chúng ta thấy rõ, lớn như thế giới cũng là tướng duyên hợp không có tự thể, thật nhỏ như vi trần cũng là tướng duyên hợp không tự thể, nên không phải thế giới, vi trần, ấy tạm gọi là thế giới, là vi trần.

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng? - Bạch Thế Tôn, không vậy, không thể do ba mươi hai tướng được thấy Như Lai. Vì có sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức không phải ba mươi hai tướng, ấy gọi là ba mươi hai tướng. Ban đầu đức Phật nói vi trần, là những đơn vị hợp thành thế giới, rồi ngài nói đến thế giới; vi trần là tướng duyên hợp không thật thì thế giới cũng là tướng duyên hợp không thật. Đến thân Phật có thật hay không? Nhiều khi phân tích bên ngoài thì thấy không thật nhưng đến khi trở về mình liền thấy là thật, đó là bệnh của phàm phu chúng ta. Thí dụ cái đồng hồ không thật vì mở từng bộ phận ra thì không có cái đồng hồ, chúng ta biết nó không thật, nhưng chúng ta đâu có tự mở thân mình được phải không? Vì vậy cứ thấy mình là thật! Đức Phật phân tích thế giới vi trần

bên ngoài rồi trở về ngay nơi thân ngài để chỉ dạy chúng ta. Ngài hỏi có thể do ba mươi hai tướng thấy Như Lai không? Thường chúng ta thấy trong sử diễn tả đức Phật có tám mươi vẻ đẹp và ba mươi hai tướng tốt. Nhưng khi đặt câu hỏi, phải do ba mươi hai tướng tốt mà thấy Như Lai chăng, ngài Tu-bồ-đề trả lời là không thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai. Tại sao? Vì ba mươi hai tướng không phải ba mươi hai tướng ấy gọi là ba mươi hai tướng. Như vậy để chúng ta đừng lầm cho thân này là thật. Phật là tánh giác không sanh không diệt, là trí tuệ kim cang không sanh không diệt, còn ba mươi hai tướng là tướng sanh diệt. Nếu cho ba mươi hai tướng là Phật thì Phật là sanh diệt rồi, thế nên không thể do ba mươi hai tướng thấy Như Lai. Ba mươi hai tướng là tướng duyên hợp nên nó không có tự thể, nó không thật nhưng tùy theo giả danh của

thế gian, gọi là ba mươi hai tướng. Ba mươi hai tướng của Phật còn không có thật thể thì cái thân không có được một tướng tốt nào, không có được một điểm đáng kể của chúng ta có thật được không? Vậy mà chúng ta thấy nó là thật! Thân Phật có tám mươi vẻ đẹp, ba mươi hai tướng tốt mà ngài còn bảo là giả, huống nữa là cái thân xấu xí của chúng ta mà là thật được sao? Vậy mà ai cũng chấp nó là thật, cứ bám vào nó rồi vì nó tạo không biết bao nhiêu thứ nghiệp.

Này Tu-bồ-đề, nếu có người thiện nam, thiện nữ đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí, hoặc lại có người ở trong kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v.v... vì người khác nói thì phước này rất là nhiều. Phước này hơn phước của người kia, tức là hơn phước của người bố thí thân rất nhiều. Ở đây Phật dạy có hệ

thống rõ ràng. Trước hết ngài phân tích thân ba mươi hai tướng của Phật là giả, thân Phật là giả thì thân của chúng ta đâu có thật. Vì không thật nên đem thân này nhiều như cát sông Hằng ra bố thí cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Kim cang là trí tuệ chân thật, còn thân này là tướng duyên hợp hư giả, dù đem bao nhiêu thân mạng hư giả cũng không sánh được với trí tuệ chân thật. Chúng ta cho thân mạng là của báu tối thượng, nhưng đem bao nhiêu thân mạng hư giả đó ra bố thí cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Đoạn này chỉ phước của người trì kinh nhiều hơn.

ĐOẠN 14

Âm:

LY TƯỚNG TỊCH DIỆT

Nhĩ thời Tu-bồ-đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khấp, nhi bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển, ngã tùng tích lai sở đắc tuệ nhãn, vị tằng đắc văn như thị chi kinh.

Thế Tôn! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh tắc sanh thật tướng, đương tri thị nhân thành tựu đệ nhất hy hữu công đức. Thế Tôn! Thị thật tướng giả tức thị phi tướng, thị cố Như Lai thuyết danh thật tướng.

Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì, bất túc vi nan. Nhược đương lai thế, hậu ngũ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhân tắc vi đệ nhất hy hữu. Hà dĩ cố? Thử nhân vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà? Ngã tướng tức thị phi tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhất thiết chư tướng tức danh chư Phật.

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Như thị, như thị! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh bất kinh, bất bố, bất úy, đương tri thị nhân, thậm vi hy hữu!

Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết đệ nhất ba-la-mật, tức phi đệ nhất ba-la-mật, thị danh đệ nhất ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai thuyết phi nhẫn nhục ba-la-mật thị danh nhẫn nhục ba-la-mật.

Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Như ngã tích vi Ca-lợi vương cát tiệt thân thể, ngã ư nhĩ thời vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích tiết tiết chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ưng sanh sân hận.

Tu-bồ-đề! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bách thế tác nhẫn nhục tiên nhân, ư nhĩ sở thế vô ngã tướng, vô

nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

Thị cố, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ưng ly nhất thiết tướng phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng sanh vô sở trụ tâm. Nhược tâm hữu trụ, tắc vi phi trụ. Thị cố Phật thuyết Bồ-tát tâm bất ưng trụ sắc bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vị lợi ích nhất thiết chúng sanh, ưng như thị bố thí. Như Lai thuyết nhất thiết chư tướng tức thị phi tướng hựu thuyết nhất thiết chúng sanh tức phi chúng sanh.

Tu-bồ-đề! Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả. Tu-bồ-

đề! Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thật vô hư.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố thí như nhân nhập ám tắc vô sở kiến. Nhược Bồ-tát tâm bất trụ pháp nhi hành bố thí như nhân hữu mục, nhật quang minh chiếu, kiến chủng chủng sắc.

Tu-bồ-đề! Đương lai chi thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân năng ư thử kinh thọ trì độc tụng tức vi Như Lai dĩ Phật trí tuệ, tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân giai đắc thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Dịch:

LÌA TƯỚNG TỊCH DIỆT

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề nghe Phật nói kinh này, hiểu sâu được nghĩa thú, rơi lệ dầm dề bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn, rất ít có! Phật nói kinh điển sâu xa như thế, con từ trước đến giờ đã được tuệ nhãn mà chưa từng được nghe kinh như thế.

Bạch Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh ắt sanh thật tướng, nên biết người ấy thành tựu được công đức ít có bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Thật tướng ấy tức không phải tướng, thế nên Như Lai nói tên là thật tướng.

Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì

không đủ làm khó. Nếu đời sau, khoảng năm trăm năm về sau, lúc đó có những chúng sanh được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy ắt là ít có bậc nhất. Vì cớ sao? Vì người này không tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì cớ sao? Vì tướng ngã tức không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không phải tướng. Vì sao? Vì lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Đúng thế, đúng thế! Nếu lại có người được nghe kinh này không kinh, không hãi, không sợ, nên biết người ấy rất là ít có.

Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói đệ nhất ba-la-mật tức không phải đệ nhất ba-la-mật ấy gọi là đệ nhất

ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai nói không phải nhẫn nhục ba-la-mật ấy gọi là nhẫn nhục ba-la-mật.

Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề! Như thuở xưa ta bị vua Ca-lợi (Kali) cắt đứt thân thể, ta khi ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì cớ sao? Ta thuở xưa khi thân thể bị cắt ra từng phần nếu còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, lẽ nên sanh sân hận.

Tu-bồ-đề! Lại nhớ thuở quá khứ năm trăm đời, ta làm tiên nhân nhẫn nhục, vào thuở ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

Thế nên, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ. Nếu tâm có trụ ắt là không phải trụ. Thế nên Phật nói tâm Bồ-tát không nên trụ sắc mà bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên như thế mà bố thí. Như Lai nói tất cả các tướng tức là không phải tướng, lại nói tất cả chúng sanh tức không phải chúng sanh.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói lời chân, lời thật, lời như, lời không dối, lời chẳng khác. Này Tu-bồ-đề! Như Lai được pháp, pháp này không thật, không hư.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tâm trụ nơi pháp mà làm việc bố thí thì như người vào trong tối ắt không thể thấy. Nếu Bồ-tát tâm không trụ pháp mà hành bố thí thì như người có mắt lại thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi, thấy các thứ hình sắc.

Này Tu-bồ-đề! Ở đời sau nếu có người thiện nam, thiện nữ hay ở trong kinh này thọ trì đọc tụng ắt là Như Lai dùng trí tuệ Phật ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Giảng:

Ngài Tu-bồ-đề nghe Phật nói, hiểu sâu được nghĩa thú của kinh, rơi lệ dầm dề. Tại sao? Có phải vì ngài tủi thân không? Đây là ngài lãnh hội được tức ngộ đạo. Thường người nào nghe kinh hay đọc

kinh đến chỗ mình hiểu tự nhiên sung sướng liền cười hoặc cảm động liền khóc. Khóc và cười đều nói lên chủng duyên sẵn có với kinh đó, vì mình có duyên với chỗ đã lãnh hội, thành ra khóc và cười là hai trạng thái của sự ngộ đạo. Ở đây ngài Tu-bồ-đề nghe Phật nói đến chỗ này, lãnh hội được nghĩa thú nên khóc. Cũng như ngài Khuê Phong Tông Mật khi đọc kinh Viên Giác rồi cũng khóc. Đó là cái khóc lãnh hội chứ không phải cái khóc buồn tủi chi hết. Hiểu như thế thì khi nào đọc kinh, chúng ta có những trạng thái như vậy là biết mình lãnh hội được phần nào trong chỗ đó.

Sau khi lãnh hội được nghĩa thú sâu xa, ngài Tu-bồ-đề bạch Phật: *Thế Tôn, thật là ít có! Phật nói kinh điển sâu xa như vậy, con từ trước đến giờ đã được tuệ nhãn,* tức là chứng A-la-hán, *mà chưa từng được nghe kinh như thế.* Chúng ta

còn nhục nhãn, còn phàm phu mà được nghe thì thật là quý vô cùng, thật là phước vô lượng vô biên.

Ngài Tu-bồ-đề nói tiếp: *Bạch Thế Tôn! Nếu có người được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh, ắt sanh thật tướng.* Người nghe kinh này mà tin một cách đúng đắn trong sạch, người đó sanh thật tướng. Thật tướng là gì? Thật tướng tức là phi tướng. Có chỗ khác nói thật tướng tức là vô tướng. Tướng không là đối với tướng có, có đối với không, thành ra cái có là giả thì cái không là đối đãi, nên cũng không thật. Danh từ có không là đối đãi không thật, còn thật tướng không thuộc tướng không và tướng có nên nói là vô tướng. Nó không nằm trong tướng có tướng không, nó là tánh giác không có tướng mạo, thế nên nói thật tướng không phải tướng. Người nào tin được kinh này một cách trong sạch thì

người đó sanh thật tướng. Tại sao? Vì tin được kinh này một cách đúng đắn thì chúng ta không còn chấp ngã là thật, không chấp nhân là thật, không chấp cảnh là thật... Tất cả đều không thật. Chúng ta dùng trí tuệ đó nhìn tất cả pháp nên không bị các pháp lôi, không bị các pháp làm mình loạn, do đó tướng chân thật tức tâm thể chân thật hiển lộ nên gọi là sanh thật tướng. Người được như thế thì thành tựu công đức rất ít có trong đời. Tuy nhiên khi nói thật tướng, ngài sợ chúng ta chấp danh từ thật tướng là thật, nên ngài thưa: *Bạch Thế Tôn! Thật tướng đó tức không phải tướng, thế nên Như Lai nói tên là thật tướng.*

Đến đây thương cho người sau, ngài thưa: *Nay con được nghe kinh điển này rồi tin hiểu thọ trì không đủ làm khó.* Tại sao? Vì ngài đã có tuệ nhãn nên nghe cao hơn

một chút nữa cũng nhận hiểu, ngộ và ứng dụng tu. Còn sau khi Phật nhập Niết-bàn *khoảng năm trăm năm, khi đó có những chúng sanh được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy ắt là ít có bậc nhất.* Nếu sau Phật Niết-bàn năm trăm năm, còn trong thời tượng pháp, người nghe kinh này, tin hiểu, thọ trì thì gọi là ít có bậc nhất. Hiện nay chúng ta sau đến hơn hai ngàn năm, vào đời mạt pháp, nghe kinh tin hiểu thì không biết dùng thứ mấy để tính nữa! Điều này cho thấy rằng tất cả chúng ta ở vào thời sau Phật thật xa mà được nghe kinh rồi hiểu, ứng dụng tu thì thật quý vô kể, không còn dùng ngôn từ nào nói cho xứng. Vậy còn ai tủi thân là hiện nay mình mới tu đã trễ rồi không? Chúng ta được nghe, được thọ trì, như vậy là đại phước rồi, quý vô cùng rồi, chỉ có điều nghe mà không chịu hiểu, không thọ

trì, đó mới đáng buồn thôi. Nếu nghe, tin hiểu thọ trì thì không có gì đáng buồn cả.

Ngài Tu-bồ-đề liền đặt câu hỏi tiếp: *Vì cớ sao? Vì người này không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.* Khi nhận được kinh này tức là sống với trí tuệ Bát-nhã; đã sống với trí tuệ Bát-nhã thì đâu còn thấy có mình thật, người thật... Nếu nghe, hiểu mà còn thấy mình thật, người thật, đó là hiểu ngoài da, là chưa thật hiểu. Bởi vì kinh này nói ngã tướng không thật, nhân tướng không thật..., tất cả tướng đều không thật, nếu thấy có mình thật thì đâu hiểu kinh. Thế nên người tin hiểu thọ trì kinh này thì bốn tướng không còn, bốn tướng không còn tức là bậc thánh rồi. Người đó công đức rất là hy hữu. Vì cớ sao? *Vì tướng ngã tức không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng*

sanh, tướng thọ giả tức không phải tướng, những tướng đó đều hư giả không thật.

Vì có sao? *Vì lìa tất cả tướng, ấy gọi là chư Phật.* Câu này xác định một điều hết sức quan trọng. Ngài giải thích: tướng ngã không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tất cả tướng này đều không phải tướng, mà không phải tướng thì chúng ta đừng dính mắc, đừng chấp, do đó chúng ta lìa được tất cả tướng, ấy gọi là chư Phật. Lìa tất cả tướng, đó là Phật. Dễ hay khó? Chịu khó lìa các tướng thì được. Nếu còn thấy có mình thật thì chưa lìa. Vì chưa lìa nên không phải là Phật. Tất cả tướng, tướng mình, tướng người v.v... đều là hư giả, đã là giả thì có cái nào nên chấp đâu. Không chấp là sanh tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là Phật. Trái lại, nếu còn chấp, đó là chúng sanh, thế nên nói *lìa tất cả tướng*

tức gọi là chư Phật. Vì tất cả tướng là giả dối, chấp cái giả đó là mê, biết giả dối không chấp, đó là giác, giác tức là Phật. Thật là đơn giản, nhưng vì tập quán lâu đời nên thành khó.

Thân là một túi đồ dơ bên trong chứa máu v.v... bên ngoài là da thịt, da thì kỳ cọ ra đất bợn, máu chảy ra thì có mùi tanh, trong thân chỗ nào hư đem cắt bỏ ra thì hôi thối... Vậy mà cứ nói nó thật là mình, không phải mê muội là gì? Vì cứ mê lầm chấp thật nên làm chúng sanh kiếp kiếp. Bây giờ biết nó là giả, biết mình giả, thì biết người cũng giả, do đó các tướng chúng sanh, thọ giả... cũng đều giả, tất cả sự vật có tướng cũng là giả thì không còn bám vào các tướng. Không bám tức là ly, ly tức là giác. Thật là đơn giản! Chấp thì mê, lìa thì giác, thế nên nói lìa các tướng đó là Phật. Thật là gần! Đang nắm là chúng

sanh, buông ra là Phật. Tại sao không biết buông bỏ? Không biết ma lực nào cứ bắt chúng ta nắm mà không chịu buông. Biết buông bỏ là Phật, đâu có gì khó, vậy mà cứ nắm giữ để làm chúng sanh rồi chịu luân hồi sanh tử. Thật là mê muội làm sao!

Ngài Tu-bồ-đề nói xong, đức Phật khen ngợi: *Đúng thế, đúng thế*, đúng như lời ông nói, lìa tất cả tướng là chư Phật. *Nếu lại có người được nghe kinh này không kinh, không hãi, không sợ, nên biết người ấy rất là ít có.* Trong đoạn trước ngài Tu-bồ-đề nói: Nghe kinh này, thọ trì đọc tụng là ít có. Đến đây Phật hạ thấp xuống một tầng nữa: Nghe kinh này không kinh, không hãi, không sợ cũng rất là ít có. Vì như trong đoạn trước có thí dụ đem của báu đầy dẫy thế giới bố thí cũng không bằng trì kinh này, đem thân mạng bằng số cát sông Hằng bố thí cũng không bằng

trì kinh này, nghe vậy ai mà không kinh không sợ? Chúng ta nghe, hiểu, không kinh, không sợ cũng là việc ít có.

Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề, Như Lai nói đệ nhất ba-la-mật tức không phải đệ nhất ba-la-mật ấy gọi là đệ nhất ba-la-mật. Ba-la-mật nghĩa là đến bờ kia hay nghĩa là cứu cánh. Cái cứu cánh bậc nhất không phải là cứu cánh bậc nhất, bởi vì lập ra cái cứu cánh đó cũng là ngôn thuyết. Cứu cánh tức là tuyệt đối, nhưng lập cái tuyệt đối cũng là đối với cái tương đối mà lập, nên cũng là hư giả không thật, chỉ tùy theo thế gian mà lập thôi, ấy gọi là cứu cánh bậc nhất.

Tu-bồ-đề! Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai nói không phải nhẫn nhục ba-la-mật ấy gọi là nhẫn nhục ba-la-mật. Trong lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đức Phật nói đến nhẫn

nhục ba-la-mật tức là nhẫn nhục cứu cánh. Nhẫn nhục cứu cánh không phải nhẫn nhục cứu cánh, vì trong sự nhẫn nhục còn sức chịu đựng của thân và tâm, mà thân tâm là tướng giả cho nên sức chịu đựng đó cũng là cái tướng của duyên hợp chứ không thật; dù sự chịu đựng đó đến tột đỉnh cũng vẫn là tướng duyên hợp hư giả, chỉ theo thế gian tạm gọi là nhẫn nhục cứu cánh.

Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, như ta thuở xưa bị vua Ca-lợi cắt đứt thân thể, ta khi ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì có sao? Thuở trước khi thân bị cắt đứt từng phần nếu ta còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì nên sanh sân hận. Đức Phật dẫn rằng: "Thuở xưa, trong một kiếp đức Phật tu hạnh nhẫn nhục, khi vua Ca-lợi đến hỏi: Ngài thật tu

hạnh nhẫn nhục không? Ngài đáp: Tôi thật tu hạnh nhẫn nhục. Nhà vua liền lấy gươm cắt từng mảnh thịt của ngài rồi hỏi: Ngài có giận tôi không? Ngài nói: Ta không giận." Phật bảo nếu ngài còn thấy tướng ngã, tướng nhân thì khi thân bị cắt đứt từng phần, làm sao không giận được! Như chúng ta hiện nay, đừng nói là cắt thịt, giả sử có ai nhổ sợi tóc sợi râu, chúng ta có giận không? Hẳn là giận. Tại sao? Vì tướng ngã lớn quá nên động tới là giận, còn ngài vì không còn tướng ngã nên cắt thịt cũng không giận. Thế nên người hay sân là ngã to lắm, động tới thân mình cũng sân, động tới tên, tới danh dự mình cũng nổi sân.

Lại nữa, Tu-bồ-đề, ta nhớ thuở quá khứ năm trăm đời làm vị tiên nhân nhẫn nhục, khi ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

Thế nên, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ. Nếu tâm có trụ ắt là không phải trụ. Thế nên Phật nói tâm Bồ-tát không nên trụ sắc mà bố thí.

Đến đây đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ nếu còn trụ nơi ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thì còn sân hận, sự nhẫn nhục không đến chỗ cứu cánh. Ngài nói rằng: Chẳng những trong một đời mà cả năm trăm đời ngài đều nhẫn nhục đến chỗ cứu cánh là do không có bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì thế ngài khuyên tất cả các vị Bồ-tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm cầu thành Phật. Chúng ta bây giờ khi tu phát tâm cầu thành Phật thì phải lìa tất cả tướng.

Muốn lìa tất cả tướng phải làm sao? Không nên trụ tức không nên kẹt nơi sắc sanh tâm Bồ-đề, không kẹt nơi thanh hương vị xúc pháp sanh tâm Bồ-đề, nên sanh tâm không chỗ trụ, vì còn có chỗ trụ tức là còn kẹt. Thí dụ như trên bàn có bao kiếng, có ly, đồng hồ v.v... năm bảy vật, nếu tay tôi nắm vật này thì tôi mắc kẹt vật này. Nắm là một hình tướng bám chặt, không nắm một vật nào mới gọi là an, mới gọi là tâm Bồ-đề. Trái lại, nếu còn bám vào một vật thì tâm còn động, tức là sanh diệt, không phải Bồ-đề.

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tâm Bồ-đề viên mãn, mà tâm Bồ-đề viên mãn là không dính bất cứ một vật nào. Thế nên đối với các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả hay đối với tất cả pháp sắc thanh hương vị xúc pháp, chúng ta không dính một cái nào, đó là tâm Bồ-

đề. Muốn cầu Bồ-đề thì phải phát tâm đó, còn nếu tâm duyên theo bất cứ một cái nào cũng không phải là Bồ-đề. Vì thế đức Phật khuyên các vị Bồ-tát, tâm không nên trụ sắc bố thí v.v... tức là không nên bám vào sắc mà phải buông xả.

Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên như thế mà bố thí. Vì làm lợi ích cho tất cả chúng sanh nên không bám vào một hình tướng nào, hoặc đừng bám vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, hoặc đừng bám vào sắc thanh hương vị xúc pháp, đó mới là người chân thật lợi ích cho chúng sanh.

Như Lai nói tất cả tướng tức không phải tướng. Phật xác định rằng tất cả tướng đều là duyên hợp hư giả, nên đều không phải tướng. *Lại nói tất cả chúng sanh tức không phải chúng sanh,* vì chúng sanh cũng là hư giả. Các tướng chỉ cho sắc thanh hương vị xúc pháp, chúng sanh chỉ

cho ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Như vậy cả hai đều hư giả. Hiện nay chúng ta đang kẹt ở chỗ nào? Trong thì ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, ngoài thì sắc thanh hương vị xúc pháp, chỉ hai cái đó thôi, mà Phật xác nhận cả hai đều là giả. Cả hai đều giả mà chúng ta cứ dính mắc hoài nên làm chúng sanh đời đời. Thử hỏi chừng nào thành Phật? Chừng nào lìa hết các tướng thì thành Phật. Câu "chừng nào thành Phật" mỗi người phải tự trả lời.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói lời chân, lời thật, lời như, lời chẳng dối, lời chẳng khác. Phật xác định rằng lời ngài nói là chân thật, là như như, là không dối, không khác để chúng ta đủ niềm tin. Chúng ta chịu tin chưa?

Lòng từ bi của Phật thật là vô cùng, nói đúng lẽ thật rồi mà còn sợ chúng ta

không chịu tin nên phải xác nhận lời ngài là chân thật v.v...

Ngài bảo tiếp: *Này Tu-bồ-đề! Như Lai được pháp, pháp này không thật, không hư.* Vì pháp Phật được không kẹt ở hai bên. Nói hư, nói thật là nói hai bên, mà pháp Phật được là thoát tất cả đối đãi cho nên nói không thật, không hư.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tâm trụ nơi pháp mà làm việc bố thí thì như người vào trong tối ắt không thể thấy, nếu Bồ-tát tâm không trụ pháp mà hành bố thí thì như người có mắt lại thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi thấy được các thứ hình sắc. Trong đoạn này đức Phật nói về hiệu dụng của người làm lợi ích chúng sanh. Nếu chúng ta làm lợi ích chúng sanh mà còn kẹt trong cái chấp tướng ngã và pháp thì tuy làm việc phước mà như người có mắt vào nhà tối, tuy có mắt nhưng nào có thấy

gì! Còn người làm lợi ích chúng sanh mà không chấp tướng thì như người có mắt sáng lại được ánh sáng mặt trời chiếu soi, người đó thấy tất cả không có nghi ngờ, làm đến đâu thì sáng đến đấy.

Này Tu-bồ-đề! Ở đời sau nếu có người thiện nam, thiện nữ hay ở trong kinh này thọ trì đọc tụng, ắt là Như Lai dùng trí tuệ Phật ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức. Đức Phật xác nhận một lần nữa: về sau nếu người nào hoặc là nam, hoặc là nữ, đối với kinh Kim Cang mà thọ trì, đọc tụng thì Phật dùng trí tuệ Phật thấy rõ người này và biết rõ người này sẽ thành tựu công đức vô lượng vô biên không một chút nghi ngờ. Nếu chúng ta muốn được công đức vô lượng vô biên thì y theo lời Phật dạy mà ứng dụng tu, mà thọ trì, nhất định công đức không thể kể hết. Công đức

của những việc làm bằng hình thức ở bên ngoài với công đức thọ trì kinh Kim Cang, công đức nào tối thượng? Nên ráng chọn cái tối thượng mà làm cho xứng công của mình.

ĐOẠN 15

Âm:

TRÌ KINH CÔNG ĐỨC

Tu-bồ-đề! Nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, sơ nhật phần, dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, trung nhật phần phục dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, hậu nhật phần diệc dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí. Như thị vô lượng bách thiên vạn ức kiếp dĩ thân bố thí. Nhược phục hữu nhân văn thử kinh điển, tín tâm bất nghịch,

kỳ phước thắng bỉ, hà huống thư tả, thọ trì độc tụng vị nhân giải thuyết.

Tu-bồ-đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xứng lượng, vô biên công đức, Như Lai vị phát Đại thừa giả thuyết, vị phát Tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhân năng thọ trì độc tụng, quảng vị nhân thuyết, Như Lai tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xứng, vô hữu biên, bất khả tư nghị công đức. Như thị nhân đẳng tắc vi hà đảm Như Lai A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức ư thử kinh bất năng

thính thọ độc tụng, vị nhân giải thuyết.

Tu-bồ-đề! Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử kinh, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la sở ưng cúng dường. Đương tri thử xứ tắc vi thị tháp, giai ưng cung kính tác lễ vi nhiễu, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ.

Dịch:

CÔNG ĐỨC TRÌ KINH

Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam thiện nữ, buổi sáng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi trưa lại đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi chiều cũng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, như thế vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp đem thân mạng

bố thí. Nếu lại có người nghe kinh điển này, lòng tin không nghịch, phước của người này hơn phước của người kia, huống là chép viết, thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói.

Này Tu-bồ-đề! Tóm tắt mà nói, kinh này có công đức vô biên không thể nghĩ, không thể lường. Như Lai vì những người phát tâm Đại thừa mà nói, vì những người phát tâm Tối thượng thừa mà nói. Nếu có người hay thọ trì đọc tụng, rộng vì người nói, Như Lai ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu công đức không thể lường, không thể tính, không có bờ mé, không thể nghĩ bàn. Những người như thế tức là gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Phật. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-

đề! Nếu người thích pháp nhỏ tức chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sanh, chấp thọ giả tức là đối với kinh này không thể lắng nghe, thọ trì, đọc tụng vì người giải nói.

Này Tu-bồ-đề! Ở nơi nào nếu có kinh này thì tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường, nên biết chỗ này tức là tháp, đều nên cung kính làm lễ vây quanh, dùng các thứ hương hoa mà rải cúng nơi ấy.

Giảng:

Trong đoạn này đức Phật nói về công đức trì kinh Kim Cang. Đoạn trước đức Phật đã từng nói, giả sử như đem bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát sông Hằng ra bố thí, cũng không bằng công đức trì kinh này. Ở đây ngài lại nói nếu có người buổi sáng đem thân của

mình nhiều bằng số cát sông Hằng để bố thí, buổi trưa đem thân nhiều bằng số cát sông Hằng bố thí, buổi chiều cũng như vậy thì một ngày bố thí chừng bao nhiêu thân? Chỉ buổi sáng cũng tính không hết! Lại không phải chỉ một ngày mà trải vô lượng trăm ngàn muôn kiếp thì bố thí chừng bao nhiêu thân? Đem thân bố thí nhiều như vậy mà nếu có người nghe kinh Kim Cang, lòng tin không nghịch thì phước của người này còn hơn phước của người đó.

Giả sử có người đem thân bố thí, ai cần mũi thì cho mũi, ai cần tai thì cho tai, cần phần nào trong thân thể đều cho hết không tiếc; với người nghe kinh này tin nhận thọ trì, thì phước của người thọ trì kinh hơn phước của người bố thí, điều đó chúng ta còn chưa tin thay! Cho cái mũi đâu phải dễ, cho cái tai đâu phải dễ, vậy tại sao cái khó làm có phước ít hơn cái dễ

làm? Phần nhiều nếu so sánh thì cái khó làm phải có công đức nhiều hơn cái dễ làm. Tại sao ở đây Phật bảo cái dễ công đức nhiều, cái khó công đức ít? Chỉ bố thí một thân thôi mà còn không làm nổi, huống nữa là vô lượng thân trong vô lượng kiếp, thế mà phước lại thua người trì kinh, thật là khó hiểu! Cho nên nói: Phật nếu nói đủ, người ta sẽ hoang mang, hồ nghi, không tin. Thật ra nếu chúng ta, ai ai cũng đều thấy thân này là thật thì chắc chắn không bao giờ tin nổi kinh này. Trái lại nếu chúng ta biết rõ thân này như hạt sương buổi sáng, như đám mây chiều, không có gì lâu bền, thì người đem những vật tạm bợ bố thí sánh với người biết trở về pháp thân bất sanh bất diệt, người nào hơn? Pháp thân bất sanh bất diệt mới là hơn chứ! Xả hàng muôn, hàng triệu, hàng ức cái thân bèo bọt này để được cái bất sanh bất diệt mới là quý!

Tuy nghe Phật nói thân là bèo bọt, nhưng trên thực tế chúng ta còn thấy thân là thật, cho nên bảo xả nó thật là khó. Bởi thấy nó thật nên khi nghe Phật bảo xả bao nhiêu thân cũng không sánh được người trì kinh này, chúng ta không thể tin nổi. Chỉ có hàng Bồ-tát thấy thân như huyễn như hóa, khi nghe Phật nói, các ngài cười và tin ngay. Thế nên đức Phật bảo rằng: *Lòng tin không nghịch thì phước còn nhiều hơn người kia, huống nữa là cố gắng biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói* thì phước vô kể. Như vậy trong hai việc; bố thí thân và trì kinh, tại sao chúng ta chọn trì kinh? Vì chúng ta biết thân này là giả nên trì kinh để trở về cái chân thật, hay vì sợ đau không dám bố thí thân? Chúng ta trì kinh với niệm xem thân là quý, chứ không phải vì biết thân là giả và việc trì kinh chính đáng hơn. Tuy còn cho thân là quý nhưng biết hướng về trì kinh

để ứng dụng tu thì từ từ rồi cũng thấm, thân lần lần cũng hết quý, như vậy cũng có công đức lớn.

Ở đây chúng ta thuộc về hạng Tối thượng thừa hay hạng Đại thừa? Hạng Nhân thừa. Vì còn thấy thân là quý, muốn bỏ thân này được thân khác tốt hơn, đó là thuộc Nhân thừa chứ không phải Đại thừa, huống nữa là Tối thượng thừa! Trong kinh này, Phật vì người Đại thừa, vì người cầu Tối thượng thừa mà nói, nên nhiều khi chúng ta thấy khó hiểu. Nếu thật chúng ta thuộc hai hạng trên thì nghe kinh này, trì tụng và ứng dụng tu hành không có gì khó, vì chuyện đó dễ tin quá.

Tất cả chúng ta không biết mê lầm từ thuở nào mà hiện giờ ai cũng đều thấy thân mình là thật. Nhưng ngày nay không bảo đảm được ngày mai, lấy gì gọi là thật?

Nếu thật thì có bảo đảm. Trái lại, không bảo đảm được một ngày, huống nữa đến một năm! Pháp thân chưa từng sanh chưa từng diệt là bảo đảm, sống được với cái đó rồi thì muôn kiếp ngàn đời không hoại. Như vậy đem cái không bảo đảm đổi cái bảo đảm mà tiếc không muốn đổi!

Bố thí gồm có tài thí và pháp thí. Trong tài thí có chia hai phần: ngoại tài và nội tài. Ngoại tài là của cải, nội tài là thân mạng. Đoạn trước đức Phật nói về bố thí ngoại tài, đoạn này Phật nói đến bố thí nội tài. Đem thân này bố thí thì ngã không còn, ngã không còn thì niềm tin đối với pháp này không lui sụt. Thế nên đức Phật bảo rằng: *Nếu người nào hay thọ trì, đọc tụng kinh này, rộng vì người nói thì Như Lai ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu công đức không thể nghĩ, không thể lường, không thể suy tính được.*

Người ấy ắt là hay gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai. Người nào hiểu đúng kinh này, ứng dụng để sống, lại vì người giảng nói thì Phật biết chắc người đó là người gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người đó xứng đáng kế thừa Phật.

Vì có sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu người ưa pháp nhỏ là chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sanh, chấp thọ giả. Ưa pháp nhỏ là pháp gì? Thí dụ chúng ta đem bố thí chừng năm mười đồng bạc thì nghĩ với số tiền bố thí này đời sau mình sẽ được giàu có. Như vậy chúng ta chỉ thích được giàu sang, sung sướng ở đời sau, sự giàu sang đó nhiều lắm chỉ là năm sáu chục năm thôi, đó là tướng sanh diệt, mà mình thích cái sanh diệt thì không phải ưa pháp nhỏ là gì? Người ưa pháp nhỏ là còn nghĩ đời sau mình hưởng đó là ngã kiến, người

giúp cho mình được hưởng đó là nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến đầy đủ. Vì thế đối với kinh này, người đó khó mà nghe, thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói.

Người chấp ngã đối với kinh Kim Cang thì khó nghe, khó nhận, khó thọ trì đọc tụng tại vì không tin. Kinh Kim Cang chỉ thẳng ngã là tướng hư dối, các pháp hiện tại là tướng hư dối, chỉ sống trở về với trí tuệ Bát-nhã, sống trở lại với pháp thân, cái đó mới chân thật. Vậy người biết rõ thân và cảnh giả dối, đó là hiểu kinh Kim Cang *(phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng),* và biết ngay nơi mình có trí tuệ Bát-nhã bất sanh bất diệt, đó là trì kinh Kim Cang. Biết rõ cảnh không thật, thân không thật mới nhận ra mình có cái chân thật, trong người giả có lồng cái chân thật, nhận được như thế mới tin kinh Kim Cang. Thấy mình thật cảnh thật, mà Phật nói

giả thì làm sao mình chịu, còn cái Phật nói là thật thì mình lại không thấy, thế nên nói *kinh này rất khó tin.* Nhưng nếu tin được thì người đó không còn bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả; còn người chưa tin là còn nguyên bốn tướng, người ấy không làm sao tu pháp cao siêu giải thoát được, họ chỉ thích những pháp nhỏ, nghĩa là đời này tu đời sau hưởng, hoặc bây giờ làm mai mốt hưởng.

Kết luận Phật nói rằng kinh này ở nơi nào thì tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường như là cúng dường tháp, đi nhiễu chung quanh, đem hương hoa dâng cúng. Đây là đức Phật chỉ pháp này cao siêu tối thượng vượt hơn tất cả pháp thế gian, ai hiểu được pháp đó đều nên cung kính cúng dường.

ĐOẠN 16

Âm:

NĂNG TỊNH NGHIỆP CHƯỚNG

Phục thứ Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, độc tụng thử kinh, nhược vi nhân khinh tiện, thị nhân tiên thế tội nghiệp, ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhân khinh tiện cố, tiên thế tội nghiệp tắc vi tiêu diệt, đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tu-bồ-đề! Ngã niệm quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ư Nhiên Đăng Phật tiền đắc trị bát bách tứ thiên vạn ức na-do-tha chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự vô không quá giả. Nhược phục hữu nhân ư hậu mạt thế năng thọ trì độc tụng thử kinh, sở đắc

công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật công đức, bách phần bất cập nhất, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, ư hậu mạt thế, hữu thọ trì độc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn tâm tắc cuồng loạn hồ nghi bất tín. Tu-bồ-đề! Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệc bất khả tư nghị.

Dịch:

HAY LÀM SẠCH CÁC NGHIỆP CHƯỚNG

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam, thiện nữ thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khinh

chê, người này do tội nghiệp đời trước lẽ ra phải đọa trong đường ác, do đời này bị người khinh chê nên tội nghiệp đời trước ắt là tiêu diệt, sẽ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ở trước đức Phật Nhiên Đăng, ta được gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha các đức Phật, ta đều cúng dường thờ phụng không sót một vị nào. Nếu lại có người ở đời mạt pháp sau này hay thọ trì đọc tụng kinh này, được công đức, đối với công đức cúng dường chư Phật của ta, trăm phần chẳng bằng một, ngàn muôn ức phần cho đến toán số thí dụ đều không thể bằng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu người thiện nam thiện nữ ở đời mạt pháp sau này, có người thọ trì đọc tụng kinh này, được công đức, nếu ta nói cho đủ hoặc có người nghe tâm tất cuồng loạn, hồ nghi, không tin. Này Tu-bồ-đề, nên biết kinh nghĩa này không thể nghĩ bàn nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Giảng:

Trước khi giảng qua phần thứ mười sáu, tôi nhắc lại phần trước một chút khi nói về bố thí thân. Giả như ban đêm chúng ta ngủ, mộng thấy đi nơi này, nơi kia và cũng có nhà cửa đủ các thứ. Đến một lát sau giật mình tỉnh cơn mộng, đó là mộng số một, thân mộng số một. Đến khuya lại mộng lần nữa, cũng thấy cảnh, thân v.v... đó là mộng số hai. Như vậy cộng lại, cả đời

mình bao nhiêu lần mộng? Không biết mấy ngàn cái mộng. Trong mấy ngàn mộng đó, đều có thân có cảnh. Giả sử có người đem hết các thân cảnh trong mộng đó đổi lấy thân của một đứa nhỏ chừng năm ba tuổi, quý vị chịu đổi không? Bao nhiêu thân và cảnh trong mộng đó, dù là cả trăm ngàn thân và cảnh mộng, đem đổi một đứa bé thật độ năm ba tuổi thì ai chịu đổi? Thân của đứa bé sống dài lắm chỉ là chín mươi năm thôi mà đổi bao nhiêu thân trong mộng mình còn không chịu đổi thay! Trong mỗi giấc mộng đều có thân có cảnh nhưng khi hết mộng thì mất, vậy thân cảnh trong mộng đó thật hay giả? Trong mộng thì ai nói giả được, chỉ khi thức rồi mới biết nó giả. Hiện tại chúng ta cũng giống như thế, bao nhiêu thân cảnh chúng ta đang sống, nghĩa là đang mê, thì đều thấy nó thật cả, nên nếu đổi nó với một thân chân thật thì chúng ta không đồng ý.

Nhưng đến chừng giật mình thức giấc, tức là được tỉnh rồi, khi đó mới thấy rằng đổi bao nhiêu thân mộng cho một cái thân thật này cũng không xứng đáng nữa. Song phải đợi tỉnh đã, hiện giờ còn mê thì thấy nó quý vô ngần!

Đến phần mười sáu, trước hết đức Phật bảo rằng nếu có người thiện nam thiện nữ hay thọ trì đọc tụng kinh này, nếu người đó bị người ta chê bai thì đó là do tội đời trước, đáng lý họ phải đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nhưng hiện đời này bị chê bai cho nên tội nghiệp đời trước liền tiêu diệt, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy Phật nói rất rõ. Ai trì kinh này thì tội nghiệp đời trước sẽ giảm đi, lý đáng phải bị đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nhưng nhờ trì kinh này nên chỉ bị người chê bai thôi và tương lai sẽ được Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác. Như thế, nếu có người nói: "coi chừng trì kinh này đổ nghiệp," người đó nói theo Phật hay nói theo ai? Phật bảo một đàng mà nói một ngả thì đó là ma nói rồi. Nói đổ nghiệp để ngăn không cho người ta trì kinh, đó là ngăn trở người ta tu hành.

Ở đây Phật khuyên chúng ta trì kinh để giảm nghiệp, đáng lẽ phải đọa trong ba đường ác mà bây giờ chỉ bị chê bai một chút thôi thì nhẹ biết chừng nào, vậy là giảm tối thiểu đó. Thế mà có người nói coi chừng tụng kinh Kim Cang thì đổ nghiệp, chúng ta xác định cho kỹ xem câu nói đó là ai nói? Câu đó là ma nói. Giả sử người cạo tóc ở chùa mà nói câu đó thì không phải là người tu nữa, vì Phật bảo: Ngoài kinh mà nói là ma nói. Ở đây kinh chỉ rõ ràng mà họ nói khác đi, không có chỗ y cứ thì không phải ma là gì? Như vậy phải dè

dặt đừng nói sai kinh mà mang tội. Thế nên chúng ta phải hiểu rõ lời Phật dạy. Nếu có ai hỏi: "Tôi có thể trì kinh Kim Cang được không?" và "trì kinh Kim Cang có đổ nghiệp không?", thì trả lời ra sao? Chúng ta phải nói: "Trì kinh Kim Cang là giảm nghiệp chứ không phải đổ nghiệp" và dẫn câu này làm chứng: *Nếu có người trì kinh này bị người khinh chê, người này do tội ác đời trước, lẽ ra bị đọa đường ác mà đời này bị người khinh chê nên nghiệp ác đời trước hết và sau sẽ thành Phật.*

Tiếp theo, đức Phật so sánh công đức trì kinh, trong đoạn trước ngài so sánh với công đức bố thí nội tài và ngoại tài rồi, đến đây ngài so sánh với công đức cúng dường Phật. Ngài bảo rằng: Trước đức Phật Nhiên Đăng, ngài đã gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha chư Phật, ngài đều cúng dường thờ phụng không sót một

vị nào. Nếu trong đời mạt pháp này có người trì kinh Kim Cang, thì với công đức ngài cúng dường bao nhiêu đức Phật đó không sánh bằng một phần công đức của người trì kinh Kim Cang kia, cho đến toán số thí dụ cũng không bì kịp. Chúng ta có tin nổi không, có cúng dường được đức Phật nào chưa?

Thật ra trong kinh nói: ra đời mà gặp Phật là quý vô lượng vô biên, huống nữa là cúng dường bao nhiêu đức Phật! Vậy mà không bằng người trì kinh Kim Cang là tại sao? Cúng dường là chúng ta đem của cải bên ngoài và tâm thành kính bên trong cúng dường. Nhưng tâm thành kính là tâm sanh diệt, của cải cũng là tướng sanh diệt. Trì kinh là không còn thấy ngã thật, nhân thật mà thấy được ngay nơi mình có trí Kim cang, nhận ra được trí chân thật đó tức là trì kinh Kim Cang.

Như vậy bao nhiêu cái sanh diệt kia đâu bì được với cái chân thật. Thế nên Phật bảo công đức cúng dường không bằng một phần công đức trì kinh.

Người thời nay nghe nói cúng dường thì thích mà nói trì kinh thì ngán. Nếu bảo tổ chức lễ cúng dường Phật, cúng dường chư Tăng được phước vô lượng thì ai cũng chịu, nếu bảo trì kinh Kim Cang thì ai cũng ngán. Chao ôi! Kinh gì nói không có ngã, không có nhân, không có chúng sanh, thọ giả, vậy chứ ai đây, ai kia? Cứ thấy mình thật, người thật nên không kham trì kinh Kim Cang, nếu hiểu rõ ngã, nhân và pháp đều là tướng hư giả không thật thì người trì kinh Kim Cang được công đức vô kể.

Thế nên đức Phật bảo rằng: *Này Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam thiện nữ nào ở trong đời mạt pháp thọ trì kinh Kim*

Cang, thì công đức của người đó nếu ta nói cho đủ hoặc có người nghe thì tâm họ sanh cuồng loạn hồ nghi. Vì quá sức tưởng tượng của con người nên họ hoảng hốt, hồ nghi, không tin. Ngài bảo thêm: *Nên biết nghĩa của kinh này không thể nghĩ bàn cho nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn.* Tại sao? Vì Kim cang Bát-nhã là trí chân thật, là chân tâm hay pháp thân bất sanh bất diệt, không bị giới hạn trong thời gian và không gian. Bởi không giới hạn trong thời gian không gian nên tuyệt đối, vượt ngoài đối đãi. Còn tất cả pháp thế gian đều nằm trong tương đối, vì tương đối nên là tướng sanh diệt. Như tối và sáng là tương đối, hiện giờ sáng một lát nữa tối, sáng tối đuổi nhau sanh diệt. Nam nữ cũng là tương đối cho nên nam nữ hợp là có sanh, sanh thì có tử, đó là tướng sanh diệt. Trên thế gian này tất cả đều là tương đối, đó là pháp sanh diệt. Pháp sanh diệt

bì sao được với pháp không sanh diệt? Thế nên nghĩa của pháp không sanh diệt cao siêu vô tận và quả báo cũng vô tận. Còn nghĩa của pháp sanh diệt là hữu tận thì quả báo cũng hữu tận. Đem cái hữu tận so với cái vô tận thì không bao giờ sánh kịp.

Chúng ta chỉ hiểu qua lời giải chứ chưa hiểu thật sự. Người nào thấy rõ thân này là ảo mộng huyễn hóa, như bọt như bóng, thấy cảnh cũng vậy thì người đó mới thật hiểu, mới là người trì kinh Kim Cang. Nếu hiểu mơ hồ, vẫn thấy mình là thật thì chưa trì nổi kinh Kim Cang.

Nếu có, đó là trì bằng chữ, bằng ngôn ngữ chứ chưa phải trì bằng tâm trí quán chiếu. Trì bằng chữ nghĩa gọi là văn tự Bát-nhã, còn dùng trí soi xét quán chiếu đó là quán chiếu Bát-nhã. Sống được với trí tuệ bất sanh bất diệt, đó là thật tướng Bát-nhã.

Chúng ta nên ứng dụng cái thứ hai hơn cái thứ nhất, vì văn tự chữ nghĩa đọc qua rồi mất, còn quán chiếu mới thấm sâu vào trong, để đi đến thật tướng.

ĐOẠN 17

Âm:

CỨU CÁNH VÔ NGÃ

Nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, đương sanh như thị tâm: Ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng

sanh, diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ nhi vô hữu nhất chúng sanh thật diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ-tát. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở, hữu pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở, vô hữu pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phật ngôn:

- Như thị, như thị! Tu-bồ-đề, thật vô hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la

Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhược hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, Nhiên Đăng Phật tắc bất dữ ngã thọ ký: Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca-mâu-ni. Dĩ thất vô hữu pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca-mâu-ni. Hà dĩ cố? Như Lai giả, tức chư pháp Như nghĩa. Nhược hữu nhân ngôn: Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp Phật đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, ư thị trung, vô thật vô hư, thị cố Như Lai thuyết: Nhất thiết pháp giai thị Phật

pháp. Tu-bồ-đề! Sở ngôn nhất thiết pháp giả tức phi nhất thiết pháp, thị cố danh nhất thiết pháp. Tu-bồ-đề! Thí như nhân thân trường đại.

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thế Tôn! Như Lai thuyết nhân thân trường đại tắc vi phi đại thân, thị danh đại thân.

- Tu-bồ-đề! Bồ-tát diệc như thị. Nhược tác thị ngôn: "Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh", tức bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp danh vi Bồ-tát, thị cố Phật thuyết nhất thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tác thị ngôn: "Ngã đương trang nghiêm Phật độ", thị bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố?

Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chân thị Bồ-tát.

Dịch:

TỘT CÙNG KHÔNG CÓ NGÃ

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm kia?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên sanh tâm như thế này:

Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh thật diệt độ. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả ắt không phải là Bồ-tát. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề, thật không có pháp phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, Phật ở nơi Phật Nhiên Đăng không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo:

- Như thế, như thế! Tu-bồ-đề, thật không có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nếu có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta: Ở đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca-mâu-ni. Do thật không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thế nên đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta, nói thế này: Ở đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca-mâu-ni. Vì cớ sao? Như Lai tức là nghĩa Như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, này Tu-bồ-đề, thật không có pháp Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác. Này Tu-bồ-đề! Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong ấy không thật không hư. Thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Này Tu-bồ-đề! Nói tất cả pháp đó tức không phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp. Này Tu-bồ-đề! Thí như có người thân cao lớn.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn ắt không phải thân lớn, ấy gọi là thân lớn.

- Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: "Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh", ắt không gọi là Bồ-tát. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp tên là Bồ-tát. Thế nên Phật nói: Tất cả pháp không ngã,

không nhân, không chúng sanh, không thọ giả.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói lời thế này: "Ta sẽ trang nghiêm cõi Phật", ấy chẳng gọi là Bồ-tát. Vì cớ sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân thật Bồ-tát.

Giảng:

Kinh Kim Cang chủ yếu trả lời hai câu hỏi: *làm sao an trụ tâm, làm sao hàng phục tâm,* nhưng câu hỏi đó phải đi đôi với câu trước là *người phát tâm cầu thành Phật* chứ không phải người thường. Người *phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác* tức phát tâm cầu thành Phật, *làm sao*

an trụ, làm sao hàng phục tâm kia? Câu hỏi đó ở trước Phật trả lời rồi, tại sao ở đây ngài Tu-bồ-đề lại hỏi nữa? Bởi vì hai câu hỏi này là tối hệ trọng trên đường tu hành, nếu chúng ta nghe lướt qua, không để hết tâm trí vào đó thì khó mà lãnh hội nổi, cho nên ngài nhắc lại một lần nữa để Phật giải. Đó là vì ngài muốn chúng ta thấy rõ ý Phật dạy cách hàng phục tâm, an trụ tâm.

Đức Phật trả lời: *Nếu Người thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên sanh tâm như thế này: Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh thật diệt độ.* Độ là qua, diệt là mất, tức là đưa tất cả chúng sanh qua chỗ tịch diệt, qua mất hết. Mỗi niệm là một chúng sanh, đưa nó đến chỗ vô sanh, đưa qua hết rồi nhưng không thấy có một chúng sanh nào được diệt độ. Như vậy lúc

đó có còn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả không? Còn thấy ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả là do niệm sanh. Nếu niệm không khởi thì lấy gì chấp? Thế nên nói độ qua hết rồi thì không còn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

Sở dĩ hiện tại ai nói đến tên chúng ta liền nổi giận là vì vừa nghe nói, niệm liền khởi phân biệt nên mới giận, nếu nghe nói mà niệm không khởi thì đâu có giận. Nếu dấy niệm thì chấp ngã nên sân, không dấy niệm thì không chấp ngã nên không sân. Không chấp ngã thì không chấp nhân, do đó tham sân si đâu còn. Như vậy chúng ta thấy rõ độ tất cả niệm đến chỗ vô sanh thì bốn tướng cũng theo đó hết. Trái lại còn có niệm sanh thì còn bốn tướng. Thế nên muốn hàng phục tâm đến chỗ an trụ viên mãn thì phải độ tất cả chúng sanh.

Tại sao ở đây đức Phật chỉ trả lời câu hàng phục tâm chứ không nói an trụ tâm? Bởi vì hàng phục rồi là an trụ. Ở đoạn trước Phật dạy an trụ riêng, hàng phục riêng, nhưng ở đây kết thúc lại thì hàng phục là an trụ. Nếu độ hết tất cả chúng sanh thì có an trụ không? Đó là an trụ rồi, vì vậy không cần nói đến an trụ nữa. Nói độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh thật diệt độ. Do đó Phật bảo: *Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả ắt không phải là Bồ-tát.* Người không còn bốn tướng là Bồ-tát. Như vậy chúng ta lo gì không làm Bồ-tát được. Nếu đừng dấy niệm, đừng khởi chấp ngã, lúc đó dù không tự xưng là Bồ-tát, không mang nhãn hiệu Bồ-tát nhưng vẫn là Bồ-tát. Bồ-tát là người tâm không còn chấp, không còn kẹt. Hiểu như thế mới thấy được ý nghĩa của sự tu hành là phải đi đến

chỗ độ hết chúng sanh, độ hết chúng sanh rồi là hàng phục, hàng phục rồi liền an trụ. Như thế mới thật là Bồ-tát.

Tiếp theo Phật đặt câu hỏi: *Vì cớ sao? Tu-bồ-đề, thật không có pháp phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.* Thường thường khi tu, chúng ta thích lựa pháp cao để tu cốt mau thành Phật. Tuy nhiên khi phát tâm cầu thành Phật thì pháp để chúng ta ứng dụng tu là thật hay không thật? Nếu thấy pháp đó thật thì tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả còn hay không? Như muốn qua sông, tôi nhờ chiếc đò đưa qua. Nếu thấy đò là thật thì tôi cũng thật, người chèo đò cũng thật. Tất cả đều thật! Qua sông rồi, thấy đò không còn quan trọng nữa mới bỏ đò được. Như vậy còn có pháp thì còn có ngã, còn có ngã thì còn có pháp, hai cái đó hỗ tương.

Đoạn trước Phật phá chấp ngã, đến đây Phật phá thêm chấp pháp. Đây không phải pháp thường, pháp này là pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà còn không thấy là thật, thì tất cả pháp thế gian có pháp nào thật đâu! Khi chúng ta đưa ra một ý kiến, đó là pháp, nhưng nếu điều mình nói mà người ta không theo thì sao? Chúng ta giận phải không? Nếu không chấp pháp thì không giận. Trái lại nếu nói việc này là thật là phải mà người ta không chịu nghe thì sao? Bởi chấp nó phải nên biến thành sân si, mà biến thành sân si thì còn phải nữa không? Chúng ta chấp việc phải là chấp pháp phải, chấp pháp phải rồi thì ngã nổi lên, ngã nổi lên tức si mê dấy khởi. Thế nên người tu đến cả pháp cũng không chấp nữa.

Như hiện nay quý Phật tử ứng dụng tu thiền, bất thần có người chỉ mặt nói "tu

thiền là điên, là ngu si" thì nghĩ sao? Lúc đó nếu chấp pháp của mình hay thì ngã nổi lên, muốn gây sự với họ. Như vậy có pháp là có ngã. Đó là chỉ nói pháp tu thiền thôi. Còn đức Phật bảo cả pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thật. Thật là cao siêu, thâm diệu! Thế gian chúng ta quá nông nổi, những vọng tưởng là ý nghĩ không thật mà còn chấp, nghĩ ra là muốn bắt người khác theo, ai không theo thì giận ngay, thật phi lý làm sao! Nếu ai gạt bỏ được những phi lý đó thì lần lần sẽ bớt khổ, bớt sân si. Đó là chỗ tu. Thế nên phải thuộc lòng câu *pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp*. Hiểu như vậy mới sống một cách thoải mái nhẹ nhàng.

Chúng ta hiểu, ứng dụng tu mặc người đời chê khen. Giải thoát hay không là việc làm của mình, họ khen mình cũng không giải thoát, họ chê mình cũng không trầm

luân. Biết rõ tu như thế là có ích lợi cho mình thì cứ việc tu. Những lời nói dù là lời chửi mắng, chê bai, mình nghe làm gì, nổi sân làm chi? Chúng ta biết rõ trăm phần đó là lẽ thật thì ai nói gì cũng mặc, chuyện mình làm mình biết rõ rồi. Người như vậy mới là người tin lẽ thật. Có nhiều người đang làm một việc lợi ích thật, nhưng vừa nghe người khác chỉ trích liền hoảng hốt nghi ngờ, đó là chưa có kinh nghiệm, chưa nhận ra lẽ thật. Nếu có kinh nghiệm, nhận lẽ thật rồi thì ai nói gì cũng không thay đổi lập trường.

Trong sự tu hành cũng phải như thế. Câu *pháp còn nên bỏ huống là phi pháp* thật hay vô cùng, chúng ta ứng dụng thì lợi ích biết bao nhiêu. Chúng ta có quyền đề nghị nhưng nghe theo hay làm theo là quyền của người, như vậy chúng ta mới không sân hận. Nhất là quý đạo hữu có

quyền làm chủ gia đình, hay lấy quyền làm chủ bắt mọi người theo mình, nhiều khi đề nghị sai nhưng tự ái không dám nhận lỗi. Nếu cởi mở, cho mỗi người được tự do, mình đề nghị nhưng khi thấy hợp, thấy hay thì họ làm, khi thấy không hợp, không hay thì thôi, mình cũng cười, không hờn gì cả, như vậy là an ổn nhất.

Đức Phật lại hỏi tiếp: *Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?* Ngài Tu-bồ-đề phủ nhận: *Bạch Thế Tôn, không vậy!* Tại sao ngài dám phủ nhận? Chúng ta thấy ngài nói thật là dè dặt: *Như chỗ hiểu của con qua lời Phật nói, Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.* Bởi vì ngài chưa thành Phật, chưa xả được, nhưng hiện giờ ngài hiểu qua lời Phật dạy. Người xưa

thật kỹ lưỡng, còn chúng ta vừa hiểu một chút là nói bướng, xưng là ta nói, ta hiểu.

Phật khen: *Như thế, như thế! Tu-bồ-đề, thật không có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.* Nếu thấy có pháp để được thì còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Phật giải nghĩa thêm: *Này Tu-bồ-đề! Nếu có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta: Ở đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca-mâu-ni.* Nếu ta còn thấy có pháp để được thì Phật Nhiên Đăng không bao giờ thọ ký cho ta thành Phật. *Do thật không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thế nên đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta.* Bởi Phật không thấy có pháp được nên ngài thành Phật, trái lại nếu thấy có một pháp được là không thành Phật.

Cũng thế, tất cả chúng ta tu mà còn thấy thân này thật, cảnh thật, pháp thật, thì không giác ngộ. Trái lại nếu chúng ta thấy nó giả, tạm có trong một thời gian ngắn chừng vài mươi năm không đáng kể, thì chúng ta trở về sống với cái thật. Đó là chúng ta tỉnh giác, do tỉnh giác tương lai sẽ được Phật thọ ký. Như trong đoạn trước Phật bảo: người trì kinh này, do tội đời trước, đáng lẽ bị đọa địa ngục, nhưng chỉ bị mắng chê thôi và sau này sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật nói rõ ràng như vậy, nghĩa là người nào biết rõ thân này, cảnh này là hư giả, do duyên hợp tạm có một lúc rồi hoại, trong cái tướng hư giả đó có cái chân thật đang bày hiện nơi sáu căn, nếu chúng ta sống được với nó thì tất cả cái hư giả đều vô nghĩa. Nếu không còn chấp thân, chấp cảnh, chấp pháp thì lúc đó sẽ được Như

Lai ắt thấy chúng ta, ắt biết chúng ta tương lai sẽ thành Phật không nghi. Như thế làm người giác có khó không? Không khó chút nào, chỉ cần vận dụng trí nhìn cho đúng, thấy cho đúng thôi. Tỉnh rồi thì giác. Vậy tại sao không dùng trí mà cứ dùng tình thương ghét buồn giận rồi cả ngày nó cứ dẫn mình chạy loanh quanh không dừng. Thương ai, vắng mặt thì trông, thì tìm; ghét ai, gặp mặt thì tức, thì tránh. Chúng ta sống với cái biết tất cả là giả, chứ mang cái giả chạy tìm cái giả làm chi cho cực. Biết thế rồi cả ngày sống an lành tự tại, lúc nào cũng cười, vì tất cả đều giả thì có gì quan trọng mà giận, mà buồn!

Tuy không quan trọng nhưng vẫn phải làm, đó là chủ trương của Bồ-tát. Như Ngũ minh và Tứ nhiếp pháp là những phương tiện để Bồ-tát giáo hóa chúng sanh. Biết rằng thân giả, cảnh giả

nhưng khi mê người ta thấy nó thật. Họ đang đói phải cho họ cơm ăn cho đỡ đói rồi mới giảng đạo lý, lúc tỉnh rồi họ mới nghe. Vì vậy mà Bồ-tát biết thân cảnh như huyễn, nhưng vẫn phải làm giúp người no ấm rồi mới giảng đạo lý cho họ nghe. Nếu không hiểu thì trở thành tiêu cực yếm thế. Nghe cái gì cũng giả thì muốn ngồi không cho rồi, làm chi nữa vô ích. Chỉ có mình biết nó giả chứ mọi người chưa biết, muốn cho người biết, phải có nghề nghiệp cho khéo (công xảo minh) để dạy người ta làm, trong khi làm mới nói chuyện đạo lý cho họ nghe, lần lần người ta thấm, đó là hạnh Bồ-tát. Phải hiểu như vậy mới đúng tinh thần kinh Kim Cang. Đó là chỗ thực tế của Phật pháp.

Tóm lại đức Phật chỉ rõ nếu ở chỗ Phật Nhiên Đăng, ngài còn thấy có pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Phật

Nhiên Đăng không thọ ký cho ngài, bởi ngài không thấy có pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên mới được Phật Nhiên Đăng thọ ký cho sau này thành Phật hiệu là Thích-ca-mâu-ni.

Ngài nói thêm: *Vì cớ sao? Như Lai tức là nghĩa Như của các pháp.* Học kinh Kim Cang là thâm nhập được nghĩa Như Lai. Kinh Kim Cang giải thích nghĩa Như Lai quá rõ. *Như Lai giả, vô sở tùng lai diệc vô sở khứ cố danh Như Lai,* hoặc *Như Lai giả tức chư pháp Như nghĩa.* Như Lai là gì? Như Lai là nghĩa Như của các pháp. Nghĩa Như các pháp là thế nào? Các pháp Như đó là Như Lai. Các pháp làm sao Như được? Thí dụ khi chúng ta đi là như như hay là động? Nếu là động, là biến đổi, là xê dịch thì đâu phải là Như, cho đến tất cả sự vật ở cõi này có cái nào Như đâu, cái nào cũng đang động, đang xê dịch, tại sao

nói Như Lai là nghĩa Như của các pháp? Bởi vì các pháp tự nó không động, mà động là do duyên hợp và do tâm động tịnh của mình, nên phân biệt cảnh động tịnh. Như chuyện hai Sa-di nói phướn động với gió động, còn Lục Tổ nói tâm nhân giả động. Nếu tâm không động thì phướn còn động, gió còn động không? Tâm mình Như thì cảnh cũng Như, cho nên nói Như Lai là nghĩa Như của các pháp. Khi nào đối với cảnh, tâm mình như như bất động thì đó là Như Lai chứ không có gì lạ cả.

Phật chỉ hết sức rõ. Thí dụ như nhìn mọi người thấy rõ hết, nhưng tôi không dấy một niệm phân biệt để thương người này, ghét người kia. Tâm không dấy niệm thương ghét, đó là tâm Phật bình đẳng, đó là Như, do tâm Như nên cảnh cũng Như. Đối với tất cả pháp ở cõi này cũng thế, gió thổi lá cây rung v.v... nhưng tâm mình

Như thì không dấy niệm phân biệt động tịnh. Phân biệt động tịnh thì các pháp động tịnh; không dấy niệm thì các pháp tự Như đó là nghĩa Như Lai. Như vậy chúng ta thấy: nhất quán từ trước đến giờ.

Phật dạy độ tất cả chúng sanh mà không thấy chúng sanh được diệt độ, đó là Như Lai. Đến chỗ đó, không còn một niệm tức tâm mình Như thì đối cảnh cũng Như, đó là Như Lai, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Rõ ràng lời Phật dạy thủy chung nhất quán. Như thế trong kinh đã nói rõ, chúng ta không còn gì nghi ngờ.

Nếu có người nói Như Lai được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề, Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong ấy không thật

không hư. Thật hư là đối đãi, mà chỗ Phật thấy, chỗ Phật ngộ không còn đối đãi. Chúng ta thấy có được có mất là đối đãi, có thật có hư là đối đãi. Thế nên chỗ Phật thành Phật, chỗ đó không còn đối đãi, đó mới là Phật, còn thấy đối đãi thì chưa phải là Phật. Thấy được tức là đối với mất, thấy hư là đối với thật. Như thế chỗ Phật đạt là chỗ không thật không hư.

Thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Câu đó thật là cao siêu và lý thú làm sao! Chỉ một câu này là một bài giảng rồi. Tại sao? Bởi vì nếu chúng ta nhìn tất cả mọi mặt của các pháp thế gian thì pháp nào cũng là Phật pháp. Ngay trong cảnh tham sân si nếu biết ứng dụng đúng tinh thần đạo đức thì tham sân si là Phật pháp. Tại sao? Thí dụ chúng ta phát tâm tu mạnh mẽ, khi đó có người kêu tên mình chửi, mình nổi sân lên thì đó là gì?

Là phiền não, là phi Phật pháp. Nếu phát tâm tu thì xem người chửi mình là Bồ-tát, thử mình có kiên tâm chưa, nhân đó cảm ơn họ mà vươn lên, không buồn giận gì hết.

Tất cả việc khác cũng vậy, việc đến đều là thử thách. Nếu vượt qua khỏi là tiến lên một bước, như thế người giúp mình tiến là người ơn. Tất cả pháp đều là Phật pháp. Phật pháp có nghĩa là hữu ích cho chúng sanh. Tất cả pháp ở thế gian không có cái nào là vô ích. Cho đến vật mà mình chê như mấy đống rác hôi hám nhưng cũng có người hốt về làm phân trồng rau, thì có cái gì là vô ích đâu. Nếu biết dùng thì tất cả đều hữu ích cho chúng sanh, hữu ích tức là Phật pháp.

Người thế gian hay than phiền có nhiều chướng ngại khó tu. Như người nặng về sắc dục thì thấy những người đẹp là chướng ngại khó tu. Người nặng về của

cải thấy những đồ vật tốt nên chướng ngại khó tu v.v... Người đẹp, vật tốt có phải là chướng ngại hay không? Hay chướng ngại tại nơi lòng tham của mình? Sự thật người, vật không chướng. Nếu thấy nó làm chướng, làm mình động tâm thì đó là phiền não. Trái lại, khi thấy người đẹp chúng ta liền dùng trí Bát-nhã thấy đó là tứ đại duyên hợp hư giả không thật, thấy vật tốt cũng biết đó là duyên hợp hư giả không thật. Như thế là Phật pháp rồi!

Sâu hơn, là *chư pháp Như nghĩa*. Thấy cái nào cũng Như hết thì có cái gì không phải là Phật pháp? Trong kinh nói: *Xúc mục Bồ-đề,* tức thấy cái gì cũng là Bồ-đề, cái gì cũng là Như thì có cái gì không phải là Phật pháp? Thử kiểm xem thế gian có cái gì chướng không? Không có chướng thì tại sao mình sợ? Sợ thế gian hay sợ vọng tưởng điên đảo của mình?

Nếu người nào biết vọng tưởng điên đảo là cái đáng sợ thì hàng ngày cứ trị nó chứ cần gì phải trốn thế gian. Bất cứ nơi nào cũng nằm trong thế gian, vô rừng cũng là thế gian, ở núi cũng là thế gian, ở chợ cũng là thế gian... Chỉ có tâm mình an thì chỗ nào cũng là Phật pháp cả.

Vậy tại sao chúng ta không lo trị vọng tưởng mà cứ lo trốn cảnh, trốn người? Chúng ta thấy cái nào là trọng tâm, là then chốt thì làm. Muốn tu thì ngay nơi tâm mình mà tu, làm sao trị những chú vọng tưởng thành những người lương thiện, chúng không còn điên đảo ngược xuôi nữa, chừng đó chúng ta mới nhẹ nhàng, rồi lần lần nó thuần thục nằm yên như con trâu mà mình ngồi trên lưng nó thổi sáo tự tại, thế là thảnh thơi lắm rồi đó. Như vậy phải trị mình, phải sợ mình chứ không sợ thế gian, vì tất cả pháp trên

thế gian đều là Phật pháp. *Nhất thiết pháp vô phi Phật pháp.* Vô phi Phật pháp hay giai thị Phật pháp cũng thế, cũng có nghĩa đều là Phật pháp.

Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp. Phật xác nhận rõ như vậy. Như có một lần, ngài Văn-thù bảo Thiện Tài đồng tử:

- Ngươi ra ngoài núi tìm những cây cỏ thuốc đem về cho ta.

Thiện Tài đồng tử bước ra ngoài thấy cây nào cũng là cây thuốc cả, liền về thưa:

- Bạch Hòa thượng, sao con thấy cây nào cũng là cây thuốc cả!

Ngài Văn-thù mới bảo:

- Thôi ngươi ra ngoài tìm cây nào không phải cây thuốc đem về cho ta.

Thiện Tài đồng tử đi ra nhìn thấy cây nào cũng không phải cây thuốc!

Nếu chúng ta có quan niệm đúng đắn thì các pháp đều là Phật pháp, nếu có quan niệm sai lầm thì tất cả pháp đều là phiền não. Khi nói không phải thuốc thì Thiện Tài đồng tử đinh ninh trong tâm trí cái không phải thuốc rồi thấy cây nào cũng không phải thuốc. Chúng ta hiện nay cũng như thế, vì đang sống với vọng tưởng điên đảo nên nhìn cái nào cũng là vọng tưởng điên đảo. Khi chúng ta dùng trí tuệ Bát-nhã nhìn thì cái nào cũng là trí tuệ Bát-nhã. Tất cả cảnh không phải đẹp, không phải xấu, không phải lợi, không phải hại, mà đẹp xấu lợi hại là tại tâm mình phân biệt. Nếu tâm không phân biệt thì các pháp có lỗi lầm gì! Như vậy trọng tâm là do tâm chứ đừng nói tìm pháp nào thuận lợi cho mình.

Câu *tất cả pháp đều là Phật pháp* rất chí lý. Tuy nhiên khi nói câu này, đức

Phật lại e chúng ta bám vào đó, chấp cho là thật nên Phật bảo: *Này Tu-bồ-đề! Nói tất cả pháp đó tức không phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp.* Như vậy khi nói tất cả pháp đều là Phật pháp là nhìn theo trí tuệ Bát-nhã, thấy tất cả pháp đều là tướng duyên hợp hư huyễn không thật, nhưng trên giả danh thì tạm gọi là tất cả pháp.

Này Tu-bồ-đề! Thí như có người thân cao lớn. Ngài Tu-bồ-đề đang dùng trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả pháp không phải tất cả pháp nên ngài Tu-bồ-đề thưa: *Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn ắt không phải thân lớn, ấy gọi là thân lớn.* Nếu còn thấy thật cao, thật lớn thì chưa phải là lớn, mà phải thấy rõ thân cao lớn đó chẳng qua là tướng duyên hợp. Bởi tướng duyên hợp nên không thật là cao lớn nhưng trên giả danh thì gọi là cao lớn.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: "Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh", ắt không gọi là Bồ-tát. Đức Phật nhấn mạnh lại chỗ chấp ngã, nếu còn thấy mình diệt độ tất cả chúng sanh thì không phải là Bồ-tát rồi. *Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp tên là Bồ-tát.* Kể cả danh tự Bồ-tát cũng không thật. Nếu còn chấp Bồ-tát là thật cũng còn kẹt. Thế nên đức Phật nói tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói lời thế này: "Ta sẽ trang nghiêm cõi Phật", ấy chẳng gọi là Bồ-tát. Vì cớ sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân thật Bồ-tát. Trong đoạn này đức Phật chỉ rõ:

Những vị Bồ-tát nếu còn thấy mình là Bồ-tát thì đó không phải là Bồ-tát. Như thế ai dám vỗ ngực xưng Bồ-tát thì người đó phải là Bồ-tát chưa? Vậy mà có người dám xưng Phật mẫu thì sao? Mạo xưng Phật mẫu, chúng ta tin được không? Xưng là Bồ-tát còn không phải Bồ-tát huống nữa là xưng danh hiệu gì. Xưng danh đó là ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, người đó không phải là thánh. Không phải thánh mà xưng thánh là mù quáng, mê tín. Những vị Bồ-tát khi thị hiện giáo hóa chúng sanh, lúc đang làm việc, không ai biết đó là Bồ-tát. Đến khi gần tắt thở mới làm một bài thơ để lại, lúc chúng ta biết đó là Bồ-tát thì các ngài đã đi rồi. Như vậy những người tự xưng thánh đều là tà quái chứ không phải thánh, kinh đã chỉ rõ ràng.

Chúng ta phải nhớ, có khi Bồ-tát ở bên cạnh phá mình nên mình xem không

ra gì, vì vậy không nên khi một người nào. Người đem đạo lý khuyên dạy, nhắc nhở từng cái dở, cái xấu để mình sửa, đó là Bồ-tát thuận hạnh; người làm trở ngại ngăn bước tiến của mình để mình vươn lên, đó là Bồ-tát nghịch hạnh. Tất cả đều là Bồ-tát. Như vậy đối với tất cả chúng sanh, ta có tâm bình đẳng, ai cũng là người mình quý cả. Tâm Bồ-tát là tâm từ bi bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Nếu chúng ta thấy người này là ơn, người kia là thù thì bất bình, bất bình thì mình đã thành phàm phu mất rồi. Đây là cứu cánh chân thật.

Chúng ta muốn thành Bồ-tát, muốn tiến tu thì phải thấy tất cả mọi người đều là Bồ-tát, Bồ-tát thuận hạnh, Bồ-tát nghịch hạnh, như vậy cả ngày không một niệm thù hằn, giận hờn. Nếu mọi người đều có tâm niệm tu như vậy thì có ai phiền

não không? Ngày nào chúng ta cũng vui vẻ, ai chúng ta cũng quý cũng kính. Giả sử người không phải Bồ-tát thật nhưng chúng ta đối với họ như vậy thì lâu ngày họ cũng thành Bồ-tát, bởi vì lúc đầu họ có niệm xấu, ngăn trở mình nhưng thấy mình vẫn kính, vẫn thương họ, sau cùng họ bị mình cảm hóa. Đó là một điều rất hay, lợi mình lợi người đầy đủ, là chỗ quan trọng trong sự tu hành.

Thế nên chúng ta hiểu Phật pháp cho chí lý thì nhìn lại thấy cuộc đời đáng quý vô cùng, không có chỗ nào đáng chê, vì tất cả pháp đều là Phật pháp. Ai cũng là Bồ-tát thuận hạnh, nghịch hạnh, cõi này toàn là Bồ-tát có gì mà chán! Sống ở chùa không có chán gì cả, thấy cõi đời này như Cực lạc, toàn thiện hữu tri thức bậc thượng, và pháp nào cũng là Phật pháp. Nếu chúng ta có tâm địa cứng cỏi và khéo

léo thì việc tu hành ở cõi đời này hay vô cùng, chuyển cõi Ta-bà thành Tịnh độ ngay trong cuộc sống, chuyển tất cả những bạn bè không tốt trở thành tốt, tất cả mọi người đều thành người tốt.

Bồ-tát trang nghiêm tịnh độ bằng cách hoặc phát nguyện bố thí, hoặc phát nguyện nhẫn nhục, hoặc phát nguyện tinh tấn... mỗi hạnh tu là để trang nghiêm tịnh độ, khi thành Phật thì cõi nước phước đức viên mãn. Việc làm này còn có nghĩ tới chỗ mình được là còn ngã pháp, vì vậy Phật mới bảo rằng: Bồ-tát nếu khởi nghĩ ta sẽ trang nghiêm Phật độ, ấy không phải Bồ-tát. Vì cớ sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật là không phải trang nghiêm, ấy mới gọi là trang nghiêm. Nghĩa là làm tất cả lợi ích chúng sanh mà không thấy có gì thật cả thì không trang nghiêm mà là trang nghiêm.

Cuối cùng đức Phật giải thích: Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát thông đạt được pháp vô ngã, Như Lai nói đó mới là chân thật Bồ-tát. Thấy được pháp vô ngã mới là chân thật Bồ-tát, còn chưa thấy được thì chưa phải thật Bồ-tát.

ĐOẠN 18

Âm:

NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu nhục nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu thiên nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu thiên nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu tuệ nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu tuệ nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu pháp nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu pháp nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu Phật nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai thuyết thị sa.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như nhất Hằng hà trung sở hữu sa, hữu như thị sa đẳng Hằng hà, thị chư Hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ?

- Thậm đa Thế Tôn!

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sanh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.

Dịch:

ĐỒNG QUÁN MỘT THỂ

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có nhục nhãn.

- Tu-bồ- đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có thiên nhãn.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có tuệ nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có tuệ nhãn.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có pháp nhãn.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có Phật nhãn.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như trong sông Hằng có bao nhiêu cát, Phật nói là cát chăng?

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai nói là cát.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như trong một sông Hằng có bao nhiêu cát, có những sông Hằng bằng số cát như thế, có các thế giới của Phật bằng số cát của những sông Hằng ấy, như thế thật là nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn, rất là nhiều!

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Trong các cõi nước đầy dẫy như thế, có tất cả chúng sanh có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai thảy đều biết. Vì cớ sao? Như Lai nói các tâm đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề, tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được.

Giảng:

Đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: Phật có đủ ngũ nhãn không? Ngũ nhãn là năm con mắt. Con mắt thứ nhất là nhục nhãn, đó là con mắt thịt. Phật hỏi: *Như Lai có nhục nhãn không?* Ngài Tu-bồ-đề thưa: *Bạch Thế Tôn, Như Lai có nhục nhãn.* Chúng ta cũng có nhục nhãn. Nhục nhãn thấy không xa, che tấm giấy là không thấy, như vậy cái thấy đó bị giới hạn.

Con mắt thứ hai là thiên nhãn. Phật hỏi: *Như Lai có thiên nhãn không?* Ngài Tu-bồ-đề thưa: *Bạch Thế Tôn, Như Lai có thiên nhãn.* Chúng ta chỉ có nhục nhãn. Thiên nhãn là con mắt của chư thiên, chư thiên xa thật xa cũng thấy, nhỏ thật nhỏ cũng thấy. Thế nên nói Phật dùng thiên nhãn nhìn trong bát nước thấy vô số vi trùng. *Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng* nghĩa là Phật nhìn trong một bát nước, có tám muôn bốn ngàn vi trùng. Như vậy là ngài nhìn bằng thiên nhãn. Hiện nay chúng ta phải nhờ kính hiển vi mới thấy vi trùng. Nhìn ngôi sao, Phật biết đó là những thế giới nên ngài nói Hằng hà sa số thế giới, không cần kính viễn vọng hay phi thuyền không gian. Thế nên những lời Phật nói là do thấy lẽ thật, muôn đời là thật, không ai chối cãi được, chỉ có điều người ta chưa biết tới nên không hiểu.

Con mắt thứ ba là tuệ nhãn. Phật hỏi: *Như Lai có tuệ nhãn không?* Tu-bồ-đề thưa: *Bạch Thế Tôn, Như Lai có tuệ nhãn.* Tuệ nhãn là con mắt trí tuệ của hàng Thanh văn, thấy thân này là vô ngã, do ngũ uẩn hợp lại, chứ không có thật ngã.

Con mắt thứ tư là pháp nhãn. Phật hỏi: *Như Lai có pháp nhãn không?* Ngài Tu-bồ-đề thưa: *Bạch Thế Tôn, Như Lai có pháp nhãn.* Pháp nhãn là con mắt của Bồ-tát, thấy tất cả pháp là huyễn hóa. Hàng Thanh văn chỉ thấy ngã không thật, còn Bồ-tát do trí tuệ Bát-nhã thấy ngã pháp đều huyễn hóa. Hiện nay chúng ta đang tu tuệ nhãn và pháp nhãn. Nếu tu thành công liền được những con mắt đó.

Con mắt thứ năm là Phật nhãn. Phật hỏi: *Như Lai có Phật nhãn chăng?* Ngài Tu-bồ-đề thưa: *Như Lai có Phật nhãn.*

Mắt của Phật bao trùm hết, thấy không còn lầm, cái thấy được viên mãn.

Như vậy xác nhận Phật có ngũ nhãn để làm chi? Để nói rằng cái thấy của Phật đã đầy đủ viên mãn. Ngài thấy thế gian như thế nào, đó là cái thấy đúng, để chúng ta không còn nghi lời Phật nói.

Tiếp theo Phật dạy, ví như trong sông Hằng có bao nhiêu cát, mỗi hạt cát của sông Hằng đó là một sông Hằng thứ hai, như vậy bao nhiêu cát sông Hằng là bấy nhiêu sông Hằng nữa. Trong số sông Hằng thứ hai đó, mỗi sông Hằng có bao nhiêu cát, mỗi hạt cát của số sông Hằng thứ hai đó là một thế giới, chúng ta tính thử bao nhiêu thế giới? Không thể tính nổi. Bao nhiêu thế giới đó, đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề nhiều chăng, ngài thưa là rất nhiều. Phật bảo, trong bao nhiêu thế giới đó có bao nhiêu chúng sanh và bao nhiêu

chúng sanh có bao nhiêu thứ tâm, Phật thảy đều biết không lầm lẫn. Như vậy Phật xác nhận cái thấy của Phật để đưa đến thí dụ là tâm của bao nhiêu chúng sanh ngài đều biết hết.

Vì cớ sao? Phật giải thích: *Như Lai nói các tâm đó đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Vì cớ sao? Tu-bồ-đề, tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được.* Như vậy đức Phật biết tâm gì? Đó là chỗ thật hệ trọng. Giả sử tôi nói thế này: Tâm của quý vị trong hội giảng hôm nay tôi đều biết hết, quý vị tin không? Thế mà tôi quả quyết tôi biết thật, chắc chắn không nghi ngờ. Vì sao? Vì tôi biết tâm quý vị là vọng tưởng, không thật; biết đúng như vậy. Tâm người nào cũng là vọng tưởng, không thật, còn việc nghĩ gì thì nghĩ tôi không cần biết. Vì thế đức Phật bảo: Tất cả tâm chúng sanh

đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Biết rõ tất cả tâm chúng sanh là hư vọng không thật nên ngài kết luận: *Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.*

Tâm quá khứ là tâm gì? Là tâm tưởng nhớ lại việc quá khứ. Những người đầu hơi hoa râm như tôi hoặc là bạc trắng hơn nữa thì sống với tâm nào? Tâm quá khứ. Cứ nhớ thuở xưa làm những gì, nhớ những gì thuộc quá khứ như vậy là tâm quá khứ. Tâm duyên về quá khứ là bóng dáng không thật nên tâm quá khứ bất khả đắc.

Tâm hiện tại là tâm gì? Là tâm đang suy tính. Tâm suy tính đó có dừng lại ở một chỗ không? Đang suy tính mà nhìn lại nó cũng mất, cũng không thật, nên tâm hiện tại bất khả đắc.

Đến tâm vị lai, tâm đó có thật không? Vị lai là chưa đến mà hiện giờ tưởng tượng ra thì cũng là bóng dáng thôi.

Như vậy biết rõ ba thời tâm không thật là biết đúng sự thật. Chúng ta chỉ biết cái bóng của tâm thôi, nhưng biết ngay thể của tâm mới là biết thật. Cái "nghĩ gì" là bóng dáng không đáng kể, biết bản chất nó không thật mới là biết. Vậy mà chúng ta cứ muốn biết cái bóng dáng chứ không chịu biết cái chân thật. Biết rõ tâm mình hư giả không thật, biết rõ tâm người hư giả không thật, biết rõ cả người là tướng duyên hợp không thật nữa thì cái biết như vậy là khá lắm rồi. Nếu chúng ta hằng biết được như vậy thì vượt hơn phàm tình. Phàm tình chỉ biết tâm vọng tưởng, như đang vọng tưởng một điều gì, thương người này ghét người kia... rồi chấp vào đó để phiền não, như vậy thì biết làm chi.

Trái lại phải biết rõ tâm là hư giả không thật.

Chúng sanh hiện giờ luôn sống với cái hư giả nên không bao giờ đạt được lẽ thật. Như bà già nói với ngài Chu Kim Cang: "Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được, Thầy điểm tâm nào?" Chính điều đó nhắc chúng ta thấy rằng tất cả tâm hướng về ba thời là tâm hư vọng không thật. Đã hư vọng không thật tại sao chấp, tại sao bám vào đó cho là mình? Bám vào cái không thật cho là mình thì không phải si mê là gì! Đây là điều thiết yếu để chúng ta tu.

Đoạn trước Phật phá chấp thân làm ngã, đoạn này Phật phá chấp tâm làm ngã. Nếu còn thấy tâm duyên theo ba thời là thật, đó là mê lầm. Nếu chấp tâm sanh diệt là mình, đó là động cơ dẫn vào sanh

tử luân hồi. Trái lại biết rõ tất cả những tâm duyên quá khứ, hiện tại, vị lai là bóng dáng không thật, biết như thế thì tất cả đều buông, không chấp thì đâu còn nghĩ phải quấy, hay dở v.v... Thấy hư giả thì nó không dẫn mình đi, buông cái hư giả thì tâm chân thật hiện tiền, đó mới là trí tuệ như thật. Chúng ta biết nó hư giả là biết bằng quán chiếu Bát-nhã, khi quán chiếu thành công thì thật tướng Bát-nhã hiện tiền.

Chúng ta khổ là tại sao? Vì sống theo tâm vô thường sanh diệt quá khứ, hiện tại, vị lai... Câu chuyện Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhập Thiên Thai có một triết lý rất hay. Thử hỏi chúng ta ai mà không muốn được ở cảnh tiên? Việc gì sung sướng thì nói sướng như tiên, vậy có ai nghĩ lên cảnh tiên còn muốn trở lại cõi trần tục này nữa không? Chắc không. Vậy tại sao Lưu

Thần, Nguyễn Triệu lên cảnh tiên rồi, có tiên hầu hạ, tiệc tùng v.v... lại dấy lòng trần tục nhớ trần gian, muốn về thăm quê hương? Trở xuống trần rồi thì thế nào? Có an phận ở lại cõi trần hay lại nhớ cảnh tiên nữa? Tại sao? Tại tâm vô thường.

Chúng ta luôn luôn sống với tâm nhìn lui về quá khứ, ước mơ vị lai mà lãng quên hiện tại. Thế nên khi chưa được cảnh tiên thì ước mơ cảnh tiên, khi được cảnh tiên lại nhớ tiếc quá khứ muốn trở về cõi phàm tục, khi trở lại cõi trần thấy chán ngán lại muốn trở lên cảnh tiên, cứ qua lại mãi. Tất cả chúng ta cũng không khác Lưu Thần, Nguyễn Triệu. Dù ở chỗ sung sướng no ấm đến thế mấy đi nữa, ở mãi rồi cũng thấy tầm thường và mơ ước đến chỗ khác, đến chỗ khác rồi lại mơ ước trở lại chỗ cũ. Đó là bệnh ngàn đời của chúng sanh. Ở chỗ chưa như ý thì đòi chỗ như ý, được chỗ

như ý thì nhớ lại chỗ cũ. Vì vậy người ta cứ chuộng đồ cổ, dù đồ cổ tầm thường cũng vẫn chuộng, bảo đồ xưa là quý! Đó là tại tâm niệm tiếc nuối quá khứ rất nặng. Thấy tức cười là đi tới đâu đều ghi nhật ký để ngày sau đọc, sợ việc qua rồi thì mất... Cho những hình bóng quá khứ là có giá trị để sau này làm nguồn an vui của mình. Còn trẻ thì cứ mơ ước vị lai, nhưng đến khi vị lai tới rồi cũng chán chường. Như thế, luôn luôn người ta sống trong chán chường buồn khổ nhớ nhung. Tiếc nuối quá khứ là nhớ nhung, mơ ước vị lai thì chán chường hiện tại, thành ra điên đảo hoài không bao giờ an, có cười là cười gượng thôi vì có an mới vui, mới cười hoài, còn không an thì không bao giờ vui được. Tâm bất an làm sao vui? *Tâm bình thế giới bình*, đó là lẽ thật. Câu chuyện trên ngụ một triết lý của cổ nhân cho chúng ta thấy tâm con người điên đảo như vậy,

không có gì làm cho họ bằng lòng, mà không bằng lòng tức là bất an rồi.

Chuyện gần hơn là như lúc tôi ở Thiền Duyệt thất. Thiền Duyệt thất cất tương đối cũng dễ thương, chung quanh có trồng hoa xác pháo v.v... ở sau là vườn trà, khí trời lành lạnh... Có một chú ở Thành phố lên thăm tôi, vừa mới lên, đầu tiên chú khen:

- Chà! Ở đây thật như là cảnh Thiên Thai.

- Tôi cười hỏi:

- Chú định lên chơi bao lâu?

- Dạ con ở một tháng.

Nhưng mới được một tuần, chú thưa với tôi:

- Thưa Thầy con về.

Tôi hỏi:

- Ủa, sao về mau vậy?

- Dạ tại buồn quá!

Tôi nhớ lại câu chuyện Lưu Thần, Nguyễn Triệu. Thực tế là như vậy, khi chưa đến thì thấy cảnh đó là cảnh tiên, đến rồi, ở một thời gian tự nhiên thấy chán.

Thế nên tâm người khi chưa an thì ở đâu cũng không an mà không an thì luôn mong ước, thành ra cứ mong ước mãi hết việc này đến việc kia, lúc nào cũng sống trong ước mơ, chờ đợi.

Trong thế gian này tất cả chúng sanh đều tham sân si như nhau, gặp người này tham sân si, gặp người khác cũng là tham sân si thế thôi. Chỉ tại vì mình tham sân si cho nên gặp ai rồi cũng tham sân si... Thế nên có chờ đợi là chờ đợi còn hay hết tham sân si, điều đó mới đáng mong chờ. Vì thế chúng ta tập tâm Bồ-tát nghĩa là

khi đang tu tập, thấy ai giúp, ai ngăn trở, chúng ta cũng đều xem là Bồ-tát cả để mang ơn, bái phục mọi người. Mình sẽ là người sung sướng nhất, vì thấy chung quanh mình toàn là thiện hữu tri thức bậc thượng. Chúng ta cần có cái nhìn như vậy, sống như vậy mới thấy vui. Cuộc đời chỉ mấy mươi năm, cho nên có một thiền sư đi tới đâu ngài cũng nói chuyện ồn náo và cười hoài. Có một vị thiền khách khác ở chung liêu thấy ngài nói cười ồn quá chịu không được mới lên bạch Hòa thượng. Hòa thượng kêu ngài lên quở:

- Sao huynh cười nói ồn náo làm phiền huynh đệ?

Ngài trả lời:

- Bạch Hòa thượng, cuộc đời là mộng mà con muốn sống mộng vui chứ không muốn sống mộng khổ, vì vậy con cười...

Người xưa có những câu nói thật lý thú!

ĐOẠN 19

Âm:

PHÁP GIỚI THÔNG HÓA

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược hữu nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhân dĩ thị nhân duyên đắc phước đa phủ?

- Như thị Thế Tôn! Thử nhân dĩ thị nhân duyên đắc phước thậm đa.

- Tu-bồ-đề! Nhược phước đức hữu thật, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa, dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa.

Dịch:

PHÁP GIỚI THÔNG SUỐT KHÔNG BỊ NGĂN TRỞ

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy báu đầy dẫy cả tam thiên đại thiên thế giới dùng bố thí, người ấy do nhân duyên này được phước đức nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn, như thế! Người này do nhân duyên đó được phước đức rất nhiều.

- Này Tu-bồ-đề! Nếu phước đức có thật, Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều, do phước đức không, nên Như Lai nói được phước đức nhiều.

Giảng:

Quý vị hiểu đoạn này như thế nào? Nếu phước đức có thật thì Như Lai không

nói phước đức nhiều, bởi phước đức không, tức không thật nên Như Lai nói phước đức nhiều. Vậy là phước đức có hay không? Đó là câu mà đa số chúng ta đều thấy hơi khó hiểu. Trong đoạn trước tôi nói rằng triết lý kinh Kim Cang là chỉ cho các pháp tự tánh là không, duyên hợp giả có; bởi duyên hợp giả có cho nên nói có nói không, chỉ là giả danh chứ không thật. Nếu chúng ta thấy có thật thì cái thấy đó không đúng, bởi thấy không đúng cho nên nói là không nói phước đức nhiều, sở dĩ nói phước đức nhiều là vì thấy rõ tự tánh phước đức không thật, tùy duyên tụ họp nhiều thì gọi đó là nhiều, tụ họp ít thì gọi đó là ít. Nhiều ít là tại tùy duyên chứ không phải trên lẽ thật.

Thí dụ có người khuân cả ngàn, cả muôn thùng lúa đổ thành đống, vậy đống lúa đó nhiều hay ít? Nói nhiều ít là tướng

tùy duyên chứ trên lý chân thật, trên lý tánh không, các pháp không có nhiều ít. Thí dụ một khối đất bằng nắm tay ta gọi khối đất nhỏ, khối đất bằng cái thùng thiếc ta gọi là khối đất to. Nhiều hạt bụi kết thành khối to gọi là khối đất to, ít hạt bụi kết thành khối nhỏ gọi là khối đất nhỏ. Như vậy to nhỏ là trên sự kết hợp nhiều ít của duyên. Hiểu như vậy mới thấy được ý nghĩa của đoạn này.

Sở dĩ đức Phật nói *Nếu phước đức có thật thì Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều, do phước đức không, nên Như Lai nói phước đức nhiều,* là vì đứng về mặt tánh không, các pháp do duyên khởi nên tự tánh là không. Chúng ta quen nghe nói cái bàn thì nghĩ cái bàn thật, nghe nói cái nhà thì nghĩ cái nhà thật, nghe nói cái đồng hồ thì nghĩ cái đồng hồ thật, v.v... tức là nhận mỗi vật đều có một cái thể chân

thật. Người trí tuệ như đức Phật thì không thấy như thế; đồng hồ, nhà, bàn... chỉ là tướng duyên hợp mà tự tánh là không, do duyên hợp nên giả có. Vì duyên hợp giả có nên duyên nhiều thì nó to, duyên ít thì nó nhỏ. To nhỏ là nói lý tùy duyên. Thế nên đức Phật bảo: Nếu có thật, có thật thể thì không nói nhiều, nói ít; vì không có thật thể nên tùy duyên nhiều thì gọi là nhiều, duyên ít thì gọi là ít. Trên lẽ chân thật, các pháp không cố định nên nói tánh nó là không. Vì thế trên tánh không mà nói có lớn nhỏ là sai, chỉ trên tướng tùy duyên mới có to có nhỏ khác nhau.

ĐOẠN 20

Âm:

LY SẮC LY TƯỚNG

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Phật khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tướng cụ túc tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc.

Dịch:

LÌA SẮC LÌA TƯỚNG

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Phật có thể do đầy đủ sắc thân mà thấy chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai không nên do đầy đủ sắc thân mà thấy. Vì cớ sao? Như Lai nói đầy đủ sắc thân tức chẳng phải đầy đủ sắc thân, ấy gọi là đầy đủ sắc thân.

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có thể do đầy đủ các tướng mà thấy chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai không nên do đầy đủ các tướng mà thấy. Vì cớ sao? Như Lai nói các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, ấy gọi là các tướng đầy đủ.

Giảng:

Lìa sắc lìa tướng tức là lìa chấp sắc và lìa chấp tướng. Căn cứ vào đâu mà lìa chấp? Tức là căn cứ ngay nơi thân Phật. Trong kinh nói đức Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đó là đầy đủ

sắc thân. Có thể do những cái đó mà thấy Phật chăng? Ngài Tu-bồ-đề thưa: *Không.* Tại sao? *Vì Như Lai thường nói đầy đủ sắc thân tức không phải đầy đủ sắc thân, ấy gọi là đầy đủ sắc thân.*

Đầy đủ sắc thân tức chẳng phải đầy đủ sắc thân, nghĩa là cái sắc thân đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đó không có tự thể, tánh nó là không, nên mới nói là không phải đầy đủ sắc thân, nhưng do duyên hợp nên gọi là đầy đủ sắc thân. Sắc thân là giả tướng, mà giả tướng đó không có thật thể. Như ba mươi hai tướng tốt của Phật, cái gì là thể cố định? Trái tai dài hay ngực có hình chữ vạn v.v..., cái nào là thật, là chủ của thân? Ba mươi hai tướng chẳng qua là những giả tướng chứ không phải thật. Nếu cho ba mươi hai tướng là Phật thì không thấy Phật vì mắc kẹt trên tướng. Ba mươi hai tướng là

duyên hợp cho nên khi đủ duyên thì còn, thiếu duyên thì mất. Còn Như Lai có mất hay không? Như vậy để chúng ta hiểu rằng đừng căn cứ vào sắc thân, đừng chấp ba mươi hai tướng tốt là Phật, mà phải biết Như Lai là thể bất sanh bất diệt. Ba mươi hai tướng là tướng không có chủ thể, nên nói là tánh không. Vì tự tánh nó là không nên nói *không phải đầy đủ sắc thân*, do duyên hợp tạm có nên *gọi là đầy đủ sắc thân.*

Đức Phật hỏi: *Có thể do đầy đủ các tướng mà thấy Như Lai chăng?* Tướng đây chỉ sáu căn: mắt, tai, mũi v.v... toàn bộ của thân. Ngài Tu-bồ-đề trả lời: *Không thể do các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai. Vì cớ sao? Vì Phật nói các tướng đầy đủ tức không phải các tướng đầy đủ, ấy gọi là các tướng đầy đủ.* Chúng ta tưởng các tướng đầy đủ là Phật nhưng sự thật thì

không phải. Vì các tướng không có tự thể cho nên nói không phải các tướng đầy đủ, nhưng duyên hợp có đủ các tướng, gọi là các tướng đầy đủ. Hiểu như vậy thì chúng ta không chấp sắc chấp tướng là thật.

Nếu chấp nhận tứ đại vô tri là mình thì quá khờ dại, là đã phủ nhận mình một cách đáng thương, là đã quên mất mình rồi. Nếu không chấp sắc tướng là mình thì có đẹp cũng không tự cao, có xấu cũng không tủi hổ, đẹp xấu chỉ là sắc tướng đầy đủ hoặc thiếu kém... Nếu hiểu như vậy tức chúng ta thoát ngoài hai cái khổ: đẹp thì sanh kiêu mạn, xấu thì sanh tự ti. Như vậy lúc nào mình cũng an ổn, cả khi gần tắt thở cũng an vui. Tại sao? Vì đó là sắc tướng hết duyên nên hoại chứ đâu phải mình hoại. Trái lại nếu nhận sắc tướng là mình thì khi sắp hoại sẽ khổ sở vô ngần, vì thấy mình sắp mất nên kinh hoàng.

Nhận sâu được lý kinh rồi mới thấy đúng lẽ thật, do đó lòng ta an ổn trước những cảnh mà thiên hạ hoảng hốt. Đó là điều thiết yếu cho cuộc sống. Thế nên hiểu đạo thì sống an lành.

Chúng ta hiện nay vì không hiểu đạo nên cứ bám vào sắc thân, cho nó là mình nên khi nó tăng hoặc có gì thay đổi hơn người thì tự hào, tự mãn hoặc sanh khinh mạn, khi nó thiếu kém thì xấu hổ, buồn tủi, tự ti; đó là điều lầm lẫn. Tóm lại nếu còn chấp sắc, chấp tướng thì không thấy Như Lai; vì khi sắc tướng tan rã, Như Lai đâu còn. Như Lai đây không phải là đức Thích-ca, mà là Như Lai mỗi người tự có.

ĐOẠN 21

Âm:

PHI THUYẾT SỞ THUYẾT

- Tu-bồ-đề! Nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương hữu sở thuyết pháp. Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược nhân ngôn "Như Lai hữu sở thuyết pháp" tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu-bồ-đề! Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp.

Nhĩ thời Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh ư vị lai thế, văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ?

Phật ngôn:

- Tu-bồ-đề! Bỉ phi chúng sanh, phi bất chúng sanh. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai thuyết phi chúng sanh, thị danh chúng sanh.

Dịch:

KHÔNG NĂNG THUYẾT VÀ SỞ THUYẾT

- Này Tu-bồ-đề, ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này: Ta sẽ có nói pháp. Chớ khởi cái nghĩ ấy. Vì cớ sao? Nếu người nói "Như Lai có nói pháp" tức là phỉ báng Phật, không thể hiểu nghĩa ta đã nói. Này Tu-bồ-đề, nói pháp đó không có pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp.

Khi ấy ngài Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, vả lại có chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này sanh lòng tin chăng?

Phật bảo:

- Tu-bồ-đề, kia chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề, chúng sanh, chúng sanh ấy Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh.

Giảng:

Đây là lìa năng thuyết và sở thuyết. Năng thuyết là người hay nói, sở thuyết là pháp bị nói. Người hay nói và pháp bị nói đều lìa. Tại sao? Phật bảo ngài Tu-bồ-đề: *Ông chớ nói Như Lai khởi nghĩ sẽ có nói pháp*, chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì *nếu người nói Như Lai có nói pháp tức là chê bai Phật, không hiểu nghĩa Phật nói.*

Chúng ta có chê bai Phật không, vì chúng ta luôn luôn nói Phật thuyết pháp?

Đức Phật bảo ngài Tu-bồ-đề: *Nói pháp tức là không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp*. Thật là khó hiểu phải không? Tại sao đức Phật nói pháp bốn mươi chín năm trong lịch sử ghi rõ ràng, mà nói Phật thuyết pháp là phỉ báng Phật? Nếu chúng ta thấy thật có Phật, thân tứ đại của ngài là thật và pháp ngài nói ra là thật, chúng ta không hiểu nghĩa ngài nói rồi. Ngài bảo tứ đại là duyên hợp không thật mà chúng ta nói là thật, tức chúng ta phản bội Phật. Nếu Phật không thật thì pháp Phật nói có thật không? Vậy nếu cho là có pháp thật Phật nói thì không phải chê bai Phật là gì? Chúng ta phải hiểu rõ Phật nói pháp là nói các pháp ở thế gian không có tự thể, do duyên hợp giả có nên không có một

pháp thật; nay chúng ta chấp Phật nói pháp thật thì đó là phỉ báng Phật.

Pháp Phật nói chẳng qua là tướng tùy duyên, không có thật thể, cũng như thân Phật cũng là tướng tùy duyên không có thật thể, nếu chúng ta thấy là thật là phản bội lời Phật, vì vậy nói là phỉ báng Phật. Trái lại chúng ta biết Phật thuyết pháp là tướng tùy duyên thì không có lỗi gì cả. Hiểu như thế là chúng ta không phỉ báng Phật.

Như tôi nói pháp, lời lẽ phát ra là tướng duyên hợp. Do hợp với nhĩ căn của mọi người, nên có chủng tử gieo vào tàng thức cũng là tướng duyên hợp. Từ duyên này phát ra rồi duyên kia thâu vào, đều là tướng duyên hợp, không có một pháp thật. Nếu có pháp thật thì những lời nói ra sẽ thành khối chứ không mất, nhưng nó không còn. Hiểu như thế, người nghe

pháp cũng như người nói pháp đều là tướng duyên hợp, không phải thật. Thế nên đức Phật bảo nói pháp là không pháp có thể nói, tức là không có pháp thật nào để nói cả, chỉ tùy duyên để đánh thức chúng ta biết các pháp là hư giả, không thật thể. Khi biết các pháp hư giả không thật thể thì nói pháp là phương tiện nói, cho nên *không pháp có thể nói ấy gọi là nói pháp.*

Khi ấy ngài Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch rằng: Vả lại có chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này, họ sanh lòng tin chăng? Tại sao đoạn trước nói tôn giả Tu-bồ-đề mà đoạn này lại thêm chữ Tuệ Mạng? Chữ Tuệ Mạng là chỉ cho hàng Thanh văn đã ngộ đạo, các ngài thấy mạng sống của các ngài là trí tuệ chứ không phải là tứ đại; lấy trí tuệ làm mạng sống nên gọi là Tuệ Mạng. Lẽ ra đức Phật trả lời hoặc họ tin

hoặc không tin, tại sao đức Phật bảo: *Này Tu-bồ-đề, kia chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề, chúng sanh, chúng sanh ấy Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh.* Như thế Phật có trả lời ngài Tu-bồ-đề không? Tại sao chẳng phải chúng sanh? Vì chúng sanh ấy chẳng qua là tướng duyên hợp không có tự thể, nên nói chẳng phải chúng sanh, nhưng trên tướng duyên hợp thì có, nên nói chẳng phải chẳng chúng sanh tức là chúng sanh.

Như vậy câu đầu *chẳng phải chúng sanh* là để chỉ rõ nó không có tự thể, câu thứ hai *chẳng phải chẳng chúng sanh* chỉ rằng ấy là tướng duyên hợp giả có. Trên tướng duyên hợp thì giả có chúng sanh, trên tự thể thật của nó thì không có. Kế đến ngài kết thúc: *Vì cớ sao? Tu-bồ-đề, chúng sanh, chúng sanh đó Như Lai nói*

chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh. Vì chúng sanh chỉ là tướng duyên hợp cho nên Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, do duyên hợp giả danh gọi là chúng sanh nên nói ấy gọi là chúng sanh. Chúng ta thấy chúng sanh là chúng sanh, đức Phật thấy chúng sanh không phải chúng sanh, ấy mới gọi là chúng sanh.

Nếu chúng ta nhìn đúng như đức Phật thì chúng ta cũng giống Phật. Nhìn rõ ràng thấu đáo như vậy thì chúng ta đã có trí tuệ gần với đức Phật. Chúng ta muốn làm Phật thì phải chịu khó nhìn như Phật, tại sao mình không chịu nhìn như Phật mà cứ nhìn theo chúng sanh mãi? Nếu nhìn đúng trí tuệ Phật dạy thì tự nhiên mọi cố chấp đều tan, như thế việc tu hành rất dễ. Trái lại nếu cứ nhìn theo cái mê lầm của mình thì tu nhiều công mà kết quả ít.

Chúng ta thấy mình là thật, người là thật, nghe tiếng nói cũng là thật... bất chợt có ai nói một câu hơi nặng tai một chút thì chúng ta dễ dằn lòng hay khó? Nếu thấy mình giả, người giả, ngôn từ cũng giả thì dù họ có nói câu hơi nặng tai, chúng ta cũng bỏ qua vì đó là giả, tức nhiên mình không đè nén gì hết, mà tâm tự an, sự tu hành cũng nhẹ nhàng thảnh thơi. Do trí tuệ đi đầu nên chúng ta nhìn đúng với chiều đức Phật nhìn, tức là mình đã tỉnh giác và đã khác hơn phàm phu. Phàm phu nghe câu nói nặng nhịn không nổi, chúng ta nghe mà nhịn nổi vì chúng ta xem nó là hư giả. Đó là thấy đúng lẽ thật, là sống bằng trí tuệ. Chúng ta buông xả các chấp, đó là tu bằng cách buông nhẹ nhẹ. Còn thấy không đúng lẽ thật thì cố gắng nhẫn nhịn, rốt cuộc càng khổ tâm vì chỉ đè nén đến một mức nào thôi.

Đức Phật muốn chỉ cho chúng ta thấy rõ không có người năng thuyết thật và không có pháp sở thuyết thật, hay nói cách khác là không có người thật và cũng không có pháp thật. Pháp và người chẳng qua là tướng duyên hợp, đã là tướng duyên hợp thì có gì mà chấp? Chấp người là chấp ngã, nói ra là chấp pháp, mà chấp ngã chấp pháp là phải trầm luân ngàn đời. Nay chúng ta thấy rõ chúng sanh không phải là chúng sanh, duyên hợp tạm gọi là chúng sanh, nhớ rõ như vậy thì khi nào ai xúc chạm đến ta, chúng ta cứ nhớ câu trên, tự nhiên mình sẽ nhẹ nhàng. Tất cả pháp còn không thật huống là những lời nói sai quấy. Khi sân hận, người ta hay thốt ra những lời sai quấy, những lời đó đâu có thật mà chấp. *Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp!* Pháp của Phật là pháp cao siêu mà còn phải xả huống là những lời nói phi pháp thì chấp làm gì.

Hiểu như thế chúng ta thấy việc tu hành dễ hay khó? Hiện nay chúng ta tu không nổi vì chúng ta chấp những cái phi pháp hoài, nên buồn người này, giận người kia, mất ăn mất ngủ, đó là cái khổ do mình chấp ngôn ngữ, chấp phi pháp. Chúng ta học một đoạn kinh Phật là chúng ta có một kinh nghiệm để tu chứ không phải học suông.

Tóm lại, qua lời Phật dạy chúng ta thấy rõ người hay nói và pháp bị nói đều không thật, khi chúng ta không chấp là thật thì chúng ta phá được chấp ngã và chấp pháp. Ngã và pháp đều phá thì đó là vào hàng Sơ địa Bồ-tát. Thanh văn chỉ phá được chấp ngã chứ chưa phá được chấp pháp. Hàng Thanh văn thì nói ngã là không nhưng Niết-bàn là có, tức là còn kẹt vào pháp, nói Bồ-đề là có tức là còn kẹt vào pháp. Chỉ phá được chấp ngã đã

gọi là chứng Tứ quả Thanh văn, nếu phá luôn được chấp pháp thì đó là Đăng địa Bồ-tát.

ĐOẠN 22

Âm:

VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Phật đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vi vô sở đắc da?

Phật ngôn:

- Như thị, như thị! Tu-bồ-đề! Ngã ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nãi chí vô hữu thiểu pháp khả đắc, thị danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Dịch:

KHÔNG PHÁP CÓ THỂ ĐƯỢC

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay là không được ư?

Phật bảo:

- Đúng như thế, như thế! Này Tu-bồ-đề, ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nhẫn đến không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Trong đoạn này đức Phật phá có chứng có đắc. Ngài Tu-bồ-đề hỏi: Thế Tôn có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay không được? Nếu không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đâu

gọi là Phật. Ngài Tu-bồ-đề hỏi có được, không được là để xác nhận lại xem có năng đắc và sở đắc hay không.

Khi đó đức Phật trả lời: *Ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.* Bệnh của chúng ta, khi tu có được chút công phu, gặp nhau liền hỏi: Lúc này anh chứng được gì rồi? Như thế là mắc kẹt trong cái chứng cái đắc. Nếu có chứng có đắc nghĩa là có được, một là có người hay được, hai là có pháp bị được. Đoạn trước nói, không có người nói pháp và không có pháp bị nói thì làm sao có người hay được và pháp bị được. Nếu còn thấy có cái để được thì không phải là Phật. Thế nên nếu nói Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là phỉ báng Phật. Tại sao? Vì còn thấy có sở đắc là còn ngã còn pháp.

Đức Phật nói: Ta đối Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến không một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là chỗ giác ngộ cứu cánh không còn thấy có một chút ngã pháp. Do không còn một chút ngã pháp nào nên chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Được mà không được! Chỗ này thật khó nói.

Ngài Hoàng Bá nói rằng: Nếu đập một hạt bụi nát ra thành trăm hạt bụi nhỏ, trong trăm hạt bụi nhỏ đó, chín mươi chín hạt chúng ta thấy là không, còn một hạt nhỏ xíu, nếu thấy có thì cũng chưa thấy đạo! Chưa phải là Phật. Chúng ta cái gì cũng muốn được hết, được cái này, được cái kia v.v... cho nên cứ mãi làm chúng sanh. Lúc nào chúng ta cũng ôm cái bản ngã to tướng nên thấy các pháp đều là

thật, cứ muốn được cái này, được cái kia... Do đó khi tu hành cũng vẫn nghĩ đến cái được mãi, nghe nói không được thì sanh chán nản vì không hợp với bản ngã. Nếu còn bản ngã, cho bản ngã là thật làm sao giác ngộ, vì đó là tướng si mê. Vậy mà thiên hạ hay gạt nhau như thế, vào đạo bằng cách tô điểm cho bản ngã lớn thêm, chỉ chồng chất thêm si mê chứ không phải là dạy đạo.

Giác ngộ là phải thấy đúng lẽ thật, bao giờ còn một chút mê lầm, dù chút xíu thôi, về ngã về pháp cũng là chưa viên mãn giác ngộ. Ở thế gian người ta vui khi được nhiều người hoan nghênh, vuốt ve bản ngã. Trái lại, lúc bản ngã bị dìm xuống, người ta buồn, đó là cái buồn của kẻ si mê, chứ khi giác ngộ sẽ thấy rõ phải mất cái giả mới đạt được cái thật. Thiên hạ cứ chết chìm trong cái giả thì đời nào

thấy được cái thật! Thế nên đức Phật đập tan cái giả, không cho chúng ta chấp cái giả một chút nào cả để ngài chỉ chúng ta cái chân thật.

Vào đạo trước hết vì không có những thứ tô điểm bản ngã thì thấy dường như buồn, nhưng thật ra phải biết chính đó là niềm vui. Vui vì thấy được lẽ thật, thấy qua được cơn si mê đã chôn vùi mình không biết bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp! Nay nhảy vọt qua khỏi hầm si mê thì đó là điều đáng mừng, người không biết mới buồn vì mất bản ngã. Chúng ta học đạo là cốt làm sao tự mình thoát ra khỏi cái khổ chìm trong đen tối si mê; và cái vui thoát khỏi cơn si mê là cái vui lớn lao.

Người nào biết hưởng cái vui đó là gần với đạo, còn người nào nghe phá bản ngã sanh ra buồn sợ thì khó gần được đạo. Thế nên người si mê như con tằm nhả tơ kết

thành kén, càng nhả tơ càng nhốt mình ở trong, rốt cuộc bị bỏ vào chảo nước sôi để người ta kéo chỉ... Người thế gian cũng thế, tự chấp ngã rồi muốn mọi người tô điểm bản ngã của mình, tạo điều này điều kia đưa bản ngã mình lên... Đó là nhả tơ kết kén để trói mình, cuối cùng không thể nào thoát được. Vì thế người học đạo phải tỉnh giác. Học đạo là tìm lẽ thật, mà lẽ thật ngay nơi con người. Khi thấy lẽ thật rồi, đó là cái vui cao cả, cái vui của trí tuệ.

Tuy nói như thế mà Phật có chứng hay không? Khi đập tan cái bản ngã hư giả này mới sống được với cái thể chân thật thì gọi là Phật, đó là chứng, là đắc. Qua lời Phật dạy, chúng ta nhận ra những ai dạy đạo mà đặt nặng sự chứng đắc thì khó thoát sanh tử. Thế nên chúng ta phải nương theo kinh Phật dạy để khỏi lầm lạc trên đường tu.

ĐOẠN 23

Âm:

TỊNH TÂM HÀNH THIỆN

Phục thứ Tu-bồ-đề! Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả tu nhất thiết thiện pháp tắc đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

Dịch:

TÂM TRONG SẠCH LÀM VIỆC THIỆN

Lại nữa Tu-bồ-đề, pháp này bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do

không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả tu tất cả pháp lành tức được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giac. Này Tu-bồ-đề, nói rằng pháp lành đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp lành, ấy gọi là pháp lành.

Giảng:

Tịnh tâm là tâm trong sạch không còn chấp ngã chấp pháp, lại thêm làm lành nữa mới gọi là Phật.

Phật nói: *Pháp này bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,* hay pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tâm bình đẳng không có cao thấp. Bình đẳng là thế nào? Như trong giảng đường có một trăm người, nhưng trình độ học thức hiểu biết và những kiến thức do kinh nghiệm trong

cuộc sống, có thể sai biệt nhau, không bình đẳng được. Nếu dẹp chúng qua một bên, lặng hết mọi vọng tưởng, lúc đó chúng ta vẫn nghe, vẫn thấy, vẫn biết bình đẳng như nhau, nên nói pháp này bình đẳng không cao thấp.

Đức Phật bảo *tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật*, nhưng sở dĩ chúng ta có thiên sai vạn biệt là do huân tập, chứa chấp không đồng. Thiên sai vạn biệt là tướng huân tập bên ngoài, là những chủng tử sanh diệt, chúng ta bám vào đó cho là mình nên bị dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Huân tập cái gì nhiều thì sức mạnh của nó dẫn đi, gọi là theo nghiệp thọ sanh. Khi lặng hết những cái đó, chỉ còn tri giác bình đẳng, không còn nghiệp nào dẫn chúng ta đi, là giải thoát, là Phật. Tất cả những gì Phật đã làm, chúng ta làm theo đúng như vậy thì sẽ là Phật. Ai cũng

có khả năng thành Phật mà chỉ ưng hay không ưng làm thôi. Ai không ưng làm thì cứ làm chúng sanh, ai ưng thì người đó có ngày sẽ thành Phật.

Như thế pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã sẵn nơi mình, không người nào thiếu. Người nào còn thấy, còn nghe, còn biết thì người đó có khả năng thành Phật. Nếu chúng ta buông hết những cái bên ngoài huân vào, thì chỉ còn cái chân thật hằng giác hằng tri, khi ấy sẽ không bị luân hồi sanh tử, đó là giác ngộ thành Phật. Như thế thì không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả, vì đến chỗ bình đẳng thì không còn thấy có mình, có người, không thấy ngã nhân thì không thấy chúng sanh, thọ giả.

Chúng sanh là tướng duyên hợp, do các duyên hợp lại mà thành nên gọi là chúng sanh. Cái chân thật không phải

tướng duyên hợp nên không phải là chúng sanh. Không có chúng sanh thì không có thọ giả tức thọ mạng, không sanh thì làm gì có tử mà nói thọ mạng. Thấy như thế là mất hết bốn tướng, đến đó rồi không phải không làm gì hết, mà là làm tất cả pháp lành. Tại sao? Thí dụ đi đường thấy có người té, mình liền đỡ họ, không nghĩ gì hết, thấy người khổ thì giúp, chứ không phải người đó là thân hay thù. Khi tất cả chấp ngã, chấp nhân lặng rồi thì các hành động phát ra đều lành hết, đó là Vô duyên từ, là lòng từ không có duyên cớ, lòng từ chân thật. Khi tu hành đến đó rồi làm tất cả pháp lành chứ không phải tâm như như rồi không làm gì hết. Nếu không làm chi cả thì Phật đâu có đi thuyết pháp bốn mươi chín năm; đến đó rồi Bồ-tát cũng đem lục độ giáo hóa chúng sanh.

Chúng ta lòng từ tuy có, nhưng cũng còn mưu toan tính toán hoặc ít hoặc nhiều, nghĩa là đều có duyên cớ. Vì thấy có mình có người nên làm gì cũng quy về bản ngã, hoặc hưởng ngay bây giờ hoặc mai sau hưởng. Người đời thường nói: Thấy phơi lúa mới cho mượn gạo, nếu như không thấy họ phơi lúa thì không muốn cho mượn gạo... Chúng ta giúp nhau phần nhiều là thấy người có thể giúp lại mình việc gì mai sau, như thế đều là những việc có tính toán cả, tâm đó chưa phải bình đẳng, chưa phải là cứu cánh. Phải đến chỗ không còn bốn tướng mà vẫn làm pháp lành đó mới gọi là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nói pháp lành nhưng e chúng ta chấp pháp lành là thật, nên Phật bảo ngài Tu-bồ-đề: *Pháp lành đó Như Lai nói tức không phải pháp lành, ấy gọi là pháp lành.*

Ở thế gian nói thiện nói ác chẳng qua là tướng duyên thôi. Như thế thì nói pháp lành chẳng qua là tướng của duyên khởi, không có thật cho nên nói không phải pháp lành, nhưng giả danh tạm gọi là pháp lành. Làm đau khổ chúng sanh gọi là ác, làm an vui chúng sanh gọi là lành. Khi đạt đạo rồi, sống được bình đẳng thì thấy tất cả chúng sanh nào khổ mình giúp, giúp họ được vui tạm gọi là lành, chứ đâu phải thật có một pháp lành. Đó là *tịnh tâm hành thiện,* tâm hoàn toàn không còn ngã pháp mà làm lành.

ĐOẠN 24

Âm:

PHƯỚC TRÍ VÔ TỶ

Tu-bồ-đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung sở hữu chư Tu-di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tụ,

hữu nhân trì dụng bố thí. Nhược nhân dĩ thử Bát-nhã Ba-la-mật kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì độc tụng, vị tha nhân thuyết, ư tiền phước đức bách phần bất cập nhất, bách thiên vạn ức phần nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

Dịch:

PHƯỚC TRÍ KHÔNG GÌ SÁNH BẰNG

Này Tu-bồ-đề, nếu trong tam thiên đại thiên thế giới có các ngọn núi Tu-di chúa, như thế dùng bảy báu nhóm họp bằng những ngọn núi Tu-di ấy, có người mang ra bố thí. Hoặc có người đem kinh Bát-nhã Ba-la-mật này cho đến bốn câu kệ v.v... thọ trì đọc tụng, vì người khác nói thì phước đức của người này đối với người trước,

người này trăm phần, người kia không bằng một, trăm ngàn muôn ức phần cho đến toán số thí dụ cũng không thể bằng.

Giảng:

Lại một lần nữa đức Phật so sánh phước đức của người trì kinh Kim Cang. Ngài bảo giả sử như trong tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu ngọn núi lớn Tu-di, có người đem bảy báu như vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... chất bằng những quả núi Tu-di đó ra bố thí, lại có người ngay trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng vì người nói thì phước của người này được một trăm phần, còn phước của người bố thí bảy báu đó không được một phần, cho đến người này được trăm ngàn muôn ức phần, người kia cũng không được một phần. Như thế phước của người thọ trì đọc

tụng và vì người nói kinh Kim Cang hơn phước của người kia không thể tính kể. Tại sao?

Thọ trì bốn câu kệ kinh Kim Cang, đọc tụng rồi vì người nói thì đâu có gì cực nhọc lắm. Giả sử ngay ngọn Núi Lớn - Vũng Tàu, chúng ta phải làm trong bao nhiêu đời để có vàng đầy ngọn núi này, huống nữa là vàng bạc bằng bao nhiêu ngọn Tu-di để đem ra bố thí. Thế mà phước không bằng người thọ trì đọc tụng và vì người nói chỉ bốn câu kệ kinh Kim Cang. Phước của người này một trăm phần, người kia không được một phần. Việc thọ trì đọc tụng bốn câu kệ kinh Kim Cang xem ra không khó, tại sao chúng ta không ưng làm việc đó?

Trong kinh Kim Cang có hai bài kệ. Một bài nói:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,

Dĩ âm thanh cầu ngã,

Thị nhân hành tà đạo,

Bất năng kiến Như Lai.

Hoặc bài cuối:

Nhất thiết hữu vi pháp,

Như mộng, huyễn, bào, ảnh,

Như lộ diệc như điện,

Ưng tác như thị quán.

Hai bài đó đọc trong bao lâu thì thuộc? Một chút thôi. Vừa nhẹ lại vừa dễ, tại sao chúng ta không làm? Thọ là nhận, trì là giữ, nhận giữ mãi trong lòng gọi là thọ trì; rồi đọc tụng, giảng nói cho người khác nghe... Nhận giữ như thế nào? Phật thấy tất cả chúng sanh không phải chúng sanh, do duyên hợp nên gọi là chúng sanh. Nếu chúng ta luôn luôn thấy như vậy, thấy mình, thấy người đều biết rõ là tướng duyên hợp không thật, do duyên hợp nên

tạm gọi là ta, luôn biết như thế là trì kinh Kim Cang. Lúc nào ở đâu cũng cứ như thế mà thọ trì.

Thọ trì như thế, từ con người phàm dần dần thành thánh, tại sao không chịu thọ trì? Làm thánh thì ưng mà thọ trì thì không chịu. Tại vô minh cứ che hoài, mới vừa nhớ một chút, kế lại quên, thấy ta thật, người thật, cái chi cũng thật, chứ nếu hằng nhớ, hằng thấy như lời Phật dạy, thấy mình là duyên hợp hư giả, người là duyên hợp hư giả thì còn gì mà sân si, còn gì mà tham lam! Chỉ bao nhiêu đó thôi mà đã gần bậc thánh rồi, huống nữa là đầy đủ bốn câu! Việc đó thật ra không phải khó, nhưng vì chúng ta mê nên quên mãi...

Chúng ta chỉ có bài kinh Bát-nhã mà đọc hoài không thuộc, cứ quên tới, quên lui. Phật nói ngắn hơn, chỉ bốn câu kệ thôi mà vẫn không thuộc. Nghĩa là trong chùa

coi như thuộc, bước ra khỏi chùa là hết thuộc, vì tính mai làm gì, mốt làm gì v.v... tính một hồi quên mất câu kinh... Cứ quên, quên mãi, đó là mê. Vì thế đức Phật chỉ thật kỹ: Dù cho chúng ta đem bao nhiêu của báu bố thí cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Nếu nhận được lý đó để sống, tự nhiên chúng ta chuyển cả cuộc đời mình, chuyển từ thân giả dối trở lại thân chân thật. Còn bố thí của cải dù nhiều bao nhiêu đi nữa, sau này sanh ra mình hưởng, nhưng cũng vẫn ở trong sanh diệt. Thế nên khéo trì kinh Kim Cang là đã chuyển mê thành ngộ, bỏ thân luân hồi sanh diệt trở về cái vô sanh, như thế phước đức không gì sánh bằng.

ĐOẠN 25

Âm:

HÓA VÔ SỞ HÓA

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng sanh. Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Thật vô hữu chúng sanh Như Lai độ giả. Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tắc hữu ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết hữu ngã giả tắc phi hữu ngã, nhi phàm phu chi nhân dĩ vi hữu ngã. Tu-bồ-đề! Phàm phu giả, Như Lai thuyết tắc phi phàm phu, thị danh phàm phu.

Dịch:

GIÁO HÓA KHÔNG CÓ CHỖ GIÁO HÓA

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Các ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này: Ta sẽ độ chúng sanh. Này Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy. Vì cớ sao? Thật không có chúng sanh Như Lai độ đó. Nếu có chúng sanh Như Lai độ đó thì Như Lai ắt có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề, Như Lai nói có ngã ắt không phải có ngã mà người phàm phu cho là có ngã. Này Tu-bồ-đề, người phàm phu đó Như Lai nói tức không phải phàm phu, ấy gọi là phàm phu.

Giảng:

Đức Phật dạy thật thấu đáo, chỉ đến chỗ tột cùng mà chúng ta si mê quá lắm!

Như hồ bị bèo phủ kín trên mặt, có người lấy tay vạch bèo thấy được một chút nước, nhưng khi lấy tay lên, bèo phủ kín trở lại. Sự si mê của chúng ta cũng như thế.

Phật bảo: *Tu-bồ-đề, ông nghĩ sao? Các ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ ta sẽ độ chúng sanh.* Có người được một chút đạo đức là nghĩ mình độ thiên hạ, độ người này, người kia... Nghĩ độ người là thấy mình thật, người thật, ta là người hay độ, kia là kẻ được độ. Nếu thấy mình thật, người thật thì chưa phải là người giác ngộ. Đã không giác ngộ thì độ ai?

Thế nên đức Phật bảo tiếp: *Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy, vì cớ sao? Thật không có chúng sanh Như Lai độ.* Nếu Như Lai còn thấy thật có chúng sanh thì còn ngã, còn nhân, còn chúng sanh v.v... Cho nên *độ tất cả chúng sanh mà không*

thấy có chúng sanh được diệt độ cũng là một ý nghĩ thâm sâu ở đây.

Nếu có chúng sanh Như Lai độ thì Như Lai ắt có ngã có nhân... Tại sao? Vì ta là người hay độ và kia là chúng sanh được độ, như thế tức là có mình, có người, có chúng sanh, có thọ giả, tức còn chấp ngã, làm sao thành Như Lai? Vì thế *Như Lai nói có ngã đó ắt không phải có ngã.* Phật nói "Ta", thấy như có ngã nhưng không phải ngã. Vì sao? Khi ngài nói "Ngã" ngài vẫn biết ta là tướng duyên hợp hư giả không thật, còn phàm phu nói ta là ta thật.

Phật cũng nói có chúng sanh, nhưng nói theo danh từ của người thế gian. Vì muốn độ thế gian thì phải dùng danh từ thế gian, nhưng khi nói như thế ngài vẫn thấy rõ tất cả đều không thật, trái lại chúng ta nói cái nào là thật cái ấy... Nghe Phật nói phàm phu, chúng ta lại tưởng

Phật chấp phàm phu thật nên ngài lại nói: *Phàm phu đó, Như Lai nói tức chẳng phải phàm phu, ấy gọi là phàm phu.* Câu này có hai nghĩa.

Nói phàm phu tức chẳng phải phàm phu. Tại sao? Phàm phu thật ra là một giả danh, mê thì gọi là phàm phu, nếu ngộ rồi đâu còn gọi là phàm phu nữa. Vì thế phàm phu chỉ là giả danh, không thật nên nói *không phải phàm phu*. Như thế đừng nghĩ mình là phàm phu suốt kiếp, mai kia hết mê thì hết phàm phu.

Nhìn với con mắt Bát-nhã thì không chấp cố định. Chúng ta có bệnh hay chấp cố định Phật là Phật, phàm phu là phàm phu. Phật thấy ngay kẻ phàm phu có trí tuệ Phật, nên phàm phu cũng không phải phàm phu. Nếu nói rằng trong phàm phu có Phật tánh thì phàm phu đâu phải là phàm phu.

Nghĩa thứ nhất là nghĩa của kinh vì những danh từ phàm, thánh chẳng qua là những danh từ tạm chỉ lúc mê và lúc ngộ, lúc mê thì gọi là phàm, lúc ngộ gọi là Phật, là thánh. Hiểu như thế, tất cả chúng ta không mặc cảm gì cả. Ngày nay là phàm phu, nhưng một ngày nào đó mình không phải là phàm phu nữa.

ĐOẠN 26

Âm:

PHÁP THÂN PHI TƯỚNG

- Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Như thị, như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai.

Phật ngôn:

- Tu-bồ-đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, Chuyển luân thánh vương tắc thị Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai.

Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,

Dĩ âm thanh cầu ngã,

Thị nhân hành tà đạo,

Bất năng kiến Như Lai.

Dịch:

PHÁP THÂN CHẲNG PHẢI LÀ TƯỚNG

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai chăng?

Tu-bồ-đề thưa rằng:

- Như thế, như thế, do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai.

Phật bảo:

- Tu-bồ-đề, nếu do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai, thì Chuyển luân thánh vương tức là Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, không nên do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai.

Khi ấy Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu do sắc thấy ta,

Do âm thanh cầu ta,

Người ấy hành đạo tà,

Không thể thấy Như Lai.

Giảng:

Sách xưa nói người có đủ ba mươi hai tướng tốt đi tu thì thành Phật, còn ở thế gian thì làm Chuyển luân thánh vương. Như thế Chuyển luân thánh vương là vị vua hiền có đủ ba mươi hai tướng tốt. Thế nên nếu do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai thì Chuyển luân thánh vương cũng là Như Lai sao?

Trong đoạn này, đức Phật muốn chỉ Như Lai là pháp thân bất sanh bất diệt. Pháp thân đó không riêng đức Phật mà tất cả chúng ta đều có. Đức Phật sợ chúng

ta lầm chấp pháp thân là tướng cho nên ngài mới hỏi Tu-bồ-đề: *Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng? Tu-bồ-đề trả lời: Như thế, như thế, do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai.* Có lẽ lúc này ngài Tu-bồ-đề chưa nhận ra pháp thân. Tại sao tôi nói như thế? Bởi vì trong kinh thường nói Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, lên mỗi địa là ngộ được một phần pháp thân, còn Thanh văn thì chưa thấy được pháp thân. Phật liền quở: *Nếu do ba mươi hai tướng thấy Như Lai thì Chuyển luân thánh vương* có ba mươi hai tướng *là Như Lai* rồi. Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật: *Bạch Thế Tôn, như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, chẳng nên do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai.* Ngài trả lời rất dè dặt. Bấy giờ đức Phật mới kết thúc bằng bài kệ:

Nếu do sắc thấy ta,

Do âm thanh cầu ta,

Người ấy hành đạo tà,

Không thể thấy Như Lai.

Do sắc thấy ta tức do ba mươi hai tướng, do âm thanh cầu ta tức do những thứ tiếng mà cầu Như Lai. Cả hai sắc tướng và âm thanh là tướng sanh diệt, nếu dùng cái sanh diệt mà cầu Phật là đạo tà, không thể thấy được pháp thân. Bài kệ này cốt nói về pháp thân phi tướng.

Hiện nay có nhiều người cho rằng: "Không do sắc thấy ta, không do âm thanh cầu ta, như vậy ở chùa thờ Phật thì có sắc, gióng chuông, đánh mõ tụng kinh ra tiếng đó là âm thanh, nếu lấy việc đó để cầu thành Phật là đạo tà, không thể nào thấy Phật." Đó là xuyên tạc. Ở đây Phật bảo: Không do sắc thấy ta, không do âm thanh cầu ta, đó là hai tướng sanh diệt, đem cái sanh diệt để cầu pháp thân bất sanh bất

diệt thì không đúng, nên nói đó là hành đạo tà, không thể thấy được pháp thân.

Muốn thấy pháp thân phải làm sao? Như Phật đã nói, không do ba mươi hai tướng mà thấy Phật. Phải nhận ngay khi tất cả tâm vọng tưởng lặng xuống rồi, lúc đó cái chân thật hiển lộ. Cái chân thật không sanh diệt nên không phải là sắc tướng, âm thanh. Nếu chạy theo sắc tướng, âm thanh là lầm. Vậy ở chùa thờ Phật, tụng kinh gõ mõ đánh chuông có tiếng, như thế có phải đạo tà không? Dùng sắc, dùng thanh để dừng cái điên đảo vọng tưởng, để lặng những tâm niệm đang chạy theo sáu trần, như thế mượn âm thanh sắc tướng để lặng vọng tưởng rồi sẽ thấy Như Lai thì đâu phải tà.

Sự truyền bá đạo Phật đã hơn hai ngàn năm, qua nhiều thời, nhiều vị đệ tử Phật có đủ khả năng, đủ sáng kiến, nên

các ngài khéo linh động lập ra nhiều pháp tu, tuy cùng một gốc. Theo danh từ nhà Phật gọi là từ thể bất biến nhưng khéo tùy duyên, tuy tùy duyên mà thể vẫn bất biến. Nghĩa là từ chỗ chân thật Phật dạy, các ngài khéo tùy duyên, tùy thời, tùy căn cơ mà linh động, khi dùng pháp này, khi dùng pháp kia... Như người mới vào chùa không hiểu cách tu hành làm sao nhiếp tâm, cứ buông lung cho nó chạy ngược, chạy xuôi, bảo ngồi thiền thì họ chưa thông, bảo chăn trâu, họ không biết làm sao chăn, nên bảo lên chùa tụng kinh, đánh chuông gõ mõ, nhìn Phật, cốt chú ý vào kinh đừng nghĩ bậy có tội! Gõ mõ tụng kinh nên không nghĩ bậy, một giờ hoặc nửa giờ yên được một phần vọng tưởng thì đâu phải là tà. Đó là phương tiện cho kẻ sơ cơ.

Người không hiểu cứ chấp phải ngồi khơi khơi, để tâm không ngơ như bầu trời không mới đúng, đó là bệnh. Thế nên người tu phải khéo dùng phương tiện, với người nên dùng hình sắc độ thì dùng hình sắc, với người nên dùng âm thanh độ thì dùng âm thanh v.v... Tùy phương tiện giúp họ dừng tâm điên đảo vọng tưởng, đó là tài của người giáo hóa, chứ đừng cố chấp. Đa số người học hay cố chấp, nghe cái nào là chấp cái ấy, như nghe nói dùng sắc tướng âm thanh cầu ta là hành đạo tà, nên thấy các thứ sắc tướng âm thanh... liền bảo là tà. Đó là tự mình tà, chưa biết tới chỗ cứu cánh.

Mỗi khi lễ Phật chúng ta nhớ câu: *Năng lễ sở lễ tánh không tịch.* Chúng ta là người lạy, đức Phật là vị để mình lạy, cả hai đều tự tánh là không, là lặng lẽ, duyên hợp giả có. Thấy rõ như vậy, làm

sao gọi là tà được. Đừng nghĩ Như Lai là Phật Thích-ca. Phải nhớ Như Lai là pháp thân thường hằng của chúng ta. Pháp thân đó không thuộc sắc tướng thì đâu có chấp ngã, cũng không thuộc âm thanh thì đâu có chấp âm thanh. Tất cả âm thanh sắc tướng sanh diệt đều không chấp tức là không hành đạo tà, như thế mới thấy được pháp thân.

ĐOẠN 27

Âm:

VÔ ĐOẠN, VÔ DIỆT

Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhữ

nhược tác thị niệm: Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt. Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng.

Dịch:

KHÔNG ĐOẠN, KHÔNG DIỆT

Này Tu-bồ-đề, nếu ông khởi nghĩ thế này: Như Lai chẳng do các tướng cụ túc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy; Như Lai không do tướng cụ túc mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề, nếu ông khởi nghĩ thế này: người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nói các pháp đoạn diệt; chớ khởi cái nghĩ này. Vì cớ sao? Vì người phát tâm Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với pháp không có nói tướng đoạn diệt.

Giảng:

Khi nghe nói tất cả sắc tướng âm thanh không phải là Phật, chúng ta lại tưởng Phật ngoài thân năm uẩn mà có. Như thế thì thân năm uẩn này không liên hệ gì với Phật cả. Thế nên đến đây đức Phật liền xác nhận: *Tu-bồ-đề, ông chớ khởi nghĩ thế này: Như Lai chẳng do các tướng đầy đủ mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.* Chớ khởi nghĩ như thế. Vì sao? Vì Phật thành Phật là ngay nơi thân này mà thành, chứ đâu phải ngoài thân này. Nếu chúng ta nghĩ Phật ngoài thân này mà thành, đó là bệnh. Pháp thân lồng sẵn trong thân sắc tướng. Như Lai ở đây phải hiểu là pháp thân có sẵn trong sắc thân này. Đừng bao giờ nghĩ Như Lai

chẳng do các tướng cụ túc mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chính được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là ngay nơi thân sắc tướng này. Như vậy để cho chúng ta biết không phải cầu Phật ngoài thân này mà ngay thân năm uẩn đã có pháp thân, đừng tách rời nó mà tìm Phật.

Đức Phật dạy thêm: *Này Tu-bồ-đề, ông nếu khởi nghĩ thế này: người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nói các pháp đoạn diệt; chớ khởi nghĩ như thế. Vì cớ sao? Vì người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với pháp không nói tướng đoạn diệt.* Khi nói điều này, Phật lại sợ chúng ta chấp điều kia. Đức Phật bảo: Muốn cầu thành Phật thì phải ngay nơi sắc thân này mà cầu. Nhưng lại sợ chúng ta hiểu lầm thân sắc tướng này hoại thì Phật hoại. Tuy thân

sắc tướng hoại nhưng pháp thân không mất, thế nên Phật bảo: Ông đừng nghĩ người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nói pháp đoạn diệt.

Ngay trong thân sanh diệt có pháp thân bất sanh bất diệt. Khi nghe nói ngay trong sắc thân này cầu Phật, chúng ta nghĩ khi sắc thân đoạn diệt thì Phật cũng đoạn diệt luôn... Đừng hiểu lầm như thế, vì người thành Phật không bao giờ nói các pháp đoạn diệt. Chính điểm này là điểm mà tất cả người tu Phật phải để ý. Bởi vì chúng ta thường có hai thứ bệnh, bệnh chấp thường và bệnh chấp đoạn. Chấp thường là nghĩ rằng trong thân mình có linh hồn, linh hồn đời đời không bao giờ mất. Chấp đoạn thì nói thân này chết rồi là hết, không còn gì nữa. Chúng ta phải thấy rõ thân này là tướng hư giả do tứ đại hợp. Đã là tướng hư giả thì khi tứ đại tan

rã, thân này không còn. Tứ đại là vô tri, nhưng trong tứ đại hợp này có cái tri giác.

Tri giác lại chia hai phần, tri giác hư vọng sanh diệt và tri giác không hư vọng không sanh diệt. Khi người ta chấp toàn vật chất thì đức Phật phá tứ đại là không thật. Khi người ta xem nhẹ phần vật chất, chấp nặng phần tinh thần thì đức Phật phá ngũ uẩn. Sắc uẩn là tứ đại; thọ tưởng hành thức, bốn uẩn này thuộc về tinh thần. Bốn uẩn thọ tưởng hành thức là tướng tâm sanh diệt, bốn tướng tâm sanh diệt này không phải là ngã. Như thế là phá chấp ngã về thân, chấp ngã về tâm. Khi thân giả và tâm giả này mất rồi thì Như Lai tức pháp thân hiện tiền. Thế nên pháp thân không phải là tướng đoạn diệt. Thân hư giả và tâm hư giả mất chứ không phải pháp thân mất, không phải tới đó là hết. Có người nói Niết-bàn là chỗ lặng lẽ

hoàn toàn không có gì cả, đó là lầm lẫn, hiểu không thấu đáo. Khi không còn những mầm sanh diệt, đó là chân thật giải thoát, là Như Lai bất sanh bất diệt.

ĐOẠN 28

Âm:

BẤT THỌ, BẤT THAM

- Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát dĩ mãn Hằng hà sa đẳng thế giới thất bảo trì dụng bố thí, nhược phục hữu nhân tri nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành ư nhẫn.

Thử Bồ-tát thắng tiền Bồ-tát sở đắc công đức. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Dĩ chư Bồ-tát bất thọ phước đức cố.

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà Bồ-tát bất thọ phước đức?

- Tu-bồ-đề! Bồ-tát sở tác phước đức bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ phước đức.

Dịch:

KHÔNG THỌ, KHÔNG THAM TRƯỚC

- Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát dùng thất bảo đầy cả thế giới bằng số cát sông Hằng để đem bố thí, nếu lại có người biết tất cả pháp là vô ngã, được thành đức nhẫn nhục, thì Bồ-tát này được công đức hơn vị Bồ-tát trước. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề, do các vị Bồ-tát không thọ phước đức.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Bồ-tát không thọ phước đức?

- Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát làm phước đức mà chẳng nên tham trước, thế nên nói chẳng thọ phước đức.

Giảng:

Trước hết đức Phật dùng hình ảnh người đem của báu đầy cả thế giới bằng số cát sông Hằng ra bố thí. Của báu đầy dẫy thế giới mà mỗi thế giới là một hạt cát của sông Hằng, như thế không biết bao nhiêu thế giới và cũng không biết bao nhiêu của báu. *Lại có người biết tất cả pháp là vô ngã, thành được đức nhẫn nhục.* Như thế là có hai đức, đức thứ nhất là trí tuệ, do trí tuệ thấy tất cả pháp không có tự thể. Vô ngã là không có tự thể, do thấy các pháp duyên hợp, không có tự thể nên thực

hành hạnh nhẫn nhục được viên mãn, đó là đức thứ hai.

Đức Phật bảo: Bồ-tát dùng trí biết tất cả pháp vô ngã, nên thực hành được hạnh nhẫn nhục, được công đức nhiều hơn vị Bồ-tát đem của báu đầy dẫy số thế giới bằng số cát sông Hằng ra bố thí. Vì sao? Bởi *do các vị Bồ-tát đó không thọ phước đức.* Thế nào gọi là không thọ phước đức? Vì thấy tất cả pháp vô ngã, vô ngã thì không có chủ tể, nghĩa là không có mình, dù làm tất cả hạnh nhẫn nhục hay tất cả công đức gì mà không thấy có mình thật thì không có thọ. Đây là đức Phật đặt trí tuệ lên hàng đầu. Công đức được viên mãn là từ trí tuệ không thấy có ngã, bởi không thấy ngã nên không thọ, không thọ nên phước đức mới lớn.

Ở đây chủ yếu là nói không thọ, mà không thọ gốc từ trí tuệ vô ngã. Dù bố thí

của báu bao nhiêu đi nữa cũng không bằng do trí tuệ Bát-nhã dẫn đầu. Người như thế được công đức vô kể, vì người đó không có ngã. Như chúng ta hiện nay tu hạnh nhẫn nhục thì hạnh nhẫn nhục của mình hữu ngã hay vô ngã?

Người biết đạo thì không bao giờ sân, không bao giờ có niệm ác với kẻ khác. Nhẫn nhục mà còn ngã, dù ngoại tài hay nội tài, cũng khó nhẫn đến ba-la-mật. Giả sử có người chạm tới quyền lợi của mình, quyền lợi nhỏ thôi thì ráng nhịn. Đến quyền lợi kha khá một chút, khả dĩ còn ráng được. Nhưng khi chạm đến quyền lợi thật to của mình, lúc đó chắc hết nhẫn nổi. Huống nữa là bị làm nhục, bị đánh đập, thì thôi khỏi nói tới chữ nhẫn. Vì thế muốn nhẫn nhục ba-la-mật, trước phải có trí tuệ Bát-nhã, thấy rõ các pháp là vô ngã. Đã không có ta thật thì còn ai làm khổ ta, ai

hại ta? Khi ấy mới nhịn được tất cả những điều khó nhịn. Thế nên đức Phật dạy, trước hết phải biết các pháp là vô ngã rồi mới thực hành hạnh nhẫn nhục.

Người nhẫn được tất cả điều khó nhẫn, đến công đức người đó cũng không thọ nhận. Tại sao? Vì nhẫn nhục mà không thấy mình nhẫn nhục nên không thọ phước đức. Chúng ta mỗi lần nhẫn được thì khoe khắp mọi người, vì có ngã nên làm điều gì cũng thấy có thọ nhận cả. Đoạn này đức Phật đề cao công đức hay phước đức bất thọ. Phước đức bất thọ cũng do trí tuệ vô ngã mà ra. Thế nên khi ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: Thế nào là không thọ phước đức? Đức Phật bảo: *Bồ-tát làm phước đức không tham trước nên gọi là không thọ phước đức.* Sở dĩ chúng ta làm mà tham trước là vì có ngã, nếu vô ngã thì

tham trước cái gì? Nên nói không tham trước là phước đức lớn nhất.

ĐOẠN 29

Âm:

UY NGHI TỊCH TĨNH

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân ngôn Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhân bất giải ngã sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Như Lai giả, vô sở tùng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.

Dịch:

BỐN OAI NGHI ĐỀU TỊCH TĨNH

Này Tu-bồ-đề, nếu có người nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, người ấy không hiểu nghĩa của ta nói. Vì cớ sao? Như Lai đó

không từ đâu đến cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai.

Giảng:

Đoạn trước có chỗ định nghĩa Như Lai: *Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa.* Như Lai là nghĩa Như của các pháp. Ở đây nói, *không từ đâu đến cũng không đi đâu, gọi là Như Lai.* Đến và đi là tướng động, nếu nói Như Lai là tướng động thì không phải Như Lai. Tóm lại đoạn này nói Như Lai là chỉ cho pháp thân bất sanh bất diệt, không bao giờ dao động. Thấy được pháp thân bất động là thấy Phật, chứ không phải thấy đức Phật ba mươi hai tướng. Tại sao? Vì nếu thấy đức Phật ba mươi hai tướng thì khi thân tứ đại tan rã, Phật không còn sao? Thế nên phải hiểu rõ Như Lai là chỉ cho pháp thân thanh tịnh, mà pháp thân thanh tịnh thì không đến không đi.

Phật bảo: *Nếu có người nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, đó là không hiểu nghĩa Phật nói.* Nếu thấy Như Lai đến, đi, ngồi, nằm, đó là Như Lai có hình tướng, có tác động, mà hình tướng tác động là sanh diệt. Nếu cho Như Lai là sanh diệt thì không hiểu nghĩa Phật nói. Đoạn này Phật chỉ rõ Như Lai là pháp thân thanh tịnh bất sanh bất diệt, không đến không đi, để chúng ta thấy rõ Như Lai là tịch tĩnh, lặng lẽ thường hằng.

ĐOẠN 30

Âm:

NHẤT HIỆP TƯỚNG LÝ

- Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân dĩ tam thiên đại thiên thế giới toái vi vi trần, ư ý vân hà? Thị vi trần chúng ninh vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần chúng thật hữu giả, Phật tắc bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng tắc phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới tắc phi thế giới, thị danh thế giới. Hà dĩ cố? Nhược thế giới thật hữu giả, tắc thị nhất hiệp tướng. Như Lai thuyết nhất hiệp tướng tắc phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng.

- Tu-bồ-đề! Nhất hiệp tướng giả tắc thị bất khả thuyết, đản phàm phu chi nhân tham trước kỳ sự.

Dịch:

LÝ MỘT HỢP TƯỚNG

- Này Tu-bồ-đề, nếu người thiện nam, thiện nữ đem thế giới tam thiên đại thiên này nghiền nát thành bụi, ý ông nghĩ sao? Số bụi này thật là nhiều chăng? Ngài Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Vì cớ sao? Nếu là bụi thật có đó thì Phật ắt không nói là bụi nhiều. Vì cớ sao? Phật nói các bụi đó tức không phải là bụi, ấy gọi là bụi. Bạch Thế Tôn, Như Lai nói thế giới tam thiên đại thiên tức không phải thế giới, ấy gọi là thế giới. Vì cớ sao? Nếu thế giới thật có thì ắt là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng tức không phải một hợp tướng, ấy gọi là một hợp tướng.

- Này Tu-bồ-đề, một hợp tướng đó ắt không thể nói, chỉ người phàm phu tham trước việc ấy.

Giảng:

Đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: Giả sử có người nam, người nữ đem thế giới tam thiên đại thiên này nghiền nát thành bụi, số bụi đó nhiều chăng? Ngài Tu-bồ-đề trả lời: *Rất nhiều. Vì có sao? Vì bụi nếu thật có thì Phật không nói là bụi, Phật nói bụi tức không phải bụi, ấy gọi là bụi.* Nếu chúng ta lầm chấp các pháp có thật thể, tức thế giới là thật, hạt bụi là thật, đó là cái nhìn của phàm phu. Nếu thấy nó có thật thể tức không phải tướng duyên hợp.

Con mắt trí tuệ Bát-nhã của Bồ-tát thấy các pháp do duyên hợp, đã duyên hợp thì không cái nào có thật thể. Thế giới là tướng duyên hợp nên không thật, do phàm phu giả đặt tên thế giới. To như thế giới

mà chỉ có giả danh, còn nhỏ như hạt bụi thì sao? Hạt bụi tuy quá nhỏ đối với thế giới, nhưng hạt bụi cũng không phải là đơn vị cuối cùng. Nhỏ như hạt bụi cũng vẫn là một hợp thể do duyên hợp. Hạt bụi do duyên hợp nên không phải là hạt bụi, nhưng giả danh gọi là hạt bụi. Như thế để thấy rằng dù lớn, dù nhỏ đối với con mắt trí tuệ đều thấy là tướng duyên hợp, không một cái gì tự có thật thể. Thường chúng ta có hai lối nhìn, hoặc cho cái nhỏ không thật mà cái lớn lại là thật, hoặc cho cái lớn là duyên hợp mà cái nhỏ là đơn vị cuối cùng. Cũng như một nắm đất đập nát thành bụi, chúng ta cho nắm đất là không thật, nhưng hạt bụi là thật, đó là chúng ta thấy cái lớn giả mà cái nhỏ là thật.

Chủ yếu Phật dạy ở đây là phải nhìn cho tường tận tất cả pháp, không một pháp nào có hình tướng mà có thật thể. Từ

thế giới đến hạt bụi đều không có thật thể, nó là một hợp tướng. Hợp tướng cũng là giả danh, nên nói: *Hợp tướng không phải hợp tướng, ấy gọi là hợp tướng.* Cuối cùng đức Phật kết lại: *Này Tu-bồ-đề, một hợp tướng đó ắt không thể nói, chỉ người phàm phu tham trước việc ấy.* Không thể nói là một hợp tướng, tại sao? Vì nó hư giả, không thể nói có, nói không; nhưng phàm phu không biết, tham trước cho là thật.

Trên thế gian, tất cả những gì có hình tướng đều là tướng duyên hợp, thế mà phàm phu cho nó là thật. Có người nói: Chậu bông của tôi giả. Nghe thế có người xin: Cho tôi đi! Họ lại không cho. Do thấy cái gì cũng thật nên quý, tâm tham trước theo đó mà sanh.

Người nhìn bằng trí tuệ, thấy được lẽ thật. Nói cái nhà thì biết nó là tướng duyên hợp, không có thật thể. Vách tường

không phải nhà, kèo cột không phải nhà... Chẳng qua nhiều tướng nhỏ chung hợp thành một tướng lớn, tướng lớn đó tạm đặt tên là cái nhà. Hợp tướng là do duyên hợp thì đâu có cái gì là chủ, nên nó không có thật thể. Đó là một lẽ thật. Nhìn đúng lẽ thật nên không có tâm tham trước, do không tham trước nên không mắc kẹt ở thế gian. Trái lại vì nhìn không đúng lẽ thật nên khởi tâm tham trước, do đó mất một cái gì là lòng quặn đau, đến khi cái ngã mất thì đau vô ngần, vì thế nên cứ quanh quẩn trong thế gian không có ngày ra.

Phật bảo một hợp tướng không thể nói là có, không thể nói là không. Tinh thần Đại thừa cốt chỉ thẳng lý duyên hợp, cho nên không quyết định nơi có và không. Ai thấy các pháp thế gian thật có, thật không là bệnh. Thế mà lâu nay đa số người cho

học kinh Bát-nhã là chấp không. Chấp không là bệnh tối kỵ của tinh thần Bát-nhã. Thấy có thấy không là thấy hai bên, trái với lý Bát-nhã.

Bát-nhã nói các pháp duyên hợp nên không thật, vì duyên hợp nên không phải có cũng không phải không. Thế gian chỉ một mặt nói có hoặc nói không, nhưng ta thấy rõ các tướng duyên hợp không phải có không phải không nên không thể nói cố định được. Vì thế đức Phật bảo một hợp tướng ắt không thể nói, chỉ vì người phàm phu tham trước việc ấy.

Ý nghĩa sâu xa của kinh Đại thừa là không cho chúng ta kẹt bên nào, hoặc có, hoặc không... Kim Cang và Bát-nhã nói các pháp do duyên hợp không thật tánh, chứ không phải không ngơ. Như cái bàn, đối với con mắt trí tuệ Bát-nhã thấy nó không có tự thể, do duyên hợp nên chỉ có

giả danh. Giả danh là tên tạm, tạm gọi là bàn, không phải không ngơ, nhưng tìm thật thể thì không có. Nếu nói "cái bàn không, như hư không" thì không đúng.

Nhiều người không hiểu, nghe câu *Thị chư pháp không tướng bất sanh bất diệt v.v...* liền cho rằng Bát-nhã nói cái gì cũng không. Không đây là không có tướng thật vì nó là duyên hợp. Khi duyên hợp không thể nói không, khi duyên tan đâu thể nói có. Chính người không hiểu Bát-nhã mới chấp không, nói cái này có liền chấp thật có, nói cái kia không liền chấp thật không. Trí tuệ Bát-nhã nhìn tường tận các pháp không cố định, không có thật thể, nên nói như huyễn như hóa. Nghĩa là duyên hợp thì có, duyên ly tán thì không, chứ không phải không ngơ. Hiểu như thế mới không lầm lời Phật dạy trong kinh Kim Cang và Bát-nhã.

ĐOẠN 31

Âm:

TRI KIẾN BẤT SANH

- Tu-bồ-đề! Nhược nhân ngôn: "Phật thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến", Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Thị nhân giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?

- Phất dã Thế Tôn! Thị nhân bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Thế Tôn thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức phi ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến thị danh ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

- Tu-bồ-đề! Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, ư nhất thiết pháp ưng như thị tri, như thị kiến,

như thị tín giải, bất sanh pháp tướng. Tu-bồ-đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.

Dịch:

TRI KIẾN CHẲNG SANH

- Này Tu-bồ-đề, nếu có người nói: "Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến", này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy hiểu nghĩa ta nói chăng?

- Bạch Thế Tôn, không hiểu vậy. Người ấy không hiểu nghĩa của Như Lai nói. Vì cớ sao? Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức chẳng phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả

kiến, ấy gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

- Này Tu-bồ-đề, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với tất cả pháp nên như thế mà biết, như thế mà thấy, như thế mà tin hiểu, không sanh pháp tướng. Này Tu-bồ-đề, nói là pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng.

Giảng:

Nhiều người nghe đức Phật nói ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả nên chấp có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thật, từ đó sanh ra cái hiểu về ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thế nên đức Phật bảo: Nếu cho ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến là thật, là không hiểu nghĩa Phật nói. Tại sao? Vì *Phật nói ngã kiến, nhân kiến,*

chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức không phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, ấy gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, tuy trong kinh có nói, nhưng không phải như phàm phu nói. Phàm phu nói ngã là ngã thật, nhân là nhân thật, chúng sanh là chúng sanh thật, thọ giả là thọ giả thật. Trái lại, đức Phật thấy rõ ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả chỉ là tướng duyên hợp hư giả, nên ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến không phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Phải thấy rõ chỗ Phật nói bốn tướng là hư giả không thật, chỉ có giả danh thôi.

Đến đây đức Phật tóm kết lại: *Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với tất cả pháp nên biết như thế,*

thấy như thế và tin hiểu như thế. Như thế nghĩa là thế nào? Thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới, chúng sanh không phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh, ngã kiến không phải ngã kiến, ấy gọi là ngã kiến... Thấy như vậy, biết như vậy và tin hiểu như vậy, mới có thể tiến tới quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trái lại nếu thấy có cái thật cố định là si mê, không thể tiến đến giác ngộ. Như thế là *chẳng sanh pháp tướng* tức không khởi chấp, không thấy có một pháp tướng nào thật. Vừa nói pháp tướng, ngài lại sợ người ta cho pháp tướng là thật, nên liền bác: Này Tu-bồ-đề, *nói pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng.*

Tóm lại, tất cả danh ngôn đức Phật lập ra đều không có thật thể, chỉ là giả danh thôi; thấy rõ như thế mới đúng trí

tuệ Bát-nhã. Như vậy thấy Phật thế nào mới đúng? Nếu nói chúng sanh không phải chúng sanh ấy gọi là chúng sanh, thì Phật cũng không phải Phật ấy gọi là Phật. Hiểu như thế mới thấy ngay cả danh từ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, Phật cũng nói không có sở đắc, sở chứng... Chúng ta có bệnh cho những danh từ thế gian là giả, nhưng danh từ Phật, Bồ-đề, giác ngộ, giải thoát... thì thật. Phải thấy thấu đáo thế gian và xuất thế gian, cả hai đều là giả danh.

ĐOẠN 32

Âm:

ỨNG HÓA PHI CHÂN

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân dĩ mãn vô lượng a-tăng-kỳ thế giới thất bảo, trì dụng bố thí; nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát Bồ-đề tâm giả,

trì ư thử kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì độc tụng, vị nhân diễn thuyết, kỳ phước thắng bỉ. Vân hà vị nhân diễn thuyết? Bất thủ ư tướng, như như bất động. Hà dĩ cố?

Nhất thiết hữu vi pháp,

Như mộng, huyễn, bào, ảnh,

Như lộ diệc như điện,

Ưng tác như thị quán.

Phật thuyết thị kinh dĩ, trưởng lão Tu-bồ-đề cập chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la... văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành.

Dịch:

ỨNG HÓA KHÔNG PHẢI THẬT

Này Tu-bồ-đề, nếu có người đem bảy báu bằng thế giới trải qua số kiếp vô lượng a-tăng-kỳ để bố thí. Nếu có người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Bồ-đề đem kinh này cho đến bốn câu kệ v.v... thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói thì phước của người này còn hơn phước của người kia. Thế nào là vì người diễn nói? Chẳng thủ nơi tướng, như như bất động. Vì cớ sao?

Tất cả pháp hữu vi,

Như mộng, huyễn, bọt, bóng,

Như sương cũng như điện,

Nên khởi quán như thế.

Phật nói kinh này rồi, trưởng lão Tu-bồ-đề và chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-

ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả thế gian trời, người, a-tu-la... nghe Phật nói đều rất vui mừng, tin thọ và vâng làm.

Giảng:

Đoạn trước đức Phật bảo: Giả sử có người đem của báu đầy cả thế giới bằng số cát sông Hằng ra bố thí, công đức không bằng người dùng trí biết tất cả pháp là vô ngã và ứng dụng tu hạnh nhẫn nhục. Ở đây đức Phật lại bảo: *Đem bảy báu đầy cả thế giới trải qua thời gian vô số vô biên kiếp ra bố thí*. Đoạn trước là đứng về mặt không gian mà nói, đoạn này đứng về mặt thời gian mà nói.

Lại người nam hoặc nữ phát tâm Bồ-đề đem kinh này cho đến chỉ bốn câu kệ v.v... thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói thì phước của người này hơn phước của người kia. Nghe như thế ai mà không thích.

Nhưng tiếp theo đức Phật liền đặt câu hỏi: Thế nào là vì người diễn nói? Đoạn này nêu rõ ba trường hợp: Thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói. Tuy đức Phật chỉ hỏi trường hợp thứ ba, nhưng gồm cả hai trường hợp trước.

Ngài dạy: *Chẳng thủ nơi tướng, như như bất động,* nghĩa là thọ trì cũng chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, đọc tụng cũng chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, vì người diễn nói cũng chẳng thủ nơi tướng, như như bất động. Được vậy công đức hơn người bố thí bảy báu trải qua số kiếp vô lượng vô biên. Như thế đâu phải đơn giản.

Người nay cứ nghe nói thọ trì đọc tụng, bèn đem ra đọc mãi, nghĩ là thọ trì kinh Kim Cang, rồi tính một phẩm hai phẩm... cho thế là hay. Người căn cứ trên chữ nghĩa thọ trì, lại tính phẩm, tính số lượng

là thủ tướng. Đức Phật thật khéo, chỉ hỏi phần sau, thế nào là vì người diễn nói, rồi dạy *chẳng thủ tướng, như như bất động*, và bỏ phần thọ trì đọc tụng. Như thế để thấy ngài biết đến được chỗ *chẳng thủ tướng, như như bất động* rất khó, chúng sanh ít ai làm nổi. Nếu nói khó không ai tu, nên ngài phương tiện chỉ nói như thế.

Người không hiểu cho rằng thọ trì đọc tụng là thường, còn vì người diễn nói mới chẳng thủ tướng, như như bất động, nên ráng thọ trì đọc tụng để được phước. Đó là học kinh mà không nắm vững ý kinh, cứ chấp từng đoạn, lấy đó làm sở đắc, thật nguy hiểm. Hiểu như thế chúng ta mới biết tại sao đức Phật bảo công đức trì kinh Kim Cang vô lượng vô biên, hơn tất cả công đức. Vì dùng trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả pháp tướng không thật, không chấp vào một tướng nào nên không thủ tướng.

Không chấp tướng mà hằng sống với tâm đưa tất cả chúng sanh vào vô dư Niết-bàn, đó là như như bất động. Như như bất động là chỗ không sanh không diệt. Chúng ta sống được với chỗ ấy, vì người diễn nói, công đức hơn hẳn công đức của người đem bảy báu đầy khắp cả không gian hoặc thời gian vô biên mà bố thí. Vì của báu là hữu tướng; vô thường; còn như như bất động không tướng, không vô thường, không sanh diệt. Sống được với cái không sanh diệt, chỉ cho người nhận thì phước đức không lớn sao được!

Đến đây đức Phật dạy thêm:

Tất cả pháp hữu vi,

Như mộng, huyễn, bọt, bóng,

Như sương cũng như điện,

Nên khởi quán như thế.

Những gì có hình tướng, có động tác bị vô thường sanh diệt đều gọi là pháp hữu vi. Như tượng Phật bằng gỗ, bằng xi-măng có tướng mạo thì vô thường, cây nhang có tướng mạo cũng vô thường. Cả đến những niệm tưởng sanh diệt cũng là hữu vi. Tất cả pháp hữu vi đều như giấc mộng, như bong bóng nước, như sương mù, điện chớp... không thật. Chúng ta phải khởi quán như thế mới không thủ tướng, mới như như bất động.

Nếu thấy nó thật tức là thủ tướng mà thủ tướng thì tâm động. Như chúng ta mặc chiếc áo thật sạch, bất thần có bàn tay dính đầy lọ chụp vào vai thì thế nào? Nổi sân liền. Vì chấp tướng sạch nên chiếc áo bị dơ không chịu. Đó là việc hết sức nhỏ. Đến việc lớn hơn như ai đụng đến thân mạng, mình sẽ động liên miên... Giả sử có người nghe nói ngày mai bị tử hình thì

đêm nay họ ngồi thiền được không? Chẳng những ngồi thiền không được mà còn trằn trọc suốt đêm, khóc thôi là khóc. Như thế để thấy còn chấp tướng là không bao giờ an ổn.

Ngày xưa vua nước Kế-tân nghe lời sàm thần nói tổ Sư Tử truyền bá tà pháp làm nhiễu loạn lòng dân. Vua tay cầm kiếm đi đến chỗ Tổ, hỏi:

- Nghe nói ngài thấy năm uẩn đều không phải chăng?

Tổ đáp:

- Phải.

Vua nói:

- Nếu thấy năm uẩn đều không, ngài cho tôi cái đầu được không?

Tổ bảo:

- Năm uẩn đã không, sá gì cái đầu.

Vua liền chặt đầu Tổ.

Qua câu chuyện này, vua Trần Thái Tông có lời niêm:

Tương đầu lâm bạch nhẫn,

Du như trảm xuân phong.

Dịch:

Đem đầu kề gươm bén,

Dường như chém gió xuân.

Người xưa đạt đạo đến như thế, tự tại trong sanh tử. Chúng ta vì thấy tất cả đều thật nên nghe động đến thân tứ đại này thì tâm rối loạn, không bao giờ an ổn. Nếu không dùng trí hằng quán, hằng thấy như lời Phật dạy thì không thể nào không chấp tướng, không thể nào như như bất động.

Phật dạy có hệ thống rõ ràng, muốn được như như thì trước phải đừng chấp tướng, còn chấp tướng thì đừng nói như như. Chúng ta phải dùng trí hằng thấy,

hằng quán tất cả pháp hữu vi, từ thân đến cảnh, những gì có hình tướng, có tác động, đều vô thường sanh diệt như huyễn, như hóa, như bào ảnh... nên không kẹt chấp, có thế sanh tử mới tự tại.

Phật nói kinh này rồi, trưởng lão Tu-bồ-đề và các Tỳ-kheo v.v... đều hoan hỷ tín thọ phụng hành. Chúng ta cũng hoan hỷ nhưng tín thọ phụng hành xem ra khó!

TÓM KẾT

Toàn bộ kinh Kim Cang chia làm ba mươi hai phần, chủ yếu có hai câu hỏi chính:

1. Làm sao an trụ tâm?

2. Làm sao hàng phục tâm?

Ngài Tu-bồ-đề hỏi đức Phật về việc an trụ tâm và hàng phục tâm là hỏi cho ai? Cho người cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người thiện nam, thiện nữ phát tâm tu hành cầu giác ngộ làm sao an trụ tâm, làm sao hàng phục tâm? Cho nên an trụ tâm, hàng phục tâm là hai điểm chính yếu của bộ kinh.

Đức Phật dạy như thế nào? Lý đáng câu hỏi đầu là an trụ tâm, câu hỏi kế là hàng phục tâm, nhưng khi trả lời, Phật dạy hàng phục tâm trước rồi an trụ tâm sau. Muốn *hàng phục tâm*, phải phát tâm

độ tất cả chúng sanh: thai sanh, thấp sanh v.v... vào Vô dư Niết-bàn mà thật không có chúng sanh được diệt độ. Tóm lại muốn hàng phục được tâm thì phải độ tất cả những niệm tưởng về có sắc, về không sắc, về có tưởng, về không tưởng v.v... vào chỗ vô sanh.

Muốn *tâm an trụ* thì đối với sắc thanh hương vị xúc pháp không bị mắc kẹt. *Bồ-tát không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*, tức là không để tâm kẹt vào sáu trần, đó là trụ tâm. Mắt thấy sắc, tâm chạy theo sắc là tâm động. Trái lại, mắt thấy sắc, tâm không chạy theo sắc là tâm trụ. Tai nghe tiếng, tâm không chạy theo tiếng là tâm trụ. Trụ mà không trụ, vì trụ chỗ không trụ. Còn thấy sắc mà trụ nơi sắc là kẹt sắc, cho nên tâm động không phải trụ.

Như thế muốn trụ tâm thì đừng dính với sáu trần, muốn hàng phục tâm thì buông xả mọi vọng tưởng. Vọng tưởng hết, đó là hàng phục được tâm, không theo sáu trần là an trụ tâm. Tuy nói hai mà dường như không phải hai, vì an trụ tức là hàng phục, hàng phục tức là an trụ.

Vậy tại sao lại nói thành hai? Hàng phục và an trụ, cái nào sâu hơn? Nếu hàng phục phải dùng sức để đàn áp thì an trụ là chỉ buông xả thôi. Thế nên hàng phục là giai đoạn sơ cơ ban đầu, khi tâm còn chạy theo cảnh, theo người một cách mạnh mẽ. Nếu không có phương tiện, không khéo dùng sức mạnh để trị nó thì dừng không được. Vì thế trong giai đoạn đầu, mỗi một niệm tưởng dấy lên mình phải nhìn, phải phá nó bằng mọi phương tiện, gọi là hàng phục.

Nói đến an trụ là đối với sáu trần không dính mắc. Thấy sắc không theo là tâm hơi thuần rồi. Thế nên giai đoạn an trụ là giai đoạn thứ hai, khi tâm tương đối đã thuần thục. Cho nên đức Phật trả lời hàng phục trước, an trụ sau. Giai đoạn hàng phục là giai đoạn dụng công nhiều, giai đoạn an trụ là thấy nghe đều buông, nhẹ nhàng hơn. Hai giai đoạn khác nhau rõ ràng.

3. Tuy nhiên nếu chỉ có hai phần trên thì quyển kinh Kim Cang chưa thể hiện đầy đủ công năng của nó. Phải có phần thứ ba, tức là *dùng trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả pháp là tướng duyên hợp, không có tự tánh, chỉ có giả danh*. Bởi chỉ có giả danh nên không một pháp nào thật, do đó không chấp vào pháp và không chấp pháp thì mới có thể hàng phục, an trụ được tâm.

Thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới, chúng sanh không phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh... Phật lặp đi lặp lại ý nghĩa đó để chúng ta hằng dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu tất cả pháp là hư giả, sau đó mới hàng phục tâm, an trụ tâm. Như thế phần thứ ba dường như sau mà lại ở trước. Bài kệ cuối cùng đức Phật dạy:

Tất cả pháp hữu vi,

Như mộng, huyễn, bọt, bóng,

Như sương cũng như điện,

Nên khởi quán như thế.

Phật bảo phải thấy, phải khởi quán như vậy thì mới hàng phục, mới an trụ được tâm, còn nếu không thấy như thế thì không thể nào làm được hai việc trên. Đức Phật trả lời hai câu hỏi của ngài Tu-bồ-đề trước, rồi mới chỉ cách dùng lối quán chiếu,

để việc hàng phục và an trụ tâm thực hiện dễ dàng hơn. Nếu thiếu phần quán chiếu, không thể nào hàng phục tâm và cũng không thể nào an trụ tâm.

Vì thế học Bát-nhã phải dùng trí tuệ quán chiếu các pháp do duyên hợp, không thật thể, chỉ có giả danh. Đó là triết lý *Tánh không duy danh*. Thể tánh các pháp không thật, chỉ có giả danh. Vì giả danh nên nó không phải thật có, cũng không phải thật không. Không kẹt hai bên, đó là tinh thần Trung đạo của đạo Phật. Trái lại nếu kẹt một bên hoặc có hoặc không, đều chưa thể giải thoát.

Như vậy Kim cang là Trung đạo, không phải chấp không. Hiểu lý Kim cang là hiểu lý Trung đạo, không kẹt vào có và không. Chúng ta tu, trước phải dùng trí tuệ thấy các pháp tự tánh là không, duyên hợp giả có, kế đó mới hàng phục tâm rồi

sau an trụ tâm. Nếu không ứng dụng đúng theo thứ tự như thế thì việc tu không có kết quả. Phải thấy rõ là đầu tiên dùng bốn câu kệ cuối, quán tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bào, ảnh... mới không chấp tướng. Không chấp tướng rồi mới hàng phục tâm, hàng phục tâm rồi mới an trụ tâm. Như thế mới như như bất động. Như như bất động là thọ trì, là đọc tụng, là diễn nói kinh Kim Cang. Được thế thì phước đức không thể nào tính kể.

4. Đức Phật so sánh tất cả pháp hữu vi không bì được với pháp vô vi bất sanh bất diệt. *Không thủ tướng, như như bất động*, đó là vô vi; còn chấp tướng là hữu vi.

Tóm lại, từ giai đoạn thứ nhất là hàng phục tâm đến giai đoạn thứ hai là an trụ tâm, giai đoạn thứ ba là quán các pháp huyễn hóa, giai đoạn thứ tư là so sánh công đức trì kinh. Giờ đây chúng ta đổi lại,

đầu tiên là quán tất cả pháp hữu vi hư giả huyễn hóa, kế đến mới hàng phục tâm, rồi an trụ tâm và sau cùng nói đến công đức vô lượng vô biên, sánh với tất cả công đức hữu vi, không công đức nào bì kịp. Đó là trọn vẹn tinh thần quyển kinh Kim Cang.

Bốn điều này nếu chúng ta ứng dụng tu được mới biết khả năng, diệu dụng, kết quả như thế nào. Nếu hiểu như thế thì việc ứng dụng tu có đầu đuôi gốc ngọn. Người biết ứng dụng tu theo lời Phật dạy trong kinh này là người xứng đáng học kinh Kim Cang, tu theo kinh Kim Cang và thọ trì đọc tụng kinh Kim Cang./.